

CHƯƠNG V

NHỮNG NGUYÊN-LÝ CĂN-BẢN CỦA CHỦ-NGHĨA DÂN-TỘC SINH-TỒN.

I.- ĐẠI-CƯƠNG CHỦ-NGHĨA DÂN-TỘC SINH-TỒN.

Sự khảo-sát về con người đã cho ta biết rằng người là một sanh-vật cao-cấp có một cơ-thể tinh-xảo và nhiều khả-năng tâm-lý vi-diệu. Một trong những khả-năng này là ý-thức giúp người nhận biết về sự sống của mình và suy-luận về hành-động của mình. Nhờ ý-thức, người đã tự điều-khiển lấy mình một phần nào. Điều này làm cho người tin-tưởng rằng mình được tự-do.

Vốn có khuynh-hướng tự-tôn tự-đại và lúc nào cũng cần dựa vào một cái gì tuyệt-đối, người đã vô-tình hay hữu-ý quan-niệm một sự tự-do hoàn-toàn và cho rằng mình được trọn quyền quyết-định thái-độ mình. Ngay đến những người bị sự chi-phối của thần-quyền và tin-tưởng nơi một vị Thượng-Đế điều-khiển cả vũ-trụ cũng chấp-nhận nguyên-tắc người phải chịu trách-nhiệm về những hành-động của mình trước Thượng-Đế. Như thế, họ đã gián-tiếp công-nhận rằng người được hoàn-toàn tự-do trong sự chọn lựa một con đường sống.

Xã-hội loài người từ trước tới nay đã trực-tiếp đặt nền tảng trên nguyên-tắc trách-nhiệm và gián-tiếp thừa nhận nguyên-tắc tự-do ý-chí của người. Các giáo-điều luân-lý, các luật-lệ chánh-trị và đạo-đức hàm ý khuyên-nhủ hay bắt buộc người làm điều kia tránh việc nọ.

Nói cho thật đúng thì những giáo-điều, luật-lệ này nhiều cái cũng rất thiết-thực và chỉ phân-chiêu những nhu-cầu khẩn-yêu được người khéo tô-điểm cho có vẻ tươi đẹp mà thôi. Tuy thế, trong bản-ý nó, những hệ-thống tư-tưởng đạo-đức được cho là cao-siêu đều hướng đến một chế-độ lý-tưởng tuyệt-đối trong đó con người có một bản-tính khác hẳn bản-tính hiện-tại của họ.

Ta đã nhận thấy rằng sự tự-do của người không thể hoàn-toàn được. Người chỉ là một phần-tử nhỏ nhặt của thế-giới và bị khép chặt trong thế-giới ấy. Cơ-thể người gồm những chất đã cấu-tạo nên vũ-trụ và những khả-năng tâm-lý của người đều có vẻ vi-diệu đến đâu cũng không hoàn-toàn vượt ra ngoài vũ-trụ được.

Thật ra thì phạm-vi hoạt-động của người quả có rộng-rãi hơn phạm-vi hoạt-động của các loài khác. Người lại có thể nhờ ý-thức mà tạo nên cho mình một mục-đích và tự vạch ra một đường lối để noi theo. Nhưng đời sống con người không phải hoàn-toàn tùy-thuộc ý-thức. Một số lớn hành-động của người còn bị tiềm-thức chi-phối. Và ngay một số hoạt-động mà người tưởng là do ý-thức điều-khiển, thật ra cũng tùy-thuộc tiềm-thức. Người có thể thành-tâm tin-tưởng rằng mình tuân theo lý-trí khách-quan của mình, không dè rằng mình chỉ lý-luận hay biện-chánh cho ý muốn hay hành-động mình, mà ý muốn hay hành-động này lại đặt dưới sự điều-khiển của những bản-năng ẩn-áo người không nhận-thức được.

Như thế, sự tự-do của người chỉ là một sự tự-do tương-đối, và sự tự-quyết của người vốn có một giới-hạn rõ ràng. Như thế là vì tổ-chức cơ-cấu của thân-thể người phải tuân theo một qui-phạm chặt chẽ. Nó tạo cho người những nhu-cầu, những bản-năng, những khuynh-hướng tự-nhiên mà người không sao hủy-diệt hay cưỡng lại được. Khung cảnh trong đó người

sống cũng phải tuân theo những qui-phạm đặc-biệt cho mỗi loài, mỗi vật. Do đó, sự hoạt-động của người đã bị khẹp vào những định-luật thiên-nhiên rõ rệt.

Hướng-dẫn sự hoạt-động của người đi trái những định-luật thiên-nhiên là một điều không thể làm được. Những bậc vĩ-nhơn, những nhà đạo-đức đã thử tìm cách chống lại những bản-năng của loài người đều thất-bại. Và những chánh-khách thờ phụng những không-tượng, những lý-tượng quá cao-siêu, vượt khỏi tầm-thức của người, nếu không tự mình phản lại ý-tượng ấy trong sự hoạt-động, thì cũng chỉ làm khổ dân-chúng. Vậy muốn thành-công trong sự xây dựng một xã-hội tốt đẹp và vững chắc, muốn đưa dân-chúng đến một đời sống vui tươi, ta phải dựa vào một chủ-nghĩa chánh-trị hợp với những động-lực chi-phối sự hoạt-động của người.

Nói như thế là không phải chủ-trương chiều theo những thị-dục thấp kém của người và để cho người buông lung theo thú-tánh. Việc cải-thiện đời sống của người, nâng cao hơn-cách và đức-tánh của người là một điều cần-thiết và phải làm.

Nhưng ta nên nhớ rằng việc thay đổi hẳn bản-tánh của loài người là một điều ta không thể làm được. Ta không thể khiến cho mọi người đều tốt như Tiên Phật, cũng như ta không thể tạo ra những khí-cụ rắn chắc như thép cứng nếu ta dùng đất làm nguyên-liệu vậy.

Như thế, ta chỉ có thể cải-lương con người trong vòng những đức-tánh người có thể đạt được mà thôi. Một mặt khác, nếu người ta chỉ có thể điều-khiển được các lực-lượng thiên-nhiên bằng cách chiều theo nó, người chỉ có thể cải-lương được con người bằng cách nương theo những khuynh-hướng, những bản-tánh của người. Đó là những nguyên-tắc căn-bản mà chúng ta lúc nào cũng phải tuân theo trong sự xây dựng một chủ-nghĩa chánh-trị thiết-thật.

Nghiên-cứu về con người, ta đã nhận thấy rằng người chung-qui chỉ là một sanh-vật có đủ đặc-tánh của sanh-vật. Đặc-tánh căn-bản của mọi sanh-vật là cố-gắng để duy-trì và truyền-lưu sự sống của mình lại đời sau. Từ một con a-míp (amibe) đơn tế-bào cho đến một cơ-thể phức-tạp chứa đựng hàng tỷ tế-bào, mỗi sanh-vật đều hướng đến mục-đích sanh-hoạt và tồn-tại. Mặc dầu cao hơn các loài khác, con người cũng không thoát khỏi công-lệ trên đây.

Cơ-thể người cũng như những bản-năng ẩn náu trong cơ-thể ấy đều thúc đẩy người hướng đến sự sinh-tồn. Bởi đó, người của mọi địa-phương, mọi thời-đại, đều hoạt-động để mưu-đồ sinh-tồn cho mình. *Sự sinh-tồn là cái luật căn-bản chi-phối đời sống của người, và một chủ-nghĩa chánh-trị có nhiệm-vụ hướng-dẫn sự hoạt-động của người, nhất là sự hoạt-động để tổ-chức đời sống chung, không thể nhắm vào cứu-cánh nào khác hơn là mưu sự sinh-tồn cho người.*

Trong việc qui-định mục-đích của người, ta phải nhớ đến sự sinh-tồn, mà trong sự hướng-dẫn người hoạt-động để mưu-sanh, ta cũng phải tùy theo những điều-kiện chi-phối sự hoạt-động sinh-tồn của người.

Người vốn là một sanh-vật cao-đẳng, có những khả-năng đặc-biệt khác hơn các loài sanh-vật hạ-cấp, cho nên sự sinh-tồn của người cũng phức-tạp hơn. Ngoài sự sinh-tồn vật-chất, người lại có sự sinh-tồn tinh-thần nữa.

Riêng về mặt vật-chất, người không phải chỉ cần sống lấy còn, lấy có như cầm thú, mà biết ưa thích những món ngon, vật lạ, những đồ dùng tốt đẹp quý báu. Không những mưu-cầu

những nhu-dụng tối-thiểu cần-thiết cho sự sống, người còn biết tìm cách nâng cao sự sống ấy lên, làm cho nó tươi đẹp hơn.

Về mặt tinh-thần, người có những tư-tưởng, những tình-cảm cần bảo-vệ, những sở-thích, những nhu-cầu cần thỏa-mãn. sự bảo-vệ những tư-tưởng, tình-cảm của người hàm một chế-độ công-nhận một số quyền tự-do căn-bản cho người. Thật ra, người cũng có thể sống dưới một chế-độ khắc-nghiệt không dung-nạp những quyền tự-do ấy. Nhưng trong trường-hợp này, người rất khổ-sở, và một chế-độ khắc-nghiệt muốn làm dịu sự khổ của người phải làm cho người ngu đần đi, đến mất cả ý-thức về nhơn-cách mình. Như thế, sự sinh-tồn tinh-thần của người phải kém đi và giá-trị người cũng bị hạ xuống. Về sự thỏa-mãn những sở-thích, nhu-cầu tinh-thần của người, nó hàm một xã-hội tiến-hóa, văn-minh, có một kỹ-thuật khá cao và một đời sống phức-tạp.

Sự sinh-tồn của người nhắm vào việc phụng-sự bản-thân người trước hết. Người không thể trút bỏ thân-thể mình, cũng không thể hủy-diệt bản-ngã mình. Bởi đó, sự hoạt-động sinh-tồn của người bao giờ cũng có tánh-cách vị-kỷ. Sự vị-kỷ này có thể mở rộng ra làm cho người biết nghĩ đến người khác và lo cho người khác như mình. Một số nhà đạo-đức nhận thấy sự vị-tha này tốt đẹp nên đã hô-hào người cố hủy bỏ lòng vị-kỷ, chỉ giữ lòng vị-tha lại mà thôi. Nhưng sự thật, vị-kỷ là căn-bản của tánh người, và lòng vị-tha cũng chỉ là lòng vị-kỷ mở rộng ra cho nên người không thể hủy lòng vị-kỷ đi được.

Muốn sinh-tồn, người phải tranh-đấu với thiên-nhiên, với các loài cầm thú và với người đồng-loại. Sự tranh-đấu này có thể ôn-hòa hay bạo tợn, nhưng lúc nào cũng có, và không thể chấm dứt được.

Trong sự tranh-đấu của các sanh-vật, sự thắng-lợi bao giờ cũng nghiêng về phía kẻ mạnh và có một quan-năng biến-cải cường-kiện. Loài người chỉ có một sức mạnh bình-thường, nhưng lại được Tạo-hóa phú cho một quan-năng biến-cải rất mực cường-kiện. Quan-năng biến-cải đã giúp người đối-phó với thiên-nhiên và loài cầm thú một cách thích-ứng. Hơn nữa, nó lại có tánh-chất ý-thức một phần nào nên có thể tự mở mang thêm và làm cho người tiến-hóa. Nhờ đó, người đã thắng được thiên-nhiên và các loài cầm thú mà làm chủ địa-cầu.

Ngoài quan-năng biến-cải, lại còn một yếu-tố khác giúp rất nhiều vào sự thắng-lợi của người. Đó là sự hợp-quần. Sự hợp-quần chẳng những đã tăng thêm sức mạnh của người mà còn giúp cho người nhiều điều-kiện thuận-tiện để học hỏi và tiến-hóa.

Sự hợp-quần có thể có tánh-cách cưỡng-bách hay tình-nguyện, nhưng bao giờ nó cũng đi từ chỗ nhỏ đến chỗ lớn, từ người gần đến kẻ xa. Ngoài động-lực quyền-lực được nhận-thức rõ rệt hay nằm trong vòng vô-ý-thức, yếu-tố ý-thức, chủng-loại đã đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự làm cho người hợp-quần nhau lại.

Người, một mặt, cần phải hợp-quần để tranh-đấu chung nhau, một mặt, lại cần phải tranh-đấu lẫn nhau. Người phải tranh-đấu nhau bên trong đoàn-thể mình để mưu sinh-tồn cá-nhơn của mình nhưng đồng-thời cũng hợp với người trong đoàn-thể để đối-phó với đoàn-thể khác hầu mưu sự sinh-tồn cho đoàn-thể mình.

Sự hợp-quần đưa đến cho người rất nhiều mối lợi, mà sự tranh-đấu nhau giữa các đoàn-thể loài người lại gây ra rất nhiều cảnh thảm-mục thương tâm. Bởi đó, nhiều người đứng lên hô-hào loài người chấm dứt sự xung-đột lẫn nhau và hợp nhau lại thành một khối duy-nhứt để mưu sự sinh-tồn chung.

Nhưng, như ta đã thấy, nhân loại bị bản-năng sinh-tồn và ý-thức chủng-loại của người làm cho chia rẽ nhau. Nhưng nguyên-nhơn chia rẽ này do bản-chất của người mà có, và sẽ tồn-tại mãi với người. Ta không thể nào hủy-diệt được nó. Vì sự chia rẽ do bản-năng sinh-tồn và ý-thức chủng-loại gây ra, sự thống-nhất nhơn-loại lại trong một tổ-chức duy-nhất để mưu sinh-tồn chung không thể thực-hiện được, ngoại trừ trường-hợp đặc-biệt và khó có là sự sống của cả nhơn-loại bị một chủng-loại khác uy-hiếp một cách nặng-nề.

Những nhà đạo-đức mơ ước cảnh thế-giới đại-đồng đã có chủ-trương hủy bỏ ý-thức chủng-loại là bản-tánh làm cho con người phân-biệt thân sơ và có xu-hướng bình vực người gần mà chống chọi lại kẻ xa. Nhưng ý-thức chủng-loại là một bản-năng Tạo-hóa phú cho người nên không sao hủy-diệt được.

Vả lại, xét vấn-đề thật kỹ, ta sẽ thấy rằng ý-thức chủng-loại không phải chỉ làm hại cho người. Nếu nó có làm cho người phân rẽ ra, khiến cho thế-giới đại-đồng không thực-hiện được, nó cũng làm cho người cố-kết nhau trong các đoàn-thể nhỏ.

Những đoàn-thể loài người chỉ dựa vào quyền-lợi rất khó đứng vững được lâu dài, vì quyền-lợi người không phải lúc nào cũng hòa-hợp nhau được. Ý-thức chủng-loại, khi gây ra cho người sự phân-biệt thân sơ và lòng ghét kẻ xa, đã làm cho người biết thương kẻ gần mình và sẵn sàng hy-sanh quyền-lợi mình, có khi cả tánh-mạng mình cho kẻ gần ấy. Như thế, ý-thức chủng-loại tạo ra những yếu-tố tâm-lý cần-thiết cho việc duy-trì sự hợp-quần.

Nếu nhờ một phép lạ nào mà ta có thể hủy-diệt được ý-thức chủng-loại, con người sẽ không còn phân-biệt thân sơ nữa và sẽ dùng dung với mọi người. Nhưng, điều này sẽ không ích-lợi gì, mà trái lại, còn có hại cho người, vì con người mất ý-thức chủng-loại không còn lý-do gì để nghĩ đến kẻ khác, hoặc hy-sanh cho kẻ khác. Họ sẽ chỉ biết có họ, họ sẽ trở nên hoàn-toàn vị-kỷ, và sự vị-kỷ hoàn-toàn này chẳng những không đưa đến thế-giới đại-đồng, mà còn khiến cho người tranh-đấu hỗn-loạn cùng nhau nữa.

Bởi lý-do đó, ta không nên nghĩ đến việc hủy-diệt ý-thức chủng-loại để đi đến thế-giới đại-đồng, mà lại phải nghĩ đến việc nương theo ý-thức chủng-loại mà làm cho người mở rộng sự vị-kỷ của mình ra, và biết thương yêu giúp đỡ kẻ khác. Tình yêu gia-đình đã khiến người ta lo nghĩ đến bà con thân-thuộc, tình-thần hương-đăng đã xui người bồi đắp quê-hương, lòng ái-quốc đã đưa người đến chỗ hy-sanh thân-thể cho tổ-quốc.

Những kẻ chủ-trương thế-giới đại-đồng và cố hủy-diệt tình yêu gia-đình tổ-quốc, sẵn sàng giết hại bà con thân-thuộc, tàn-sát đồng-bào, đã tưởng rằng làm như thế, họ phụng-sự nhơn-loại. Nhưng kỳ thật, khi đã đang tâm giết hại bà con thân-thuộc, tàn-sát đồng-bào, họ đâu cần ngần ngại gì nữa khi phải tru-diệt những kẻ hoàn-toàn xa lạ đối với họ. Và rốt cuộc, dưới những danh-từ vĩ-đại, nhưng rỗng tuếch, như phục-vụ đại-chúng, tôn-thờ nhơn-loại, họ chỉ phụng-sự cá-nhơn họ, họ chỉ nhắm vào việc xây dựng một thế-giới phù-hợp với trí óc họ, với quyền-lợi họ, một thế-giới họ cho rằng có thể gây hạnh-phúc cho mọi người, nhưng kỳ thật chỉ là một địa-ngục trong đó tình thương không còn nữa.

Xét những điều-kiện chi-phối sự hợp-quần để tranh-đấu của người, ta có thể nhận thấy rằng gia-đình là đoàn-thể hợp-quần thích-hợp nhất với bản-năng người và do đó mà chặt chẽ nhất. Tình thương yêu giữa vợ chồng đặt nền tảng trên bản-năng tình-dục và có thể được củng-cố thêm nhờ sự tương-đồng tâm-tánh và chí-hướng. Con cái thì do những tế-bào sanh-dục của cha mẹ hợp lại tạo nên, và có thể được xem như là một phần xương thịt của cha mẹ.

Mỗi đứa con mang một số đặc-tánh vật-chất và tinh-thần của cha mẹ và giống cha mẹ nếu không về mặt này thì cũng về mặt khác. Vì đó, lòng yêu con thật ra chỉ là một hình-thức đặc-biệt của lòng tự yêu mình. Anh chị em cũng có rất nhiều điểm giống nhau và sự chung huyết-thống cũng như sự sống gần gũi nhau làm cho họ tự-nhiên trở thành bạn hữu của nhau.

Trong đại-gia-đình, ta còn có thể chứng-kiến sự xung-đột nhau, vì những kẻ thành-niên đều sống một cuộc đời riêng biệt. Nhưng trong tiểu-gia-đình, mọi người đều liên-đới nhau một cách chặt chẽ. Vận-mạng mọi người đều buộc chặt vào nhau và những quyền-lợi vật-chất cũng như những quyền-lợi tinh-thần của mọi người đều hòa-hợp nhau một cách sâu xa.

Bởi những lý-do đó, tiểu gia-đình bao giờ cũng là đoàn-thể hợp-quần tốt đẹp nhất ; chính nó mới có đủ điều-kiện hơn hết để gây ra những sự hy-sanh cần-thiết cho đời sống chung. Người chồng có thể vui lòng chịu cực khổ để cho vợ con sung sướng. Người vợ có thể cam-tâm chịu nhin đủ thứ để cho chồng con đầy đủ. Cha mẹ có thể quên mình để nghĩ đến tương-lai của con. Chỉ trong gia-đình, người ta mới hoàn-toàn bỏ hết những sự nạnh hẹ, những sự ganh tị nhỏ nhen mới có thể giữ đúng nguyên-tắc « các tận sở năng, các thủ sở nhu » mà theo chế-độ cộng-sản được.

Như vậy, chính gia-đình là cái trường làm cho người bớt sự vị-kỷ để lo cho kẻ khác ngoài mình. Những người có lòng vị-tha mà không lập gia-đình thường cũng học đức vị-tha trong cái gia-đình đã dưỡng-dục mình. Như thế, gia-đình hết sức hữu-ích cho xã-hội.

Thật ra, trong xã-hội, cũng có nhiều người vì quá nặng tình gia-đình mà lãng quên nhiệm-vụ đối với quốc-gia, nhơn-loại. Nhưng nếu không có gia-đình, tất cả mọi người đều sẽ vị-kỷ hoàn-toàn và xã-hội còn đen tối hơn nữa. Bởi đó, chủ-trương hủy-diệt gia-đình chỉ có hại mà không có lợi cho xã-hội như nhiều người lầm tưởng.

Vả lại, sự hủy-diệt tánh hay phân-biệt thân sơ hoàn-toàn trái với bản-tánh tự-nhiên của người nên không thể thực-hiện được. Xét về phương-diện lý-thuyết, Mặc giáo có vẻ tốt đẹp hơn Nho-giáo, nhưng Mặc tử đã thất-bại, vì chủ-trương « *kiêm ái* » của ông không sao áp-dụng được. Với chủ-trương « *tề-gia, trị-quốc* », Khổng tử đã tỏ ra am-hiểu tâm-lý con người hơn, nên đã thắng-lợi một cách vẻ vang ở toàn cõi Đông-Á.

Vì thích-ứng với bản-tánh người, vì phù-hợp với quyền-lợi người, tiểu-gia-đình thành ra đoàn-thể hợp-quần lý-tưởng của người. Bởi đó, nó đã được duy-trì ở khắp các địa-phương và qua các thời-đại. Các lãnh-tụ cộng-sản đã dùng rất nhiều biện-pháp - nhất là biện-pháp khêu gọi tánh vị-kỷ hoàn-toàn của người - để đả-phá gia-đình. Tuy-nhiên, họ chỉ thành-công có một phần nửa. Trong xã-hội Sô- viết, người ta đã thấy những đứa con tố-cáo cha mẹ vì ngây thơ chưa hiểu rõ hậu-quả việc mình làm, vì quyền-lợi thiên-cận, hay vì sự hèn nhất tham sanh. Nhưng về phía cha mẹ, ta chưa thấy ai tố-cáo hay hãm-hại con mình. Ngay đến các lãnh-tụ cộng-sản đang tâm truy-tố cha mẹ cũng vẫn còn lo lắng cho con và thương yêu chúng. Vả lại, dầu sao, các nước cộng-sản còn phải duy-trì chế-độ gia-đình chớ chưa dám triệt-hạ nó hẳn, và điều này đủ để chứng tỏ rằng gia-đình là cái tế-bào căn-bản của mọi xã-hội, ta không sao hủy-diệt được.

Với những điều-kiện đặc-biệt thuận-lợi như thế, gia-đình là đoàn-thể hợp-quần thích-hợp nhất cho người. Nhưng phạm-vi gia-đình rất nhỏ hẹp nên không đủ sức mạnh mà nắm phần thắng-lợi trong tất cả mọi cuộc tranh-đấu. Muốn có đủ điều-kiện thủ-thắng và sinh-tồn

được sung-mãn, người phải mở rộng sự hợp-quần của mình ra thêm nữa. Do đó mà phát-hiện những tổ-chức rộng lớn hơn gia-đình, như thị-tộc, bộ-lạc, quốc-gia và ý-tưởng thế-giới đại-đồng tức là ý-tưởng hợp-quần trong phạm-vi nhơn-loại.

Trong thời-kỳ người còn man-dã, thị-tộc và bộ-lạc đã đủ để bảo-đảm sự sinh-tồn của người. Nhưng đến khi trình-độ trí-thức của người được nâng cao lên, kỹ-thuật của người cũng tiến-bộ, sự giao-thông hóa ra dễ dàng hơn và thị-tộc cùng bộ-lạc trở thành tương-đối nhỏ yếu, không đủ sức giúp người sinh-tồn một cách sung-mãn hơn nữa.

Một mặt khác, vì những nguyên-nhơn chia rẽ loài người, sự thống-nhất cả nhơn-loại dưới một quyền quản-trị duy-nhút lại không thể thực-hiện được. Vì đó, từ một quá-khứ dài dặc – dài dặc so với lịch-sử con người có ý-thức – người đã thành-lập nên những quốc-gia, và duy-trì các quốc-gia ấy qua các thời-đại.

Xu-hướng hợp-quần trong nhơn-loại cũng vẫn còn tồn-tại, nhưng kinh-nghiệm đã cho chúng ta thấy rằng sự hợp-quần trong nhơn-loại bao giờ cũng phải dựa vào các quốc-gia. Ngày trước, các nhà chinh-phục đã chủ-trương dùng lực-lượng một quốc-gia để chinh-phục các quốc-gia khác. Nhưng hiện nay, với sự bùng-tinh của ý-thức tự-do và ý-thức dân-tộc, chủ-trương xâm-lược phải lần lần lui bước. Từ thế-kỷ này, người chỉ còn có thể tổ-chức sự hợp-quần bằng cách công-nhận và củng cố các quốc-gia. Nói một cách khác, loài người có thể tổ-chức những hội quốc-tế để giúp đỡ nhau, hay để quản-trị nhau, nhưng muốn đứng vững được, các hội quốc-tế này phải kính-trọng chủ-quyền các quốc-gia.

Gia-đình, thị-tộc và bộ-lạc đều đặt nền tảng trên huyết-thống và có một tánh-cách chủng-tộc rõ rệt. Các quốc-gia nhỏ bé thời cổ cũng dựa vào yếu-tố chủng-tộc trước hết. Nhưng với sự mở rộng biên-cương, với sự chinh-phục lẫn nhau, với sự áp-dụng những chủ-nghĩa chánh-trị khác nhau, người ta thấy xuất-hiện trong lịch-sử nhiều nguyên-tắc khác làm nền tảng cho quốc-gia.

Người ta có thể lấy tôn-giáo làm cơ-sở cho quốc-gia. Đó là trường-hợp Hồi-quốc. Người ta cũng có thể lấy ý-chí muốn sống chung nhau của toàn dân làm yếu-tố chánh để xây dựng sự cố-kết cần-thiết. Đó là trường-hợp các quốc-gia gồm nhiều dân hợp lại lập thành như Thụy-sĩ. Sau hết, quốc-gia cũng có thể lấy dân-tộc làm nền tảng cho mình. Đó là trường-hợp phần lớn các quốc-gia trên thế-giới.

Trong tất cả các yếu-tố dùng làm nền tảng cho quốc-gia, chỉ có yếu-tố dân-tộc là bền vững hơn cả.

Người có thể bỏ tôn-giáo mình phụng thờ để theo một tôn-giáo khác hay để theo chủ-trương vô thần. Hơn nữa, trong nhơn-loại ngày mai, tôn-giáo đâu còn chi-phối được con người một cách mạnh mẽ, cũng sẽ thấy vai-tướng chánh-trị của mình thâu hẹp bớt.

Ý-chí muốn sống chung nhau là một dây liên-lạc rất chặt chẽ. Nhưng sợi dây đó chỉ có hiệu-lực khi quốc-gia được trù-phú, thái-bình, có thể bảo-đảm được sự sinh-tồn của mọi cá-nhơn một cách sung-mãn. Trong trường-hợp quốc-gia suy-yếu, thường bị nạn xâm-lấn và không bảo-vệ được công- dân mình, ý-chí này có thể tan vỡ.

Dân-tộc thì nhờ dựa vào huyết-thống nên không thay đổi. Thêm nữa, nó lại bao gồm cả yếu-tố tôn-giáo và ý-chí muốn sống chung nhau. Do đó, nền tảng dân-tộc rất khó phá-hủy.

Một mặt khác, nếu không thuộc những chủng-loại cách nhau xa quá, dân chúng một quốc-gia thường hỗn-hợp nhau lại để thành một dân-tộc. Và dân-tộc khi đã thành-lập rồi lại có xu-hướng tự xây dựng một quốc-gia riêng biệt cho mình. Dầu có bị chinh-phục hay bị phân ra ở nhiều quốc-gia khác nhau, những phần-tử của một dân-tộc cũng có xu-hướng tự khôi-phục nền độc-lập và thống-nhất của mình. Sự cố-gắng của người Do-thái để tạo lập một quốc-gia, cũng như lịch-sử tranh-đấu của người Ba-lan là những bằng-chứng cụ-thể về vấn-đề này.

Bởi những lý-do nêu ra trên đây, những quốc-gia dựa vào dân-tộc là những quốc-gia có đủ điều-kiện hơn hết để được vững chắc lâu dài. Thêm nữa, trong tất cả mọi hình-thức hợp-quần, không có hình-thức nào bao gồm nhiều quyền-lợi vật-chất và tinh-thần của người cho bằng hình-thức dân-tộc.

Như thế, ta có thể bảo rằng *sự hợp-quần thành dân-tộc thích-hợp với sự tranh-đấu sinh-tồn của người nhưt.*

Lẽ tự-nhiên là trên thế-giới, có nhiều quốc-gia vì tình-thế, không có thể lấy dân-tộc làm nền tảng cho mình. Nhưng trừ ra những trường-hợp đặc-biệt, những quốc-gia ấy có thể sẽ bị đổ vỡ nếu không cố-gắng biến quốc-dân mình thành một dân-tộc thuần-nhút.

Đối với các quốc-gia đã dựa vào nền tảng dân-tộc rồi, tự-nhiên tình-thế thuận-tiện hơn. Nhưng dầu sao phạm-vi hợp-quần lý-tưởng của người bao giờ cũng là phạm-vi dân-tộc.

Gom góp tất cả mọi người cùng huyết-thống cùng ngôn-ngữ, cùng văn-hóa, phong-tục, nói tóm lại, tất cả mọi người thuộc một dân-tộc lại lập thành một quốc-gia để tranh-đấu chung nhau, và mưu-đồ sự sinh-tồn chung nhau, đó là căn-bản của chủ-nghĩa dân-tộc sinh-tồn, một chủ-nghĩa khoa-học, kết-quả sự nghiên-cứu về mục-đích cùng điều-kiện hoạt-động của loài người từ trước đến nay.

II.- NHỮNG CHỦ-TRƯỞNG CĂN-BẢN CỦA CHỦ-NGHĨA DÂN-TỘC SINH-TỒN.

A.- ĐIỀU-KIỆN CỐT-YẾU CHO SỰ SINH-TỒN MỘT DÂN-TỘC.

Một cá-nhơn muốn sinh-tồn sung-mãn phải tranh-đấu để chống những họa-hại từ bên ngoài đưa đến có thể làm hại mạng mình và để giành những vật-liệu cần-thiết cho sự thỏa-mãn những nhu-cầu của mình.

Một dân-tộc muốn sinh-tồn cũng phải tranh-đấu như thế. Ngoài thiên-tai địa-biến có thể làm suy yếu mình, dân-tộc lại còn có thể bị nạn dị-tộc xâm lược. Thêm nữa, dân-tộc cũng phải tô-chức sự khai-thác những nguồn-lợi thiên-nhiên trong nước và cố-gắng để thu-đoạt những vật-liệu mình thiếu. Vậy, sự tranh-đấu là một điều-kiện tất-yếu cho sự sinh-tồn của dân-tộc.

Từ trước đến nay, các dân-tộc đã tranh-đấu nhau một cách hết sức ráo riết. Nhiều dân-tộc đã bị tiêu-diệt. Nhiều dân-tộc khác, sau khi chiếm được một địa-vị tôn-quí trên đài thế-giới đã bị suy yếu, có khi mất cả độc-lập. Ngoài ra, cũng có những dân-tộc từ trước đến nay luôn luôn đứng vào một địa-vị kém hèn.

Lịch-sử thăng trầm của các dân-tộc cho ta biết rằng muốn có thể sinh-tồn sung-mãn, dân-tộc cũng như người phải mạnh mẽ và sáng suốt. Những dân-tộc hèn yếu tất-nhiên không thể chống chọi lại các địch-thù xâm lấn mình. Nhưng những dân-tộc có nhiều năng-lực tranh-đấu mà theo một chánh-sách thiếu khôn khéo cũng rất khó đem sự thắng-lợi về mình.

Dầu sao, sự hùng-cường một dân-tộc cũng là một điều-kiện căn-bản cho sự sinh-tồn. Nhưng sự hùng-cường này do đâu mà ra ?

Trước hết, nó dựa vào những điều-kiện vật-chất thiên-nhiên. Tự ngàn xưa, các dân-tộc đã chiếm lấy một lãnh-thổ cho mình. Lãnh-thổ này liên-lạc mật-thiết với dân-tộc và thường cùng với dân-tộc hòa lẫn nhau trong ý-niệm quốc-gia.

Diện-tích rộng hẹp của lãnh-thổ tùy theo khả-năng tranh-đấu và cơ-vận của dân-tộc. Vị-trí nó thì hoặc tùy theo khuynh-hướng tự-nhiên của dân-tộc, hoặc tùy theo hoàn-cảnh mà ra. Có nhiều dân-tộc tự chọn lấy địa-bàn của mình. Những giống dân ưa sinh-hoạt nơi rừng núi chỉ ở các vùng sơn-cương, trong khi những giống dân quen sông gần nước luôn luôn tìm cách chiếm lấy những vùng có ao hồ, những lưu-vực các con sông, hay những đất ven bờ biển. Nhiều giống dân trái lại, đã bị dị-tộc xâm lấn, phải bỏ cư-địa cũ mà dời đi nơi khác. Trong sự di-cư này, họ có thể noi theo khuynh-hướng tự-nhiên của họ, nhưng cũng có thể thay đổi cách sanh-hoạt của mình nếu bị dồn vào một địa-bàn họ không chọn lựa được.

Dầu sao, lãnh-thổ cũng có ảnh-hưởng rất lớn đến dân-tộc. Chính nó làm cái khung cảnh vật-chất cho sự sinh-hoạt của dân-tộc. Những điều-kiện khí-hậu, địa-thế, những thực-phẩm và vật-liệu lãnh-thổ cung-cấp cho người, những điều-kiện lãnh-thổ đặt ra cho sự sanh-hoạt của người đã đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong sự đào-tạo tánh-cách thể-chất và tâm-lý các dân-tộc. Ai cũng biết rằng các dân-tộc sống ở xứ lạnh khác các dân-tộc sống ở xứ nóng, các dân-tộc gần biển khác các dân-tộc ở giữa đại-lục.

Những điều-kiện vật-chất mà lãnh-thổ đặt ra cho dân-tộc một tánh-cách cứng rắn, ít di-chuyển. Nó đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong sự hùng-cường một dân-tộc. Lãnh-thổ càng có nhiều sản-phẩm thì dân-tộc càng có điều-kiện để trở thành hùng-cường.

Cơ-vận của dân-tộc có thể do sự biến-chuyển của kỹ-thuật mà thay đổi. Trước thế-kỷ thứ 18, nhơn-loại đại-khái sống nhờ nông-nghiệp và những dân-tộc hùng-cường là những dân-tộc chiếm được những cánh đồng rộng-rãi phì-nhiều. Từ thế-kỷ thứ 18 trở đi, kỹ-nghệ phát-triển và sự hùng-cường lại về với những dân-tộc chiếm được một lãnh-thổ nhiều khoáng-sản.

Tuy nhiên, vai tuồng của dân-tộc cũng không phải là nhỏ. Những dân-tộc sống trên một lãnh-thổ phì-nhiều, nhiều khoáng-sản có thể vì sanh-hoạt quá thuận-lợi mà trở thành ủy-mị, yếu hèn, dễ dàng làm mồi cho những cuộc xâm-lãng. Trái lại, những dân-tộc sống trên một đất đai bần-bạc có thể nhờ sự cực khổ mà trở thành những chiến-sĩ lợi-hại, đặt ách đô-hộ lên trên những dân-tộc giàu có hơn mình. Người Mông-cô ngày xưa và người Nhật-bổn trong thời-đại cận-kim đã xây dựng được những đế-quốc hùng-cường mặc dầu địa-bàn của họ hết sức là bần-bạc.

Một mặt khác, sự hùng-cường của dân-tộc còn do nơi dân-tộc ấy có biết sử-dụng sản-phẩm của lãnh-thổ mình hay không. Người da đỏ ngày xưa đã chiếm cả những đất đai rộng-rãi phì-nhiều đầy khoáng-sản của Mỹ-châu. Nhưng họ không biết lợi-dụng những nguồn tài-

lợi thiên-nhiên đó, trong khi Hiệp-chúng-quốc Mỹ sau này đã nhờ những nguồn tài-lợi ấy mà trở thành mạnh nhưt hoàn-cầu.

Như thế, ngoài những sản-phẩm tự-nhiên lãnh-thổ cung-cấp cho mình, một dân-tộc còn phải *tự mình hoạt-động ráo riết mới được hùng-cường*. Vấn-đề mở rộng lãnh-thổ trong thế-giới hiện giờ là một vấn-đề nan-giải, nhưt là cho các dân-tộc hiện còn yếu kém. Và lại, cũng như vấn-đề khai-thác những sản-phẩm hiện có trên mỗi lãnh-thổ, nó thuộc phạm-vi tranh-đấu của từng dân-tộc một. Đứng trên một lập-trường khái-quát hơn, chúng ta chỉ có thể xem xét sự tác-động của dân-tộc đối với dân-chúng mình mà thôi.

Về mặt này, việc quan-trọng nhưt là *việc phát-triển năng-lực tranh-đấu của dân-tộc, nâng cao trình-độ của mọi người lên*. Mọi người đều phải được đào-luyện cho có một thân-thể cường-tráng và đủ sức làm một chiến-sĩ. Trình-độ văn-hóa và kỹ-thuật chung cũng phải được nâng cao lên để vượt qua hay ít nữa, cũng đuổi kịp các dân-tộc khác. Ngoài ra, những đức-tánh xã-hội cũng như những đức-tánh cần cho sự chiến-đấu cũng đều phải được phát-triển.

Thêm nữa, sự hoạt-động và sự cố-gắng của mọi người trong dân-tộc đều phải đồng-nhưt với nhau và phải hướng về mục-đích sinh-tồn chung. Điều này bắt buộc *dân-tộc phải thực-hiện một nền đoàn-kết chặt chẽ*. Những mầm chia rẽ, chia rẽ địa-phương, chia rẽ tôn-giáo, chia rẽ đảng-phái, chia rẽ giai-cấp, cần phải tiêu-diệt đến tận gốc.

Sự hủy-diệt những mầm chia rẽ không hàm ý rằng dân-tộc phải sống dưới một chế-độ độc-tài khắc-nghiệt, đặt tất cả mọi người dưới một kỷ-luật sắt và uốn nắn mọi người theo một khuôn khổ chung.

Ta nên nhớ rằng *cứu-cánh của người là mưu-đồ sự sinh-tồn cá-nhơn của mình*. Sự tranh-đấu cho dân-tộc chỉ là một phương-tiện để đi đến cứu-cánh ấy. Dầu cho người có hy-sanh cho dân-tộc đi nữa, người cũng muốn cho sự hy-sanh đó có ý-nghĩa. Trong trường-hợp đó, một chế-độ khắc-nghiệt không mang đến sự sinh-tồn cá-nhơn của người chỉ có thể đưa đến một sự đoàn-kết cưỡng-bách và tự-nhiên không vững-chắc.

Muốn cho nền đoàn-kết được vững chắc, đủ sức trải qua những thử thách gay go, người ta phải làm cho nó có tánh-cách tình-nguyện. Mà muốn cho mọi người trong dân-tộc vui lòng cố-kết nhau lại làm một khối, người ta phải *bảo-đảm sự sinh-tồn cá-nhơn của mọi người trong dân-tộc*. Như thế, *dân-tộc phải để cho mọi người được hưởng những tự-do căn-bản, và chế-độ xã-hội phải có tánh-cách công-bằng để không ai có thể bóc lột được ai và sự hùng-cường của dân-tộc có lợi cho tất cả mọi người*.

Như thế, những hoạt-động của các cá-nhơn và đoàn-thể vẫn phải được dung-nạp. Nhưng sự giáo-dục phải hướng đến chỗ gây cho mọi người một ý-thức dân-tộc sinh-tồn mạnh mẽ và quyền-lợi tổ-quốc được đặt lên trên hết. Đồng-thời tinh-thần dân-chủ chơn-chánh cùng óc khoan-dung phải được vun bồi để tránh những cuộc xung-đột quá mãnh-liệt vì quyền-lợi tôn-giáo hay chánh-kiến bất đồng.

Với một chế-độ xã-hội và một phương-pháp thích-hợp, vừa cho người được hưởng một sự tự-do rộng rãi, vừa duy-trì được một kỷ-luật quốc-gia nghiêm-minh, dân-tộc có thể thực-hiện được nền đoàn-kết nội-bộ. Nó có thể tổ-chức sự khai-thác các tài-nguyên của lãnh-thổ mình và tự gây cho mình đủ sức mạnh cần-thiết để đối-phó với các dân-tộc khác, hầu bảo-vệ quyền-lợi mình.

Sự tranh-đấu với các dân-tộc khác có thể nói là không lúc nào ngừng. Sau những cuộc chiến-tranh thật-sự, các dân-tộc từ xưa đến nay vẫn phải tiếp-tục những cuộc chiến-tranh bí-mật hoặc đương đầu nhau trong những cuộc tranh giành thế-lực gay go.

Muốn nắm phần thắng-lợi trong những cuộc tranh-đấu ấy, dân-tộc cũng như người, phải mạnh. Nhưng *nếu sức mạnh riêng nó không đủ để bảo-đảm sự thắng-lợi của người, sự hùng-cường riêng nó cũng không đủ đưa dân-tộc đến chỗ thành-công.*

Ta đã thấy rằng ngoài sức mạnh, con người còn phải có một quan-năng biến-cải cường-kiện mới mong thắng-lợi trong cuộc đấu-tranh sinh-tồn. Dân-tộc muốn tránh sự thất-bại cũng phải có một quan-năng biến-cải như thế. Quan-năng biến-cải này chính là khả-năng giúp dân-tộc tự sửa chữa chế-độ xã-hội cùng kỹ-thuật làm việc và tranh-đấu của mình để tiến kịp thời-đại, và có một chánh-sách khôn khéo, thích-hợp với tình-thế mỗi lúc.

Những dân-tộc Á-Châu sơ-dĩ phải lọt vào ách đô-hộ của các dân-tộc da trắng là vì quan-năng biến-cải của họ quá yếu, không giúp cho họ thay đổi quan-niệm tổ-chức và tranh-đấu của họ cho kịp với thời-thế. Những dân-tộc sớm thức tỉnh, như dân-tộc Nhật, đã duy-tân một cách nhanh chóng. Không những thoát nạn thuộc-địa, dân-tộc Nhật lại trở thành hùng-cường, khiến cho các cường-quốc da trắng phải nể sợ. Vậy, chính quan-năng biến-cải đã giúp cho dân Nhật được sinh-tồn vẻ vang trong khi các dân-tộc da vàng khác phải chịu cái nhục làm nô-lệ cho người.

Nhưng sự hùng-cường của một dân-tộc cũng không đưa dân-tộc ấy đến chỗ thành-công nếu dân-tộc ấy không khôn khéo trong sự giao-thiệp với các dân-tộc khác. Lẽ tự-nhiên là sự tranh-đấu sinh-tồn bắt buộc mỗi dân-tộc phải đề-phòng đối với các dị-tộc. Nhưng nếu không biết cách cư-xử để cho nhiều dân-tộc thù- địch liên-minh lại đối-phó với mình, một dân-tộc rất khó nắm phần thắng-lợi. Những mảnh khố ngoại-giao do đó, hết sức cần-thiết cho sự sinh-tồn một dân-tộc.

Chính vì quá kiêu-căng, ra mặt chọi lại nhiều cường-quốc quá mà nước Đức đã phải hai lần thảm-bại trong thế-kỷ thứ 20. Mà cũng nhờ tài ngoại-giao khéo léo của mình, biết liên-minh các nước để chọi lại những cường-quốc có thể cạnh-tranh với mình mà dân-tộc Anh đã nắm giữ được bá-quyền trong bao thế-kỷ.

Một mặt khác, những sự trao đổi văn-hóa cũng như những sự thôn-tính lẫn nhau có thể gây ra giữa các dân-tộc, như là những dân-tộc sống cạnh nhau, nhiều thiện cảm hay ác cảm với nhau. Nhưng nếu cá-nhơn và cá-nhơn có thể lấy tình-nghĩa mà đối đãi nhau, dân-tộc và dân-tộc có thể giao-thiệp nhau vì quyền-lợi. Những cuộc liên-minh giữa các dân-tộc bao giờ cũng có tánh-cách tạm-thời. Và trên bàn cờ quốc-tế, kẻ thù hôm qua thường là người bạn ngày nay, và người bạn hôm nay rất có thể là kẻ thù ngày mai.

Hơn nữa, ngay trong khi cần liên-minh nhau, các dân-tộc có thể vẫn xung-đột nhau như thường. Trong lúc cần phải hợp-tập nhau lại để đương đầu với khối Cộng-sản, những dân-tộc trong khối tự-do đã cạnh-tranh nhau một cách mãnh-liệt. Người Anh và người Mỹ đã cố giành nhau lấy những mỏ dầu lửa ở Trung Đông. Họ cũng theo hai chánh-sách khác nhau trong sự đối-phó với Trung-Cộng. Chiến-tranh bí-mật giữa các nước thật ra không bao giờ chấm dứt, và các cơ-quan gián-điệp thường tổ-chức sự do-thám ngay ở các nước được xem là bạn.

Lịch-sử cận đại đã cho ta thấy rằng sự sinh-tồn của dân-tộc phần lớn dựa vào những cơ-quan trinh-thám của dân-tộc ấy. Những dân-tộc có những cơ-quan trinh-thám mạnh mẽ và nhiều khả-năng chẳng những có thể hiểu-biết rõ ràng tình-thế chung và thi-hành một chánh-sách thích-hợp, mà lại còn có thể tổ-chức sự phá-hoại ngay bên trong hàng-ngũ đối-phương. Do đó, sức mạnh vật-chất của dân-tộc có thể được sử-dụng với một hiệu-lực tối-đa và tự-nhiên phải đưa đến nhiều kết-quả tốt.

Trong việc xây dựng và duy-trì bá-quyền của nước mình mấy thế-kỷ trước đây, cơ-quan trinh-thám Anh đã đóng một vai tuồng trọng-hệ. Đấng Hắc-long đã làm cho nước Nhật trở thành một đế-quốc mạnh mẽ và giúp nước ấy chóng khôi-phục lại một địa-vị khả-quan sau khi bị thảm-bại. Hiện giờ trong cuộc xung-đột Mỹ Nga, phái Cộng-sản đã bồi bổ những chỗ yếu kém của mình về phương-diện kỹ-thuật và võ khí bằng một cơ-quan gián-điệp đặc-lực. Do đó nước Mỹ, mặc dầu mạnh hơn Nga nhiều, thường phải bị khó khăn trong cuộc chiến-tranh nguội với Nga.

Những điều-kiện trên này cho ta thấy rằng một dân-tộc muốn sinh-tồn được sung-mãn phải hết sức khéo léo trong sự bang-giao của mình. Vấn-đề tình-cảm cần phải được gạt qua một bên : một dân-tộc không thể nhứt-định thân hay thù một dân-tộc khác vì trong quá-khứ, dân-tộc ấy làm lợi hay hại cho mình. Sự giao-thiệp giữa các dân-tộc chỉ có thể dựa vào quyền-lợi của dân-tộc mà thôi. Một mặt khác, những tổ-chức chuyên về bí-mật-chiến phải được khuếch-trương để có đủ sức thảo những kế-hoạch lâu dài cho dân-tộc và đồng-thời chặn đứng sự xâm-nhập kín đáo của các dân-tộc khác ngay trong lúc thái-bình.

B.- VẤN-ĐỀ TỔ-CHỨC DÂN-TỘC.

1.- KHÁI-LUẬN VỀ VẤN-ĐỀ CHẾ-ĐỘ XÃ-HỘI.

Trên đây là những điều-kiện khái-quát tối-cần cho sự sinh-tồn một dân-tộc. Đứng về phương-diện thực-hành mà nói, vấn-đề đầu tiên mà mỗi dân-tộc phải giải-quyết là vấn-đề tự tổ-chức.

Một số người cho rằng sự tổ-chức dân-tộc phần lớn tùy-thuộc trình-độ tiến-hóa của dân-chúng. Một chế-độ không phù-hợp với trình-độ tiến-hóa của dân-tộc sẽ ít có cơ đứng vững được.

Một số người khác chủ-trương rằng mỗi dân-tộc đều có những đặc-tánh riêng biệt mà chỉ có thể theo một hình-thức tổ-chức phù-hợp với đức-tánh mình mà thôi. Một chế-độ không thích-hợp với đức-tánh của dân-tộc sẽ đưa nhiều họa-hại đến cho dân-tộc ấy.

Những ý-kiến trên này thật ra cũng có nhiều phần hữu-lý. Những dân-tộc dã-man không thể áp-dụng được một chế-độ thi-hành ở các nước đã văn-minh. Người Tây-Tạng hiện còn tôn-trọng thần-quyền, và chắc chắn không tán-thành chế-độ quân-chủ chớ đừng nói đến chế-độ dân-chủ.

Một mặt khác, những dân-tộc quen với chủ-trương độc-tài hay chủ-trương phóng-túng rất khó thi-hành một chế-độ cần những người công-dân tôn-trọng tự-do nhưng cũng biết tuân theo kỷ-luật. Dân Đức vốn quen uốn mình theo kỷ-luật cũng như dân Pháp thờ chủ-nghĩa cá-nhơn quá độ không được thành-công bằng dân Anh trong sự thực-hiện chế-độ đại-nghị.

Tuy nhiên, ta không thể vì những lý-do trên đây mà không lưu-ý đến vấn-đề chế-độ lý-tưởng. Nếu cứ chủ-trương rằng chế-độ xã-hội phải tùy trình-độ tiến-hóa hay đức-tánh căn-bản của dân-tộc, ta có thể đi đến chỗ duy-trì mãi một chế-độ được xem là thích-hợp với trình-độ hay với đức-tánh của dân-tộc mình, nhưng kỳ thật lại khép dân-tộc vào một khuôn khổ chật hẹp, làm cho nó không tiến-hóa được.

Điều này có hại vô-cùng cho sự sinh-tồn của dân-tộc, vì nó làm cho dân-tộc thua kém các dân-tộc khác. Ta nên nhớ rằng dân-tộc nào cũng phải đi từ chỗ dã-man đến một trình-độ văn-minh cao hơn, và chính quan-năng biến-cải làm cho các dân-tộc tiền-tiến biết thay đổi, biết canh-tân, biết cởi bỏ những chế-độ cũ để đi đến một chế-độ mới hoàn-hảo hơn.

Một số người khác lại cho rằng vấn-đề chế-độ thật ra không quan-trọng bằng vấn-đề người. Nếu người tốt, chế-độ sẽ tốt theo. Trái lại khi người xấu, chế-độ hay đến đâu cũng hóa dở.

Điều này không phải là không đúng. Dưới thời quân-chủ chuyên-chế, dân-chúng có thể được sung sướng, và quốc-gia có thể trở thành hùng-cường nếu nhà vua là một vị anh-quân. Đường Thái-tông bên Trung-Hoa, Lý Thánh-tông và Lê Thánh-tông ở Việt-Nam đã chứng tỏ rằng chế-độ quân-chủ chuyên-chế cũng có thể mang hạnh-phúc đến cho người và sự sinh-tồn đến cho toàn dân-tộc.

Nhưng ta không nên quên rằng con người rất dễ sa ngã, và một chế-độ không có những biện-pháp để ngăn cản những sự lạm-quyền không thể nào có đủ điều-kiện mưu-đồ sinh-tồn cho dân-tộc. Lịch-sử cho ta biết rằng những vị anh-quân rất hiếm hoi, và các hôn-quân đã có những ảnh-hưởng tai-hại vô-cùng cho dân-tộc.

Như vậy, chủ-trương đào-luyện con người hết sức cần-thiết, nhưng vẫn chưa sung-mãn. *Muốn cho sự sinh-tồn của dân-tộc được bảo-đảm, ngoài chủ-trương đức-trị, ta còn phải có chủ-trương pháp-trị.* Nói một cách khác, ngoài việc tuyển lựa người có đức, ta còn phải có một chế-độ thích-hợp nữa.

Trong trường-hợp đó, vấn-đề tổ-chức vẫn cần phải đặt ra. Sự tổ-chức dân-tộc bao gồm nhiều mặt khác nhau, trong đó quan-trọng nhất là vấn-đề chánh-trị.

2.- TỔ-CHỨC CHÁNH-TRỊ

a)- LƯỢC-KHẢO VỀ CÁC CHẾ-ĐỘ CHÁNH-TRỊ ĐÃ LƯU-HÀNH.

Để có một quan-niệm rõ ràng về chế-độ chánh-trị thích-hợp nhất cho sự sinh-tồn một dân-tộc, ta hãy thử xét qua những chế-độ lưu-hành trên thế-giới từ trước đến giờ.

Đọc qua lịch-sử các dân-tộc, ta có thể nhận thấy rằng các dân-tộc, các quốc-gia đã được tổ-chức theo nhiều lối khác nhau vô-cùng. Nhưng tuy có nhiều hình-thức khác nhau, những chế-độ quan-trọng đã lưu-hành đều có thể qui về ba hình-thức chánh : chế-độ độc-tài, chế-độ đại-ngự và chế-độ tổng-thống.

1.- CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI.

Cứ theo tên nó, chế-độ độc-tài là chế-độ trong đó một người nắm hết tất cả quyền-thế trong tay và một mình quyết-định về mọi việc quan-trọng có dính dáng đến vận-mạng dân-tộc. Nhà độc-tài có thể nhờ sự phù-tá khuyên răn của một hoặc nhiều cố-vấn, hay tự mình suy xét và định đoạt không cần ý-kiến ai. Ông ta có thể tỏ ra rộng-rãi với người khác hay hết sức tàn-bạo. Nhưng bất cứ trong trường-hợp nào, sự đối-lập cũng không được dung-tha, và mọi người trong nước, dầu muốn dầu không, đều phải cúi đầu tuân lệnh trên.

Chế-độ độc-tài thường xuất-hiện dưới hình-thức quân-chủ chuyên-chế hay dân-chủ tập-quyền.

Theo chế-độ quân-chủ chuyên-chế, vị quốc-trưởng là một nhà vua nhờ võ-lực hay nhờ sự thừa- kế mà lên ngôi báu và cai-trị muôn dân. Mọi pháp-điển, luật-lệ, mọi quyết-định đều do nhà vua mà ra. Những triều-thần đều do nhà vua bổ-nhậm, thăng-giáng, thuyên-chuyển. Ta có thể bảo rằng nhà vua nắm trọn quyền sanh-sát cả mọi người.

Nhiều khi nhà vua yếu thế, chỉ có hư-vị, còn thực-quyền thì thuộc về một người quyền-thần gian-giảo, lấy danh-nghĩa nhà vua mà trị nước. Cũng có khi trong quốc-gia, có nhiều nhà quý-tộc cạnh-tranh với nhà vua. Nhưng trong trường-hợp nào cũng vậy, quyền-hành vẫn qui về tay một người thường nhờ sợi dây liên-lạc huyết-thống và võ-lực mà nắm quyền điều-khiển quốc-gia theo ý mình.

Theo chế-độ dân-chủ tập-quyền, quốc-trưởng là một người xuất-thân từ dân-chúng, và nhờ một cuộc cách-mạng, một cuộc binh-biến, một cuộc bạo-động, hay ít nhứt cũng nhờ sự chỉ-định của người đồng-chí mà nắm chánh-quyền. Có khi nhà độc-tài nắm thực-quyền trong nước, nhưng vẫn để chức-vị quốc-trưởng trong tay một nhà vua thế-tập, và lập-hiến. Đó là trường-hợp Mussolini, thủ-lãnh đảng phát-xít Ý trước đây

Nhà độc-tài của chế-độ này thường phải dựa vào một tổ-chức võ-trang quân-đội hay chánh-đảng, và nhờ sự tổ-chức ấy mà cai-trị dân-chúng. Tuy thế, họ vẫn tuyên-truyền rằng mình tranh-đấu cho dân-chúng và hoạt-động theo ý dân-chúng. Do đó, về nguyên-tắc, họ vẫn chấp-nhận cho quốc-gia có một Quốc-hội do dân-chúng cử ra và được quyền bàn cãi về quốc-sự. Nhưng thật-sự, những nhơn-viên Quốc-hội được chánh-quyền chọn lựa sẵn và luôn luôn làm theo ý chánh-quyền. Việc tuyên-cử cũng như việc thảo-luận và biểu-quyết của Quốc-hội chỉ là những trò dàn cảnh để gạt dân-chúng mà thôi.

Ngoài hai chế-độ quân-chủ chuyên-chế và dân-chủ tập-quyền, chế-độ độc-tài có thể mang một vài hình-thức khác.

Ở Tây-tạng, vị quốc-trưởng là một vị Đạt-lại Lạt-ma được các nhà sư dựa và phép bói-toán mà chọn lựa trong số những đứa trẻ sơ sanh ra đúng vào giờ vị Đạt-lại Lạt-ma trước tịch đi. Sau khi được chọn, vị Đạt-lại Lạt-ma ấy được nuôi nấng và giáo-dục một cách đặc-biệt, để khi lớn lên thì nắm quyền cai-trị cả nước.

Lẽ tự-nhiên là sự nuôi nấng và giáo-dục vị Đạt-lại Lạt-ma lúc còn vị-thành-niên cũng như việc nhiếp-chánh khi ông ta chưa đến tuổi nắm quyền-chánh do một số nhà sư đảm-nhiệm. Những nhà sư đó vẫn còn tiếp-tục ảnh-hưởng đến Đạt-lại Lạt-ma khi ông này đã thành-niên. Vì thế, thật-sự, quyền-hành trong nước thường lọt vào tay một số nhà sư. Chính những nhà sư đó mới là những kẻ giữ quyền độc-tài cai-trị dân-chúng.

Ở Ba-lan ngày xưa, nhà vua cũng là kẻ nắm trọn quyền trong tay, song không phải nhờ cha truyền ngôi cho, mà được những nhà quý-tộc trong nước bầu lên. Chế-độ quân-chủ tuyền-cử này có chút ít hơi hướng dân-chủ, nhưng thật ra, cũng dựa vào nguyên-tắc độc-tài.

Ngoài ra, ở các xã-hội cổ, ta còn gặp chế-độ quý-tộc phân-quyền. Theo chế-độ này, quyền-hành trong nước thuộc về một số nhà quý-tộc chia nhau giữ lấy những chức-vụ trọng-yếu. Người quốc-trưởng do họ bầu ra giữ nhiệm-vụ ấy trong một nhiệm-kỳ nhứt-định.

Những khi quốc-gia lâm-nguy, người ta có thể giao cả quyền-chánh cho một người. Nhưng khi quốc-gia an-ôn trở lại, vị độc-tài này phải trả quyền lại cho hội-nghị những nhà quý-tộc.

Trong sử cổ, người ta gọi chế-độ này là chế-độ cộng-hòa, nhưng quần-chúng không được tham-dự quốc-sự và một phần lớn dân-chúng lại là những người nô-lệ, không có công-quyền. Cứ kể cho đúng ra thì chế-độ quý-tộc phân-quyền là một chế-độ trung-gian giữa chế-độ độc-tài thật-sự và chế-độ đại-nghị về sau. Tuy nhiên, đứng về phương-diện quần-chúng mà nói, nó có tánh-cách độc-tài hơn là dân-chủ.

Dầu sao, những chế-độ đặc-biệt trên này rất hiếm. Trong lịch-sử nhơn-loại ngày xưa, chế-độ người ta gặp thường hơn hết là chế-độ quân-chủ chuyên-chế. Mấy thế-kỷ sau này, chế-độ quân-chủ chuyên-chế bị cho là lạc-hậu, quá-thời và những nhà độc-tài lần lần nghiêng về phía chế-độ dân-chủ tập-quyền nhiều hơn.

Kể ra thì chế-độ độc-tài cũng có thể có nhiều cái lợi đến cho dân-tộc.

Trước hết, chế-độ độc-tài làm cho dân-tộc được thống-nhứt và chặt chẽ. Mọi người đều được đặt trong một khuôn khổ và tất cả mọi cố-gắng đều hướng về một mục-đích chung. Nhờ đó, sự huy-động dân-tộc được dễ dàng và nhanh chóng. Thêm nữa, vì quyền quyết-định thuộc về một vài người, chế-độ độc-tài có thể giúp cơ-quan chỉ-huy giữ kín những kế-hoạch, những chương-trình hành-động của mình. Những điều-kiện trên đây làm cho lực-lượng của dân-tộc theo chế-độ độc-tài có thể được sử-dụng với hiệu-quả tối-đa.

Vì những lý-do trên đây, dân-tộc theo chế-độ độc-tài có thể trở nên hùng-cường một cách nhanh chóng. Những dân-tộc bá-chủ ngày xưa thường đã đạt được bá-quyền mình nhờ một chế-độ gắt gao đối với tất cả mọi người. Gần đây, nước Nhật, nước Thổ Nhĩ Kỳ đã nhờ một chế-độ độc-tài mà duy-tân tự cường trong một thời-gian hết sức ngắn ngủi. Nước Đức thời Quốc-xã chỉ có mấy năm mà tự tạo cho mình một lực-lượng khổng lồ có thể đương đầu lại các cường-quốc chống phát-xít trong một thời-gian khá dài. Nước Nga trong tay Cộng-sản đã từ địa-vị nước nông-nghiệp lạc-hậu trở thành một nước kỹ-nghệ giữ địa-vị cường-quốc thứ nhì trên thế-giới trong vòng mấy mươi năm.

Nhưng chế-độ tài không phải là không có hại. Một cá-nhơn dầu tài giỏi đến đâu cũng không thể nào đủ sự sáng suốt để phán-đoán tình-thế một cách đúng đắn mãi được. Nhà độc-tài có thể bị lầm lạc, càng có thể lầm lạc là vì trong chế-độ độc-tài, tất cả những nhơn-viên hạ-cấp đều quá sợ hãi người trên. Chẳng những không dám chỉ-trích những chỗ bậy của người trên, họ lại càng sẵn sàng ca ngợi mọi hành-động của người trên, bất cần hay dờ. Điều này làm cho nhà độc-tài chủ-quan và mù quáng. Họ không còn thấy rõ được sự thật và sự phán-đoán của họ cũng không thể nào đúng đắn được.

Mỗi sự lầm lạc của nhà độc-tài có thể đưa đến những kết-quả tai-hại cho toàn thể dân-chúng. Như vậy, dầu cho nhà độc-tài có thật tâm muốn phụng-sự dân-tộc, ông ta cũng có thể đưa dân-chúng đến một sự thất-bại thảm-thương. Phương chi những nhà độc-tài thật tâm phụng-sự dân-tộc vốn có ít, còn những kẻ muốn lợi-dụng quyền-thế lại nhiều hơn. Trong lịch-sử các dân-tộc, những nhà vua sáng suốt biết thương dân có thể đếm trên đầu ngón tay, trong khi bọn hôn-quân bạo-chúa không thể kể xiết được.

Thêm nữa, chính những nhà độc-tài bản tâm tốt lại có thể bị sự phú-quí làm cho sa ngã. « Chánh-quyền làm hư hỏng con người ». Đó là điều nhận xét rất đúng. Một nhơn-vật nắm giữ quyền- bính một nước trong tay tự-nhiên có tâm-trạng và quan-điểm khác với một nhà cách-mạng hay một nhà chánh-khách đứng ngoài chánh-phủ.

Một nhà độc-tài khi mới nắm chánh-quyền có thể rất lo nghĩ đến quyền-lợi dân. Nhưng rồi vì tình-thế bắt buộc, vì phải đối-phó với những trở lực, với những địch-thù, ông ta lại phải cố giữ vững địa-vị mình và lần lần chỉ nghĩ đến những kế-hoạch, những chương-trình của mình mà lãng quên lập-trường của dân-chúng.

Một mặt khác, sự sung sướng do chánh-quyền đưa đến có thể làm cho nhà độc-tài đắm ra thích chánh-quyền vì chánh-quyền. Những điều trên này có thể làm cho một nhà cách-mạng hay một chánh-khách tốt đi xa chủ-trương nguyên-thủy mình, nhiều khi một cách vô-tình.

Một cái hại khác không kém quan-trọng của chế-độ độc-tài là sự tàn-sát nhau bên trong hàng-ngũ. Nhà độc-tài không bao giờ có thể dung-nạp cho một người bộ-hạ được nhiều uy-tín, vì họ sợ bị lật đổ. Do đó, tánh-mạng những người cộng-tác với nhà độc-tài rất bấp-bênh.

Không kể trường-hợp những hôn-quân nghe lời sàm-tấu của bọn gian-thần, và những nhà độc-tài của thời-đại cận kim bị mưu ly-gián của địch-thù mà giết hại những người cộng-tác nhiều năng-lực và trung-thành, lịch-sử còn cho ta thấy những cuộc tàn-sát do những nhà độc-tài chủ-ý gây ra để giữ vững địa-vị. Vua Lê Thái-Tổ ngày xưa giết Trần Nguyên-Hãn, vua Nguyễn Thế-Tổ giết các ông Đỗ Thanh-Nhơn và Nguyễn Văn-Thành, cũng như ngày nay Hitler giết nhiều tướng cạnh, Staline bao nhiêu lượt trừng-thanh đảng cộng-sản Nga, đều tuân theo một định-lệ chung của những nhà độc-tài : triệt-hạ trước những kẻ có thể phương-hại đến địa-vị mình.

Trong trường-hợp đó, tự-nhiên là nhơn-tài bị sát hại nhiều, và giá-trị những kẻ chỉ-huy sau khi nhà độc-tài khởi-xướng phong-trào chết đi phải càng ngày càng kém. Điều này không khỏi có ảnh-hưởng tai-hại đến tương-lai của dân-tộc.

Ngoài ra, chế-độ độc-tài còn có cái hại rất to là làm khổ dân. Trong một nước theo chế-độ độc-tài, pháp-lệnh luôn luôn truyền từ trên xuống dưới và người đại-diện thấp nhất của chánh-quyền cũng đã có một oai-thế rất lớn đối với dân-chúng rồi. Và lại, kẻ dưới rất sợ người trên, thành ra nhiều khi quá cẩn-thận trong sự thi-hành-pháp-luật, và do đó mà những-nhiều dân-chúng. Đó là chưa kể trường-hợp họ lạm-dụng oai-thế mà bóc lột hiếp đáp thường-dân. Trong trường-hợp này, dân-chúng có thể phản-uất quá, đứng lên chống-chọi lại chánh-quyền, và cuộc nội-loạn gây ra tự-nhiên làm yếu sức dân-tộc trước các dân-tộc khác.

Một mặt khác, chế-độ độc-tài muốn đứng vững được, phải uốn nắn tư-tưởng mọi người theo một khuôn khổ. Mọi học-thuyết có thể hại đến học-thuyết được tôn sùng đều bị

cầm nhật. Lẽ cố-nhiên là cá-nhơn bị bó buộc quá nhiều như thế không sao có thể mở mang trí phán-đoán của mình. Ốc sáng-kiến cũng bị tê-liệt đi và sở-thích họ bị thâm vào trong một vòng chật hẹp.

Chẳng những làm cho cá-nhơn khô-sở, điều này còn có thể khiến cho dân-tộc làm lạc trong sự phán-đoán về các dân-tộc khác. Người Đức ngày xưa đã nhắm mắt lý-luận theo thuyết chủng-tộc nên đã cho dân Mỹ là một giống dân hèn kém vì lai giống. Sự khinh-thị dân Mỹ đã đưa nước Đức đến chỗ thảm-bại.

2.- CHẾ-ĐỘ ĐẠI-NGHỊ.

Chế-độ đại-ng nghị là chế-độ theo đó quyền-chánh trong nước thuộc về một Quốc-hội do dân-chúng cử ra. Tất cả mọi quyết-định quan-trọng đều do Quốc-hội mà ra, những cơ-quan chánh-quyền chỉ thi-hành những quyết-định của Quốc-hội mà thôi.

Những quốc-gia theo chế-độ đại-ng nghị có thể chia ra làm hai loại : quân-chủ lập-hiến đại-ng nghị và dân-chủ cộng-hòa đại-ng nghị.

Theo chế-độ quân-chủ lập-hiến đại-ng nghị, quốc-trưởng là một nhà vua thế-tập, còn theo chế-độ dân-chủ cộng-hòa đại-ng nghị, quốc-trưởng là một vị tổng-thống do Quốc-hội công-cử, nhưng dầu là một nhà vua hay một vị tổng-thống, quốc-trưởng cũng chỉ là một nhơn-vật tượng-trưng cho quốc-gia mà không có quyền-hành gì, cũng không có trách-nhiệm gì. Việc thi-hành pháp-lệnh thuộc về một nội-các do một thủ-tướng cầm đầu.

Nội-các do Quốc-hội bổ thắm đề-cử ra, và trừ những việc thuộc về thủ-tục thông-thường, nội-các không thể tự mình quyết-định một vấn-đề hơi quan-trọng. Chánh-sách chung của chánh-phủ, cũng như mọi quyết-định hơi quan-trọng, nhất là quyết-định về thuế-vụ, về ngoại-giao, về chiến-tranh phải được đa-số nhơn-viên Quốc-hội đầu-phiếu chấp-thuận. Nếu đa-số nhơn-viên Quốc-hội không tín-nhiệm chánh-phủ hay không tán-thành chánh-sách của chánh-phủ, chánh-phủ phải từ-chức.

Chế-độ đại-ng nghị có cái lợi là bảo-đảm được sự tự-do cá-nhơn của người và để cho dân-chúng được quyết-định về số phận mình. Những nghị-sĩ do dân-chúng cử ra phải cố bình vực quyền-lợi của dân để có thể được tái-cử khi nhiệm-kỳ mình mãn. Do đó, họ thường lên tiếng can-thiệp khi chánh-quyền hà-hiếp dân-chúng. Vốn được quyền miễn-tố khi trình bày ý-kiến mình tại Quốc-hội, họ không sợ nhơn-viên nắm chánh-quyền và thẳng tay công-kích chánh-phủ những khi cần.

Bởi lẽ chánh-phủ do Quốc-hội cử ra và có thể bị Quốc-hội lật đổ, chánh-phủ không dám đương đầu lại Quốc-hội, và các cơ-quan chánh-quyền tùy-thuộc chánh-phủ không dám làm việc phi-pháp. Do đó, quyền-lợi cá-nhơn được bảo-vệ một cách đàng-hoàng và sự bất công nếu có, cũng có thể sửa chữa được.

Một mặt khác, những quyết-định có can hệ đến quyền-lợi chung của dân-chúng được đem ra bàn cãi giữa Quốc-hội và dân-chúng có thể nhờ báo-chí, nhờ sự thỉnh-cầu nhơn-viên Quốc-hội mà góp ý-kiến mình. Như thế, số mạng dân-chúng không phải tùy-thuộc ý muốn một người hay một số ít người.

Tuy thế, chế-độ đại-ng nghị cũng có những nhược-điểm của nó.

Cái hại thứ nhất của chế-độ đại-nghị là chánh-phủ thường bấp bênh không vững chắc. Những nước theo chế-độ này phải để cho dân-chúng tự-do làm chánh-trị. Do đó, trong nước có nhiều đảng-phái. Các chánh-khách muốn được đắc-cử vào Quốc-hội tự-nhiên phải dựa vào một chánh-đảng mới có đủ phương-tiện vận-động tuyên-cử trong dân-chúng. Vì thế đại-đa-số nếu không phải là tất cả những nghị sĩ Quốc-hội đều là nhơn-viên các đảng-phái.

Trừ những trường-hợp đặc-biệt, không đảng-phái nào có thể chắc chắn nắm được một đa-số tuyệt-đối trong Quốc-hội. Chánh-phủ đại-nghị vốn do Quốc-hội cử ra nên phải dựa vào các đảng-phái. Bởi lẽ không đảng nào chắc chắn có được đa-số tuyệt-đối trong Quốc-hội, hậu-thuần của chánh-phủ chỉ có thể là một mặt trận gồm nhiều chánh-đảng. Các chánh-đảng này có những chủ-trương khác nhau vô-cùng. Họ có thể đồng-y nhau về vấn-đề này, nhưng lại chọi nhau về vấn-đề kia.

Trong tình-thế bình-thường, ít có việc rắc rối, các chánh-đảng trong mặt trận có thể thỏa-thuận nhau được lâu, và chánh-phủ có thể vững được trong một thời-gian khá dài. Nhưng khi tình-thế nhiều-nhương, quốc-gia gặp nhiều vấn-đề rắc rối cần giải-quyết, các đảng-phái rất khó thỏa-thuận nhau về tất cả mọi vấn-đề, cho nên khối đa-số trong Quốc-hội thay đổi rất thường. Trong trường-hợp đó, chánh-phủ khó đứng vững được lâu. Trong khoảng từ năm 1945 đến năm 1955, nước Pháp đã thay đổi chánh-phủ đến hai mươi lần, trung-bình mỗi chánh-phủ chỉ đứng vững được có 6 tháng.

Chính-phủ đã bấp bênh như thế, tự-nhiên chánh-sách của dân-tộc không có tánh-cách tiếp-tục, và sự cố-gắng của dân-tộc không có hiệu-quả nhiều. Ngoài ra, lực-lượng quốc-gia còn phân-tán vì sự cạnh-tranh các đảng-phái và các nhóm người binh vực những tư-tưởng khác nhau.

Nước Anh nhờ một lịch-trình tiến-hóa đặc-biệt mà chỉ gồm có hai chánh-đảng quan-trọng. Sự tổ-chức tuyên-cử theo lối đơn danh đầu-phiếu và thói quen của dân-chúng Anh trong cuộc tuyên-cử làm cho các chánh-đảng nhỏ khó cạnh-tranh lại những chánh-đảng lớn này, thành ra chế-độ lưỡng đảng dễ được duy-trì. Với chế-độ lưỡng đảng, trong Quốc-hội thường có một chánh-đảng chiếm được một đa-số tuyệt-đối. Lãnh-tụ của đảng này tất-nhiên là được chỉ-định làm thủ-tướng. Theo nguyên-tắc, ông ta phải tùy-thuộc Quốc-hội một cách chặt chẽ, nhưng kỳ thật vì đại đa-số nghị sĩ Quốc-hội là đảng-viên ủng-hộ ông ta, ông ta có thể điều-khiển được Quốc-hội. Quyền-hành nhờ đó mà được vững chắc trong suốt nhiệm-kỳ mỗi nghị-hội và người nắm quyền-hành-pháp được hưởng một sự tự-do khá rộng trong sự thi-hành chánh-sách mình.

Nhưng tình-thế nước Anh là một tình-thế hy-hữu và khó thực-hiện.

Và lại, việc thực-hiện chế-độ lưỡng đảng, riêng nó không đủ bảo-đảm cho nền tự-do dân-chủ của quốc-gia. Trong một nước theo chế-độ đại-nghị, cơ-quan lập-pháp nắm quyền tối-cao, các cơ-quan hành-pháp và tư-pháp đều tùy-thuộc nó. Do đó, nhà lãnh-tụ của đảng đa-số có một thế-lực rất lớn. Ông ta có thể đưa cho Quốc-hội chuẩn-y và ban-hành những đạo-luật hạn-chế lần lần quyền-hạn đảng đối-lập, và với tư-cách là thủ-tướng chánh-phủ, ông ta có thể vận-dụng cái thế của chánh-quyền để làm tê-liệt đảng đối-lập và luôn luôn nắm phần thắng-lợi trong những cuộc tuyên-cử tự-do. Cố thủ-tướng Menderes nước Thổ-nhĩ-kỳ đã theo phương-pháp này mà duy-trì quyền-bính cho đến ngày bị quân-đội đảo-chánh.

Ở những quốc-gia theo chế-độ đại-nghị, nhà lãnh-tụ đảng chiếm được đa-số ghế trong Quốc-hội tự-nhiên được đưa ra làm thủ-tướng. Trong trường-hợp một chánh-đảng thắng-lợi trong nhiều cuộc tuyển-cử liên tiếp, nhà lãnh-tụ đảng này tất-nhiên được nắm chánh-quyền trong một thời-gian dài dặc. Dầu cho ông ta có thật-tâm thi-hành chánh-sách dân-chủ, việc ông ta nắm mãi chánh-quyền cũng làm cho cá-nhơn đóng một vai tuồng quan-trọng trong chế-độ, và việc kế-thừa thường đặt ra nhiều vấn-đề phức-tạp khó giải-quyết.

Một nhược-điểm khác của chế-độ đại-nghị là sự làm việc rất chậm chạp và thiếu kín đáo. Trước khi thi-hành một kế-hoạch gì chánh-phủ phải xin phép Quốc-hội. Và trước khi quyết-định có chấp-thuận kế-hoạch đó hay không, Quốc-hội phải mở cuộc thảo-luận. Những cuộc tranh cãi ở Quốc-hội tất-nhiên không sao giữ bí-mật được và thủ-tục về việc bàn cãi biểu-quyết ở Quốc-hội cũng như về việc thi-hành một kế-hoạch rất là chậm chạp.

Trong cuộc chiến-tranh cân-não giữa các nước theo chế-độ đại-nghị và khối Liên-sô theo chế-độ độc-tài, thường thường khối các quốc-gia theo chế-độ đại-nghị phải ở vào thế thụ-động. Họ chỉ lo đối-phó với những cuộc tấn-công của Nga hay Trung-Cộng và những chương-trình làm việc của họ bị đối-phương phá-hoại một cách dễ dàng. Khi thương-thuyết với khối cộng-sản, khối những nước theo chế-độ đại-nghị cũng thường bị lép vế. Như thế là vì những cuộc thảo-luận ở Quốc-hội cũng như sự phản-ứng của dân-chúng, một mặt giúp cho đối-phương thấy rõ dự-định của họ cùng những chỗ yếu của họ, một mặt để cho đối-phương có đủ thì giờ tổ-chức phá-hoại.

Vì những nhược-điểm trên này, chế-độ đại-nghị thường làm yếu sức quốc-gia. Sự suy kém ngày càng trầm-trọng vì nguyên-tắc vô-trách-nhiệm của chế-độ đại-nghị. Trong chế-độ này, vị quốc-trưởng vô-trách-nhiệm vì không có thực-quyền, chánh-phủ vô-trách-nhiệm vì chỉ làm theo quyết-định của Quốc-hội, nghị sĩ Quốc-hội cũng vô-trách-nhiệm vì họ đại-diện cho dân-chúng. Trong lúc bình-thường, mọi người đều làm theo ý mình chẳng nghĩ đến hậu-quả những việc làm đó. Nhưng lúc tình-thế khó khăn, người ta lại đổ lỗi và đùn việc cho nhau.

Dân-tộc Pháp đã hiến cho ta nhiều gương thảm-hại về việc này. Trước trận chiến-tranh 1939-1945, các đảng-phái chống chọi nhau lung tung khiến cho quốc-gia suy yếu và thua nước Đức. Khi thất trận rồi, chánh-phủ đại-nghị trốn tránh trách-nhiệm và tự giải-tán, nhường quyền lại cho thống-chế Pétain để ông này đứng ra nhận chịu những điều-kiện đình-chiến của Đức. Đến lúc nước Pháp được giải-phóng, người ta lại lôi thống-chế Pétain ra tòa và buộc vào tội phản-quốc.

Đệ Tứ Cộng-hòa Pháp-quốc thành-lập sau năm 1945 cũng không hơn gì Đệ Tam Cộng-hòa, các đảng-phái Pháp cứ phá rối nhau, làm cho chánh-phủ bị lật đổ, nhiều khi ngay lúc cần phải giải-quyết những vấn-đề quốc-tế trọng-hệ cho sự sinh-tồn của dân-tộc. Lắm lúc những lý-do được đưa ra để lật đổ chánh-phủ hết sức nhỏ nhen và các chánh-đảng gây ra tình-thế hỗn-độn trong nước thường không có giải-pháp gì khác hơn là chánh-phủ bị lật đổ.

Trong tình-thế đó, tự-nhiên địa-vị quốc-tế của Pháp không thể vững được và nước Pháp lần lần bị các bạn đồng-minh nghi ngờ hay khinh rẻ.

Để sửa chữa những khuyết-điểm của chế-độ đại-nghị, những chánh-khách cầm đầu phong-trào lật đổ Đệ Tứ Cộng-hòa Pháp đã đưa ra một hiến-pháp đặc-biệt : hiến-pháp De Gaulle. Theo lời họ hiến-pháp này vẫn tôn-trọng nguyên-tắc đại-nghị. Nhưng kỳ thật, nó đã làm cho chế-độ đại-nghị hoàn-toàn biến hình. Quốc-hội không còn là cơ-quan nắm giữ chủ-

quyền và không còn thế-lực nhiều đối với Thủ-tướng. Ngay đến việc lập-pháp, quyền Quốc-hội cũng bị hạn-chế rất nhiều.

Thực-quyền được chuyển sang Tổng-thống với danh-nghĩa là một người « trọng-tài ». Tổng-thống thật sự đứng trên Quốc-hội và Thủ-tướng. Hiện nay, nhờ có công cứu-quốc và do đó mà có một uy-tín rất lớn trong nhơn-dân, nhờ bản-tánh tôn-trọng nền dân-chủ, De Gaulle vẫn giữ cho chế-độ hiện- hữu ở Pháp có tánh-cách ôn-hòa và không phản dân-chủ. Với một Tổng-thống khác, hiến-pháp Đệ Ngũ Cộng-hòa Pháp có thể đưa đến chế-độ độc-tài một cách dễ dàng. Vì đó, các nhà chánh-trị học khách-quan đều bảo rằng chế-độ De Gaulle không thể nào tồn tại sau De Gaulle được.

Người ta có thể không đồng-ý về sự phê-phán này, nhưng dầu sao ta cũng phải công-nhận rằng chế-độ Đệ Ngũ Cộng-hòa Pháp là một chế-độ lai-căn, không thật là chế-độ đại-nghị mà cũng không thật là chế-độ tổng-thống, và chẳng những không hợp-tập được cái hay của cả hai chế-độ ấy như những tác giả bản hiến-pháp De Gaulle mong ước, nó còn kém hơn cả hai chế-độ ấy trong việc bảo-vệ nền tự-do dân-chủ.

Về chế-độ đại-nghị thuần-túy, ta còn có thể nhận thấy rằng sự miễn-tố, rất cần-thiết để cho nghị-sĩ tự-do trình bày ý-kiến không sợ chánh-quyền làm khó, đã đưa đến nhiều sự lạm-dụng đáng tiếc. Một số nghị-sĩ đã dựa vào nó mà đưa những chủ-trương phản-quốc một cách rõ rệt. Đảng-viên cộng-sản ở các nước dân-chủ đại-nghị đã lấy nghị-trường làm nơi hoạt-động và việc làm của họ có hại rất nhiều cho quyền-lợi dân-tộc mà các chánh-phủ không thể chấm dứt được.

3.- CHẾ-ĐỘ TỔNG-THỐNG.

Chế-độ tổng-thống là chế-độ thi-hành ở Hiệp-chúng-quốc Mỹ và Phi-luật-tân. Nó là một biến- thể của chế-độ đại-nghị. Thật-sự thì những nhà lập ra hiến-pháp Mỹ đã dựa và hiến-pháp Anh lúc nhà vua Anh hãy còn nhiều quyền-hành và trách-nhiệm.

Đặc-điểm của chế-độ tổng-thống là ba quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp được phân ra và độc-lập đối với nhau.

Theo chế-độ độc-tài, tất cả quyền-bính qui vào cơ-quan hành-pháp. Cơ-quan lập-pháp chỉ có nhiệm-vụ tán-thành các quyết-định của cơ-quan hành-pháp. Cơ-quan tư-pháp cũng là tay sai của cơ-quan hành-pháp.

Chế-độ đại-nghị chấp-thuận nguyên-tắc phân-quyền, nhưng thật-sự, trong chế-độ ấy, cơ-quan lập-pháp giữ một vai tuồng ưu-tiên. Cơ-quan hành-pháp tùy-thuộc cơ-quan lập-pháp. Về cơ-quan tư-pháp, nó không phải lệ-thuộc vào cơ-quan hành-pháp, nhưng vẫn không tránh khỏi ảnh-hưởng cơ-quan hành-pháp.

Trong chế-độ tổng-thống, ba cơ-quan lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp đều có những quyền rõ rệt và được xem là ngang nhau.

Cơ-quan lập-pháp là Quốc-hội. Ở Hiệp-chúng-quốc Mỹ, Quốc-hội gồm hai viện : Thượng-nghị -viện, nhơn-viên là đại-diện các tiểu-bang, và Hạ-nghị-viện, nhơn-viên là đại-diện do dân-chúng công-cử theo lối phổ-thông đầu-phiếu. Quốc-hội giữ quyền làm luật, quyền quyết-định chánh-sách ngoại-giao và quyền thiết-lập ngân-sách.

Quốc-trưởng Hiệp-chúng-quốc Mỹ là một vị tổng-thống do dân-chúng đầu-phiếu công-cử. Ông nắm quyền-hành-pháp trong suốt nhiệm-kỳ, Quốc-hội không thể lật đổ ông được. Trừ những vấn-đề quan-trọng có can-hệ đến vận-mạng quốc-gia hay đến quyền-lợi toàn dân, như vấn-đề ngoại-giao, vấn-đề đánh thuế và tiêu-phí ngân-sách, ông phải tuân theo ý-kiến Quốc-hội, còn thì ông được trọn quyền thi-hành chánh-sách mình.

Ngoài ra, Tổng-thống lại có quyền phủ-quyết không thi-hành một đạo-luật do Quốc-hội thông qua. Chỉ sau khi Quốc-hội bỏ thăm chấp-thuận luật này một lần thứ nhì với đa-số 2/3, Tổng-thống mới bị bắt buộc phải theo.

Như thế, Tổng-thống và Quốc-hội ngang quyền nhau và một Tổng-thống có thể nắm quyền cai-trị quốc-gia với một Quốc-hội nghịch lại mình. Trong trường-hợp Tổng-thống và Quốc-hội xung-đột nhau về vấn-đề quyền-hạn, sự tranh-chấp do Thượng-thẩm-viện là cơ-quan tư-pháp tối-cao phán-đoán.

Thượng-thẩm-viện gồm 9 vị thẩm-phán do Tổng-thống bổ-nhiệm sau khi thỏa-thuận với Quốc-hội. Khi đã được bổ-nhiệm họ được giữ chức-vụ đến lúc chết, tự-do xin từ-chức hay bị bãi-miễn vì phạm trọng-tội. Sự bãi-miễn nhơn-viên Thượng-thẩm-viện cũng do Tổng-thống quyết-định với sự chấp-thuận của Quốc-hội. Thượng-thẩm-viện quyết-định bằng lối đầu-phiếu lấy đa-số. Nó có trách-vụ bảo-vệ hiến-pháp và giữ quyền phán-quyết trong những vụ xung-đột giữa các tiểu-bang với nhau, giữa các tiểu-bang với chánh-phủ trung-ương và giữa chánh-phủ với Quốc-hội. Nó cũng điều-khiển bộ máy tư-pháp và đảm-nhận nhiệm-vụ phán-quyết những xung-đột giữa dân-chúng.

Quyết-định của Thượng-thẩm-viện là quyết-định tối-hậu, Tổng-thống và Quốc-hội đều phải tuân theo. Tuy thế, nó không phải là cơ-quan chi-phối cả đời sống chánh-trị của Hiệp-chúng-quốc Mỹ như nhiều người thường bảo, vì nó chỉ can-thiệp khi Tổng-thống và Quốc-hội xung-đột nhau về vấn-đề quyền-hành, còn bình-thường nó không biết đến hoạt-động chánh-trị của Quốc-hội và Tổng-thống.

Xét chế-độ Tổng-Thống, ta thấy rằng nó là một chế-độ hợp-tập được nhiều cái hay của cả hai chế-độ, chế-độ độc-tài và đại-nghị. Dân-chúng vẫn được hưởng các quyền tự-do căn-bản và được tham-dự đời sống chánh-trị trong nước. Do đó, quyền-lợi họ cũng được bảo-vệ như trong chế-độ đại-nghị. Nhưng một mặt khác, chánh-phủ đứng vững vững trong một thời-hạn nhứt-định và cuộc cạnh-tranh giữa các đảng-phái thường chỉ mãnh-liệt trong thời-kỳ tuyên-cử mà thôi. Chánh-sách quốc-gia nhờ đó mà có tánh-cách tiếp-tục và sự tranh-chấp hỗn-loạn có thể tránh được. Nhưng một mặt khác, nhiệm-kỳ của Tổng-Thống có một thời-hạn nhứt-định. Nếu hiến-pháp qui-định rõ rệt số nhiệm-kỳ liên tiếp mà một cá-nhơn có thể đảm-nhận, ta có thể tránh được nạn lãnh-tụ một chánh-đảng nắm mãi chánh-quyền. Như thế, nhiều khuyết-điểm của chế-độ đại-nghị đã được sửa chữa và quốc-gia có kỷ-luật hơn.

Tuy nhiên, chế-độ tổng-thống không phải là hoàn-toàn. Nó không tránh được nhiều mối hại của chế-độ đại-nghị.

Trong việc đối-phó với dân-tộc khác, dân-tộc theo chế-độ tổng-thống cũng tùy-thuộc dư-luận quần-chúng và khó làm việc một cách nhanh chóng và kín đáo. Cuộc chiến-tranh ngụy Mỹ Nga đã cho ta thấy rằng Mỹ cũng như Anh, Pháp, thường phải giữ thái-độ thụ-động trước những cuộc tấn-công và phá-hoại của Nga.

Tuy không mãnh-liệt bằng ở Pháp, cuộc cạnh-tranh đảng-phái Mỹ lắm khi cũng rất tai-hại và bị Nga lợi-dụng đến triệt-đề. Ngoài ra, nước theo chế-độ tổng-thống thường bị tê-liệt trong năm tuyển-cử tổng-thống. Trong năm này, nhơn-vật hay chánh-đảng nắm quyền-hành-pháp thường giữ một thái-độ e dè, vì sợ một sự lầm lỡ của mình bị nhóm đối-lập lợi-dụng để phản-tuyên-truyền thành ra mình phải mất quyền-chánh trong cuộc tuyển-cử sẽ tới. Thái-độ e dè này không có hại nhiều cho nền chánh-trị nội-bộ, nhưng có thể có những hậu-quả tai hại trong chánh-sách đối-ngoại. Trong cuộc chiến-tranh nguội Mỹ Nga mấy năm sau này, ta có thể nhận thấy rằng những năm Mỹ tổ-chức tuyển-cử Tổng-thống, Nga thường thắng-lợi trong những cuộc tấn-công chánh-trị của mình.

Một mặt khác, chế-độ tổng-thống có thể đưa đến sự lạm-dụng quá đáng. Một trong những khuyết-điểm của chế-độ tổng-thống Mỹ là nghị-sĩ Quốc-hội ở hai viện lập nên những nhóm dùng thế-lực và quyền miễn-tố của mình để làm kinh-tài một cách ngang nhiên, không ai có thể trị được. Ngoài ra, nếu cơ-quan hành-pháp có dã tâm, nó có thể che đậy một số nhơn-viên làm bậy. Hơn nữa, một vị Tổng-thống tham-quyền có thể lợi-dụng thế-lực mà thiết-lập chế-độ độc-tài. Người Pháp sơ-dĩ không dám theo chế-độ tổng-thống là vì trong lịch-sử, họ đã bị một tổng-thống phản-bội hiến-pháp để tự xưng hoàng-đế với huy-hiệu là Nã-phá-luân Đệ Tam (Napoléon III).

b)- CÁC CHẾ-ĐỘ CHÁNH-TRỊ ĐÃ LƯU-HÀNH VÀ SỰ SINH-TỒN CỦA DÂN-TỘC.

Xét các chế-độ chánh-trị đã lưu-hành, chúng ta có thể nhận thấy rằng mỗi chế-độ đều có những ưu-điểm và nhược-điểm.

Chế-độ độc-tài có thể làm cho dân-tộc được hùng-cường một cách nhanh chóng và giúp dân-tộc đối-phó với các dân-tộc khác một cách có hiệu-lực. Tuy thế, ngay trong trường-hợp nhà độc-tài có lòng yêu nước thương dân, chế-độ độc-tài cũng uy-hiếp cá-nhơn, khiến cho họ không thể phát-triển được hết năng-lực. Ngày xưa, người ta có thể cam-tâm sống trong cảnh bó buộc, nhưng hiện giờ, với sự mở mang của ý-thức tự-do, người không sao có thể tìm được hạnh-phúc trong chế-độ độc-tài.

Trong chế-độ này, nền đoàn-kết chặt chẽ thực-hiện bằng sự cưỡng-bách có tăng gia lực-lượng chung, nhưng những sự bất-công gây ra có thể làm cho dân-chúng phẫn-uất và quốc-gia có thể bị nạn nội-loạn. Trong trường-hợp nhà độc-tài không nghĩ đến quyền-lợi chung, tự-nhiên quốc-gia không thể hùng-cường được và dân-chúng càng khổ-sở, nạn nội-loạn ấy càng dễ sanh ra. Thêm nữa, sự trừng- thanh đẫm máu mà nhà độc-tài nào cũng phải thi-hành để giữ vững ngôi-vị cũng hết sức có hại cho dân-tộc.

Nói tóm lại, chế-độ độc-tài hoàn-mỹ nhưt cũng chỉ giúp vào sự sinh-tồn của đoàn-thể một cách tạm-thời. Sự sinh-tồn của cá-nhơn không được bảo-đảm và sau cùng, điều này trở lại có hại cho sự sinh-tồn của dân-tộc, vì cuộc rối loạn do dân-chúng bị uy-hiếp gây ra có thể làm yếu sức quốc-gia. Một mặt khác, chế-độ độc-tài đưa đến sự giết hại nhơn-tài và làm cho năng-lực những nhà chỉ-huy càng ngày càng kém đi.

Chế-độ đại-nghị hướng vào mục-đích bảo-vệ sự tự-do cùng quyền-lợi của cá-nhơn. Nhưng vì sự tự-do thường đưa đến chỗ phóng-túng và vô kỷ-luật, vì lực-lượng trong nước phân tán và nhiều khi chống chọi lại nhau, dân-tộc phải suy yếu đi. Hơn nữa, sự hoạt-động để

đối-phó với các dân-tộc khác hết sức chậm chạp và không giữ bí-mật được. Do đó, những dân-tộc theo chế-độ đại-nghị khó bảo-vệ quyền-lợi mình. Mà khi quyền-lợi dân-tộc bị mất quá nhiều, hoặc dân-tộc bị mất độc-lập, quyền-lợi cá-nhơn phải bị mất theo.

Như thế, chế-độ đại-nghị lợi cho sự sinh-tồn cá-nhơn mà lại có thể hại cho sự sinh-tồn của dân-tộc. Thi-hành đến quá độ, nó có thể làm cho dân-tộc suy yếu và sụp đổ. Trong trường-hợp ấy, chính sự sinh-tồn của cá-nhơn cũng bị uy-hiếp.

Chế-độ tổng-thống cố-gắng dung-hòa hai chế-độ độc-tài và đại-nghị. Thi-hành một cách đúng đắn, nó có thể mang đến cho dân-tộc những mối lợi của cả hai chế-độ độc-tài và đại-nghị. Tuy vậy, nó vẫn chưa hoàn-hảo và không tránh được nhiều khuyết-điểm của chế-độ đại-nghị.

Sự hoạt-động của người luôn luôn nhắm vào mục-đích mưu-đồ sự sinh-tồn cá-nhơn cho mình. Mà muốn mưu-đồ sự sinh-tồn cá-nhơn, người phải đứng vào hàng-ngũ dân-tộc. Giữa dân-tộc và cá-nhơn có một sự tương-quan chặt chẽ. Dân-tộc có hùng-cường thì cá-nhơn mới khỏi bị dị-tộc uy-hiếp. Nhưng nếu dân-tộc uy-hiếp cá-nhơn thái-quá, cá-nhơn có thể chống chọi lại dân-tộc, khiến cho dân-tộc mất sức rất nhiều.

Như vậy, chế-độ xã-hội lý-tưởng phải cố-gắng dung-hòa sự sinh-tồn của dân-tộc với sự sinh-tồn của cá-nhơn. Đành rằng, muốn cho dân-tộc được sinh-tồn, cá-nhơn nhiều khi phải hy-sanh. Nhưng sự hy-sanh này chỉ được cá-nhơn vui lòng chấp-nhận khi nó có ý-nghĩa, khi nó phù-hợp với lý-tưởng của người. Ngày xưa, người ta có thể vui lòng phụng-sự một cá-nhơn, một dòng họ. Nhưng đến giai-đoạn hiện-tại, người thường chỉ có thể hy-sanh cho quyền-lợi chung mà thôi. Đó là một điều mà người làm chánh-trị không thể lãng quên được.

Sự khảo-sát về các chế-độ độc-tài, đại-nghị và tổng-thống đã cho ta thấy rằng không chế-độ nào hoàn-toàn, nghĩa là có đủ điều-kiện để bảo-đảm được sự sinh-tồn của cá-nhơn và của đoàn-thể một cách chắc chắn. « *Giá-trị một chế-độ tùy theo giá-trị của người phụng-sự nó* ». Đó là một điều mà người ta đã nhận thấy từ lâu.

Các nhà độc-tài nhơn-hậu có thể mang hạnh-phúc lại cho dân-chúng. Các nhà vua Lý Thánh-tông, Lê Thánh-tông, Đường Thái-tông cũng như nhà lãnh-tụ Mustapha Kémal, mặc dầu theo chế-độ độc-tài, và nhờ đó mà làm cho dân-tộc hùng-cường, cũng đã giúp ích được người dân. Những chánh-khách đại-nghị của nước Anh có theo nguyên-tắc tôn-trọng sự tự-do cá-nhơn, nhưng cũng đồng-thời làm cho tổ-quốc được hùng-cường. Hiệp-chúng-quốc Mỹ cũng đã thành-công trong việc dung-hòa sự sinh-tồn của cá-nhơn và của dân-tộc. Trái lại, chế-độ đại-nghị đã làm cho nước Pháp yếu hèn và chế-độ tổng-thống ở Phi-luật-tân trước đây đã che đậy cho bao nhiêu sự lạm-quyền.

Như thế, ngoài vấn-đề pháp-chế, lại còn có vấn-đề nhơn-sự. Người mà tốt thì chế-độ nào cũng có thể đưa dân-tộc đến chỗ hùng-cường và cá-nhơn đến hạnh-phúc. Trái lại, người mà xấu thì chế-độ nào cũng có thể làm cho quốc-gia đổ nát, dân-chúng lâm-than. Sự đào-luyện dân-chúng về mặt chánh-trị, như thế, thật hết sức cần-thiết.

Tuy nhiên, ta không thể vì đó mà cho rằng các chế-độ độc-tài, đại-nghị và tổng-thống đều có giá-trị ngang nhau. Dầu ta có giáo-dục họ cách nào, người không thể trở thành thần thánh cả được. Và lại, ngay đến những người bảm-tánh tốt cũng có thể bị hoàn-cảnh mà hủ-hóa đi. Vậy, ta phải dựa vào pháp-chế mà ngăn-ngừa sự sa ngã của người.

Về phương-diện này, chế-độ độc-tài là chế-độ có nhiều nhược-điểm nhưt. Nó dễ đưa những nhà lãnh-tụ đến chỗ lạm-quyền áp-chế nhơn-dân và phụng-sự quyền-lợi riêng của mình. Và lại, chế-độ độc-tài dẫu có phụng-sự dân-chúng, cũng chỉ nâng cao đời sống vật-chất của họ chứ không chấp-nhận sự tự-do cá-nhơn.

Như thế, ngay trong trường-hợp thuận-lợi nhưt, chế-độ độc-tài cũng không hoàn-toàn dung-hòa được sự sinh-tồn của cá-nhơn với sự sinh-tồn của dân-tộc. Hơn nữa, chế-độ độc-tài rất khó tự sửa chữa. Gặp nhà độc-tài làm bậy, dân-chúng chỉ có phương-pháp duy-nhứt để cải-thiện số phận mình : làm cách-mạng lật đổ chánh-quyền. Cuộc cách-mạng tất-nhiên là gây nhiều đổ vỡ và làm yếu sức dân-tộc rất nhiều. Vì đó, chế-độ độc-tài không thể thích-hợp với chủ-trương dân-tộc sinh-tồn.

Hai chế-độ đại-nghị và tổng-thống có hơn chế-độ độc-tài ở chỗ nó có thể dung-hòa được sự sinh-tồn của cá-nhơn và sự sinh-tồn của dân-tộc. Thi-hành một cách đúng đắn, nó có thể vừa bảo-đảm sự tự-do và hạnh-phúc của cá-nhơn, vừa làm cho dân-tộc hùng-cường. Thêm nữa, sự tự-do của dân-chúng về mặt chánh-trị có thể giúp họ sửa chữa những khuyết-điểm của chế-độ một cách hòa-bình.

Mối tai-hại lớn nhưt của chế-độ đại-nghị và tổng-thống là nó làm cho dân-tộc suy yếu thái-quá, không thể chọi lại các dị-tộc xâm lấn. Về phương-diện này, trừ trường-hợp đặc-biệt của nước Anh, chế-độ đại-nghị thường không bằng chế-độ tổng-thống, vì chế-độ tổng-thống có một cơ-quan hành-pháp vững chắc hơn và hạn-chế sự xung-đột giữa các đảng-phái. Như thế, trong tất cả các chế-độ, chế-độ tổng-thống là chế-độ có nhiều điều-kiện hơn hết để dung-hòa sự sinh-tồn của cá-nhơn với sự sinh-tồn của dân-tộc.

Muốn hạn-chế bớt sự cạnh-tranh đảng-phái trong chế-độ đại-nghị, ta cần phải qui-định nhiệm-kỳ của mỗi chánh-phủ được cử ra như thế nào cho nó có một thời-hạn hoạt-động và một quyền-oai đủ để thi-hành một chánh-sách nhưt-định cho đến khi có kết-quả. Nhưng trong trường-hợp này, chế-độ đại-nghị có thể bị tê-liệt trong thời-gian cần chỉ-định một chánh-phủ mới cũng như chế-độ tổng-thống bị tê -liệt trong năm tuyên-cử tổng-thống vậy.

Như thế, hai chế-độ tổng-thống và đại-nghị dẫu sao cũng có một nhược-điểm không thể tránh được và chúng ta chỉ có thể cải-thiện nó đôi chút mà thôi.

Ngoài ra, chế-độ tổng-thống và đại-nghị hiện hành lại còn một số nhược-điểm khác mà ta có thể sửa chữa được một cách dễ dàng hơn. Trước hết, với nguyên-tắc tôn-trọng tự-do, các dân-tộc theo chế-độ tổng-thống cũng như các dân-tộc theo chế-độ đại-nghị chấp-nhận cho mọi tư-tưởng chánh-trị được lưu-hành trong xã-hội, ngay đến cả những tư-tưởng chống chọi lại lý-tưởng tự-do. Những chủ-trương Quốc-xã, Phát-xít, Độc-tài vô-sản đều có thể được truyền-bá công-khai ở những chế-độ tự-do. Đó là một nhược-điểm của chế-độ, có thể giúp những địch-thù phá-hoại nó dễ dàng. Vì lẽ đó, một dân-tộc chấp-nhận nguyên-tắc tôn-trọng tự-do cá-nhơn cần phải nghiêm-cầm những phong-trào tư-tưởng phủ-nhận những quyền tự-do căn-bản của con người.

Một mặt khác, sự đối-lập với chánh-quyền hết sức cần-thiết cho chế-độ tự-do, nhưng lại có thể đưa đến sự hỗn-loạn. Do đó, nó phải qui-định một cách rõ ràng. Người Anh có cái thủ-tục rất hay là công-nhận một nhóm chánh-thức đối-lập với chánh-phủ, đối-lập một cách thật-sự, chứ không phải đối-lập giả-hiệu, song vẫn được chánh-phủ trọng-đãi. Nhà lãnh-tụ phái đối-lập này nhận lãnh một số lương hằng tháng bằng một vị tổng-trưởng, có quyền đọc

những hồ-sơ cần-thiết và có thể dùng thời-giờ mình vào việc xem xét các hành-động của chánh-phủ mà chỉ trích những chỗ không hay.

Muốn cho sự chỉ trích của phái đối-lập chẳng những không phá-hoại lực-lượng dân-tộc, mà lại còn có tánh-cách kiến-thiết và có lợi cho dân-tộc, hiến-pháp cần phải qui-định chế-độ đối-lập để cho nó không thể phụng-sự quyền-lợi đảng-phái nhỏ nhen hay chỉ nhắm vào sự đả phá bất cứ ai đứng lên nắm chánh-quyền trong mọi trường-hợp mà không nghĩ đến sự xây dựng quốc-gia. Nguyên-tắc chánh-yếu làm căn-bản cho qui chế đối-lập là người đả kích một chánh-sách phải nêu ra một chánh-sách khác để thay thế và khi yêu cầu chánh-phủ xuất ngân-sách ra vào một việc gì, người ta phải kèm theo một dự-định thu-nhập và ngân-sách đủ số tiền cần-thiết.

Sau hết, muốn trừ diệt nạn tham-những – như là trong các cơ-quan lập-pháp và tư-pháp vốn không thể để thuộc quyền kiểm-soát của cơ-quan hành-pháp – cần phải có một Viện giám-sát. Nhon-viên Viện này có thể do các cơ-quan lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp chỉ-định, với nguyên-tắc thay đổi mỗi lần một phần ba để cho nhiệm-kỳ nhon-viên giám-sát không trùng hợp với nhiệm-kỳ các cơ-quan đề-cử, và về sau, trong Viện, lúc nào cũng có nhon-viên do chánh-quyền trước để lại. Như vậy, ta có thể tránh được nạn nhon-viên giám-sát đồng xu-hướng với các nhon-viên lập-pháp và hành-pháp có thể thiên-vị các cơ-quan ấy.

Viện giám-sát phán-quyết về tánh-cách hợp-hiến hay bất-hợp-hiến của những sắc-luật cùng mọi quyết-định hành-chánh, và có nhiệm-vụ bài trừ tham-những. Để thi-hành sứ-mạng, Viện giám-sát có quyền xem xét tất cả những hồ-sơ và nghe tất cả những nhon-chứng cần-thiết, nhưng không có quyền trực-tiếp trừng-phạt những nhon-viên phạm lỗi. Trong trường-hợp ba cơ-quan lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp không chịu trừng-phạt nhon-viên mình bị đả-hặc, nhon-viên giám-sát có thể đem vấn-đề ra trước dư-luận để cho quốc-dân phán-đoán. Như vậy, Viện giám-sát có thể làm việc đắc-lực mà không thể trở thành một siêu-chánh-phủ nắm hết quyền-hành.

Nếu được thành-lập và được vận-dụng một cách đàng-hoàng, Viện giám-sát có thể sửa chữa một số khuyết-điểm của chế-độ tổng-thống và đại-nghị, như là nạn tham-những của các nhon-viên lập-pháp và tư-pháp.

c)- SỰ TỔ-CHỨC CAI-TRỊ ĐỊA-PHƯƠNG.

Hầu hết các quốc-gia trên thế-giới đều có một diện-tích khá rộng với một dân-số khá đông. Muốn cho sự cai-trị được dễ dàng, người ta phải phân lãnh-thổ quốc-gia ra làm nhiều đơn-vị hành-chánh nhỏ hơn. Bởi đó, ngoài những cơ-quan của chánh-quyền trung-ương, mỗi quốc-gia lại còn có những cơ-quan cai-trị địa-phương nữa.

Sự tổ-chức những cơ-quan cai-trị địa-phương trong một quốc-gia có thể theo một chế-độ tập-quyền hay theo chế-độ phân-quyền.

Theo chế-độ tập-quyền, chánh-phủ trung-ương nắm giữ phần lớn nếu không phải là tất cả mọi quyền-hành trong nước. Các cơ-quan hành-chánh địa-phương đều đặt dưới sự điều-khiển trực-tiếp và chặt chẽ của chánh-phủ trung-ương. Những nhà cầm-quyền hành-chánh địa-phương đều do chánh-phủ trung-ương bổ-nhiệm và phải làm việc theo những chỉ-thị, những huân-lệnh của chánh-phủ trung-ương.

Những quốc-gia theo chế-độ dân-chủ thường cũng có tổ-chức những hội-đồng địa-hạt do dân-chúng công-cử để kiểm-soát việc làm của nhà cầm-quyền và phát-biểu ý-kiến, nguyện-vọng của dân. Nhưng nhà cầm-quyền địa-phương vốn nhận lệnh nơi chánh-phủ trung-ương nên có một oai-thế mạnh-mẽ và không phải tùy-thuộc các hội-đồng địa-hạt một cách chặt chẽ.

Theo chế-độ phân-quyền, trái lại, chánh-phủ trung-ương chỉ giành cho mình quyền giải-quyết những vấn-đề quan-trọng có can-hệ đến toàn dân, và để cho các cơ-quan hành-chánh địa-phương hưởng một sự tự-trị rộng rãi, với điều-kiện là không đi ngược lại quyền-lợi chung của quốc-gia và không làm trái luật-pháp được ban-hành. Trong những nước dân-chủ, nhà cầm-quyền địa-phương không phải là những công-chức do chánh-phủ trung-ương bổ-nhiệm nữa, mà là những ủy-viên do dân-chúng công-cử. Vì đó, họ phải tùy-thuộc dân-chúng nhiều hơn những viên quan cai-trị của chế-độ tập-quyền.

Chế-độ tập-quyền là một chế-độ dựa vào nguyên-tắc oai-quyền từ trên đưa xuống cho nên rất phù-hợp với chế-độ độc-tài. Trái lại, chế-độ phân-quyền dựa vào nguyên-tắc oai-quyền phát-xuất từ dân-chúng nên gần với chế-độ dân-chủ hơn.

Tuy nhiên, hình-thức chánh-phủ trung-ương và tổ-chức cai-trị địa-phương không phải là hoàn-toàn phù-hợp nhau.

Nước Pháp Cộng-hòa đã tổ-chức chánh-phủ trung-ương theo lối đại-nghị từ lâu, nhưng bộ máy cai-trị địa-phương vẫn còn chịu ảnh-hưởng của chế-độ Nã-phá-luân và có tánh-cách tập-quyền. Trừ ra ở cấp xã-thôn, còn thì những viên-chức cai-trị đều do chánh-phủ Paris bổ-nhiệm và điều-khiển.

Bù lại, các nhà độc-tài cũng có thể để cho các địa-phương được hưởng sự tự-trị rộng rãi. Chế-độ phong-kiến có thể xem như là một chế-độ phân-quyền trong đó các chúa chư-hầu hãy còn một quyền-hành rộng lớn trong sự tổ-chức và điều-khiển địa-phương mình.

Nói cho thật đúng thì chế-độ tập-quyền rất khó mà thi-hành một cách hoàn-toàn, nhưt là trong thời-kỳ mà sự giao-thông khó khăn làm cho chánh-phủ trung-ương không có phương-tiện kiểm-soát các đơn-vị hành-chánh xa xôi. Bởi đó, phần lớn các chế-độ độc-tài từ ngày xưa thường phải để cho các thôn-xã hưởng một sự tự-trị khá rộng rãi. Ở các đế-quốc Âu-châu trước, nhiều thị-xã đã mua được quyền tự-trị. Trong nước Việt-Nam dưới thời quân-chủ, nhà vua từ đời Lê trở đi chỉ bổ-nhiệm các viên-chức cai-trị từ cấp huyện trở lên, còn nhơn-viên cai-trị tổng và thôn xã thì do dân bầu lấy.

Chế-độ tập-quyền giúp cho quốc-gia có một bộ máy cai-trị đồng-nhứt và dễ huy-động. Các viên-chức cai-trị trong chế-độ tập-quyền đều tùy-thuộc chánh-phủ trung-ương nên một huấn-lệnh ban ra được thi-hành một cách đồng-đều và nhanh chóng ở toàn quốc.

Tuy thế, bộ máy cai-trị chế-độ tập-quyền không thể tránh được tánh-cách quan liêu. Các công-chức thường nhưt nhát, thủ cựu và làm việc theo khuôn khổ quá nhiều. Bởi đó, họ ít có sáng-kiến và khi có sáng-kiến họ cũng hay ngần ngại, không dám thi-hành hết kế-hoạch của mình. Và lại, sự thăng giáng của họ tùy-thuộc nhơn-viên cấp trên nhiều hơn là sự ích-lợi họ mang đến cho dân-chúng, thường không phải là người đồng-quận với họ. Vì thế, họ lo chiều chuộng người cấp trên nhiều hơn là việc phụng-sự nhơn-dân.

Với chế-độ phân-quyền, ta có một bộ máy cai-trị lỏng lẻo hơn, và quốc-gia không có được tánh-cách đồng-nhứt. Ở Hiệp-chúng-quốc Mỹ, luật-lệ khác nhau từ tiểu-bang này sang tiểu-bang khác, có khi từ quận này sang quận khác. Có những nơi sự ly-dị không được chấp-thuận, nhưng cũng có nhiều nơi người ta có thể ly-dị nhau một cách dễ dàng.

Nhưng bù lại, chế-độ phân-quyền mang đến cho dân-tộc nhiều mỗi lợi. Nguyên-tắc dùng người địa-phương cai-trị địa-phương làm cho người ta cố-gắng hơn trong việc phụng-sự quê-hương mình. Những nhà cầm-quyền người bản-sở, có bà con thân-thuộc trong vùng, có một tên họ cần bảo-vệ, tất phải cố tránh những công việc tai tiếng có thể làm xấu hổ tông-môn. Do đó, họ sẽ ít làm bậy hơn những quan-lại vốn là công-chức không có gốc rễ trong vùng. Hơn nữa, người nào cũng tự-nhiên có lòng quý mến quê-hương mình. Tinh-thần hương-đăng thúc giục người ráng sức làm cho xứ-sở mình nổi bật lên trên xứ khác. Điều này gây ra một sự cạnh-tranh giữa các địa-phương, khiến cho các địa-phương có thể mạnh lên được.

Nếu quốc-gia theo chế-độ quân-chủ và để cho dân-chúng được hưởng một quyền tự-trị rộng rãi, sự ích-lợi của chế-độ phân-quyền càng rõ rệt hơn nữa. Với quyền tuyền-cử người đứng ra cai-trị địa-phương mình, người dân được trực-tiếp tổ-chức đời sống xã-hội mình.

Những kẻ làm bậy, mất tín-nhiệm của đồng-bào không còn có thể dựa vào thế-lực nào mà uy-hiếp dân-chúng được. Một mặt khác, dân-chúng được tự-quyết-định lấy việc đóng góp tiền bạc để dùng vào những việc công-ích mà mọi người đều thấy ngay trước mắt. Những điều này giúp cho người nhận chân sự ích-lợi của chế-độ dân-chủ một cách dễ dàng. Thật ra, không có trường huấn-luyện công-dân nào hay hơn là chế-độ tự-trị địa-phương này.

Và lại, xét cho thật kỹ, chỉ có sự tự-trị địa-phương, như là các đơn-vị hành-chánh nhỏ như thôn xã hay thị-trấn mới cho phép người thực-hiện một chế-độ dân-chủ hoàn-toàn, vì ở các đơn-vị hành-chánh nhỏ, mọi người đều biết rõ nhau, lại biết rõ hết những vấn-đề cần giải-quyết và có thể hội-họp nhau lại dễ dàng để bầu cử người đứng ra làm việc, hoặc giải-quyết các vấn-đề can-hệ đến cả địa-phương. Ta nên nhớ rằng theo Rousseau nhà lý-thuyết dân-chủ nổi danh nhưt của Pháp, chế-độ dân-chủ chỉ được thực-hiện một cách đúng đắn với những quốc-gia nhỏ bé mà thôi.

Đối với một số lý-thuyết gia, việc giải-quyết những vấn-đề can-hệ đến sự tồn-vong của cả đất nước mới quan-trọng và mới đáng được mang ra hỏi ý-kiến trực-tiếp của nhơn-dân. Nhưng sự thật, đối với người dân, chính sự giải-quyết những vấn-đề nhỏ nhặt, dính dáng đến đời sống hằng ngày của họ mới là quan-trọng. Về những vấn-đề thiết-yếu, nhưng xa cách họ quá nhiều, họ ít để ý đến và lắm khi chỉ có những quan-niệm mơ-hò về nó mà thôi. Một số người không nhận thấy sự quan-trọng của lá thăm bầu cử viên nghị-sĩ sẽ nắm một phần quyền quyết-định về vận-mạng quốc-gia.

So sánh hai chế-độ tập-quyền và phân-quyền ta thấy rằng chế-độ phân-quyền có lợi cho sự sinh-tồn của dân-tộc hơn là chế-độ tập-quyền. Không những cho người dân được tham-dự công việc một cách chặt chẽ, làm cho họ thích lưu-ý đến đời sống chánh-trị trong nước, nó còn cho các địa-phương cạnh-tranh nhau mà tiến-hóa nhanh chóng được. Bởi đó, trong sự tổ-chức cai-trị địa-phương, ta nên nghiêng về phía chế-độ phân-quyền để cho dân-chúng được hưởng những quyền tự-trị rộng rãi và được bầu cử trực-tiếp tất cả những nhơn-viên nắm quyền cai-trị ở các đơn-vị hành-chánh từ dưới lên trên.

Lẽ cố-nhiên là sự phân-quyền không thể đi đến mực làm phân-tán quốc-gia ra thành nhiều « tiểu-bang », làm yếu sức của dân-tộc. Muốn cho ý-chí toàn quốc vẫn thống-nhứt,

chánh-phủ trung-ương phải đủ oai-quyền để điều-khiển các địa-phương, và bắt buộc các nhà cầm-quyền hành-chánh địa-phương thi-hành huấn-lệnh mình.

Muốn thực-hiện được điều này, trước hết hiến-pháp phải phân-định rõ ràng quyền-hạn của chánh-phủ trung-ương và các đơn-vị hành-chánh địa-phương.

Thêm nữa, các công-sở chuyên-môn ở mọi cấp đều phải đặt dưới sự điều-khiển của chánh-phủ trung-ương, để cho chánh-phủ trung-ương có thể tự mình thi-hành chánh-sách mình, nếu nhơn-viên công-cử ở một địa-phương cưỡng lại mình vì những nguyên-nhơn không hợp-lý.

d)- TỔ-CHỨC GIA-ĐÌNH.

Trong những quốc-gia tân-tiến, đơn-vị hành-chánh nhỏ nhất là thôn xã hay thị-trấn. Gia-đình thật ra không phải trực-tiếp thuộc về phạm-vi tổ-chức chánh-trị. Tuy thế, vấn-đề gia-đình cũng là một vấn-đề căn-bản của xã-hội và giữa tổ-chức gia-đình với tổ-chức chánh-trị luôn luôn có một sự liên- quan chặt chẽ.

Những chế-độ quân-chủ ngày xưa thường có tánh-cách phụ-quyền. Bởi đó, mặc dầu về phương-diện hành-chánh, người ta vẫn lấy thôn xã làm đơn-vị nhỏ nhất, các đại gia-đình đã đóng một vai tuồng trọng-yếu. Các tộc-trưởng thường phải chịu trách-nhiệm về hành-vi của con em mình, và bù lại, xã-hội cũng công-nhận cho gia-tộc một quyền-hành rất lớn đối với cá-nhơn.

Xã-hội dân-chủ theo nguyên-tắc, chỉ biết cá-nhơn chớ không biết đến gia-đình. Những mối dây liên-lạc giữa người thân-thuộc hãy còn, nhưng đã được nối bót. Xu-hướng làm tan vỡ những đại-gia-đình có một khuôn khổ quá khắc-nghiệt để giải phóng cá-nhơn, làm cho cá-nhơn bót ý-lại vào gia-tộc và biết nghĩ đến xã-hội nhiều hơn, thật ra cũng có chỗ hay và đáng được khuyến-khích.

Nhưng sau này, một số người noi theo xu-hướng trên đây, đã đi quá đà và chủ-trương hủy-diệt hẳn gia-đình, lấy cớ rằng gia-đình là một trở-lực cho chế-độ xã-hội hoàn-toàn. Noi theo lý-luận của Platon và Mặc-tử, những người theo chủ-trương hủy-diệt gia-đình cho rằng gia-đình làm cho người thiên-vị, chỉ nghĩ đến cá-nhơn mình và bà con thân-thuộc mình mà lãng quên nhiệm-vụ đối với xã-hội và cư xử bất-công đối với đồng-bào.

Thật ra thì những lời chi-trích trên đây cũng có chỗ đúng. Tuy thế, sự hủy-diệt gia-đình không phải là một phương-pháp hay để giải-quyết vấn-đề. Ta đã thấy rằng đời sống của người bị chi-phối mạnh mẽ của bản-năng sinh-tồn và ý-thức chủng-loại. Mà trong tất cả những đoàn-thể hợp-quần của người chỉ có gia-đình là phù-hợp nhất với bản-năng sinh-tồn và ý-thức chủng-loại. Bởi đó, nó có đủ điều-kiện hơn hết để làm cho người nghĩ đến kẻ khác ngoài mình và hy-sanh cho kẻ khác ấy. Chính gia-đình là cái trường đào-luyện làm cho người bót sự vị-kỷ hoàn-toàn đi.

Quả thật, một số người trí óc hẹp hòi, chỉ biết có gia-đình mình, và không ngại bóc lột kẻ khác hay phản-bội quê-hương xứ sở để phục-vụ gia-đình. Nhưng sự hủy bỏ gia-đình không phải là một phương-pháp hay để cho hạng người này nghĩ đến xã-hội, vì những người hẹp hòi mà không có gia-đình thì chỉ nghĩ đến cá-nhơn họ mà thôi. Như thế, sự hủy-diệt gia-đình chẳng những không làm cho người trở nên tốt hơn mà lại còn làm cho họ trở nên xấu xa hơn.

Trong trường-hợp đó, một dân-tộc muốn sinh-tồn không thể nào chấp-nhận được chủ-trương hủy-diệt gia-đình, mà trái lại, càng phải cố-gắng duy-trì và bảo-vệ gia-đình. Chính sự giáo-dục gia-đình mới là sự giáo-dục quan hệ nhứt vì nó có hiệu-lực nhứt trong sự đào-luyện tâm-tánh người. Chỉ trong gia-đình người ta mới có thể tập được sự nhường nhịn thân mến nhau, và sự hy-sanh cho kẻ khác. Một mặt khác nữa, những kẻ hưởng được hạnh-phúc gia-đình rất dễ trở thành những người công-dân tốt trong xã-hội.

Như thế, chế-độ gia-đình là một chế-độ cần được củng cố. Tuy-nhiên, nó cần phải được cải-thiện để không làm hại xã-hội.

Trong xã-hội cổ, gia-đình là cái tế-bào căn-bản của quốc-gia và chánh-quyền thường chỉ biết gia-đình mà không biết đến cá-nhơn. Chủ-trương này trái với nguyên-tắc tôn-trọng cá tánh và sự tự-do của người nên cần phải bãi bỏ. Sự liên-lạc giữa cá-nhơn và gia-đình cổ nhiên là vẫn phải còn, nhưng quyền-lợi và trách-nhiệm của cá-nhơn phải được nhìn nhận. Trong thời-đại dân-chủ, xã-hội không có thể áp-bách những kẻ thành-niên và bắt họ nhắm mắt phụng-sự gia-đình như trước nữa.

Sự giải-phóng cá-nhơn tự-nhiên làm yếu bớt chế-độ đại-gia-đình và làm nổi bật tiểu-gia-đình lên. Mà trong tiểu-gia-đình, vấn-đề quan-trọng nhứt là sự tương-quan giữa người đàn ông và người đàn bà.

Sự tương-quan này đã trải qua nhiều biến thiên trong lịch-sử loài người. Đời thái-cổ, xã-hội chưa ổn-định, chế-độ hôn-nhơn chưa xuất-hiện và trẻ con chỉ biết có mẹ mà không biết có cha. Do đó, người đàn bà đóng vai tuồng quan-trọng trong sự điều-khiển gia-đình.

Đến khi xã-hội ổn-định, chế-độ hôn-nhơn phát-sanh với ánh sáng văn-minh và người đàn bà bị khép vào một địa-vị ty-tiện. Hầu hết các xã-hội cổ đều bạc-đãi đàn bà một cách tàn-nhẫn.

Nhưng khi nền văn-minh tiến lên một mực cao hơn, người đàn bà lại lần lần được trọng-vọng trở lại. Phong-trào nữ-quyền ở nhiều nước tân-tiến đã đưa người đàn bà đi quá xa trên con đường đòi hỏi những quyền-lợi cho phái mình. Ở những xã-hội tân-tiến này, người ta chủ-trương một sự bình-đẳng hoàn-toàn giữa đàn ông và đàn bà.

Chủ-trương xem đàn ông và đàn bà bình-đẳng nhau thực ra là một chủ-trương rất tốt và cần phải thực-hiện. Tuy nhiên, Ta không nên quan-niệm một sự bình-đẳng máy móc theo đó đàn ông và đàn bà được xem y như nhau về cách đãi ngộ cũng như về quyền-lợi.

Thật-sự, người đàn bà khác người đàn ông không phải chỉ ở cơ-quan sanh-dục mà thôi. Trong chương khảo về con người, ta đã thấy rằng sự khác nhau giữa đàn ông và đàn bà bắt nguồn từ tánh-cách cơ-bản của các tế-bào và các tiết-dịch sanh-dục nhuần thấm các tổ-chức tế-bào. Do sự phân-biệt trong tánh-cách cơ-bản này, mà đàn bà và đàn ông có những đặc-tánh khác nhau về cả hai mặt sanh-lý và tâm-lý.

Nói một cách khái-quát, người đàn bà yếu sức hơn người đàn ông, song lại dẻo dai hơn, có lẽ vì cơ-thể người đàn bà được kết-cấu một cách bền chặt để đủ sức trải qua những cuộc thay đổi lớn lao vào lúc dậy-thì, lúc xuất-giá, lúc có thai và sanh đẻ, và lúc tuyệt sự sanh-dục.

Người ta đã nhận thấy rằng, xét chung về những người kháng-chiến pháp bị quân Đức bắt và tra tấn, phân-số người đàn ông không chịu nổi sự khảo-dã và phải khai sự thật cho kẻ địch cao hơn phân-số đàn bà. Thêm nữa, bảng thống-kê về sự sanh tử của hầu hết mọi dân-tộc đã cho ta biết rằng số con trai sinh ra nhiều hơn con gái, nhưng số con gái nuôi đến lớn lại nhiều hơn, và càng lên cao về mực tuổi tác, đàn bà càng đông hơn đàn ông.

So sánh trí thông-minh của đàn ông và đàn bà là một điều hơi khó, vì mực thông-minh khác nhau vô-cùng tùy cá-nhơn một. Tuy nhiên, xét chung, ta có thể nhận thấy rằng người đàn bà tinh-tế hơn người đàn ông, nhưng không có một óc trừu-tượng-hóa mạnh bằng đàn ông. Phần lớn phụ-nữ đi học đến bậc đại-học đều hướng về ngành văn-học, chớ ít khi theo đuổi môn toán-học hay khoa-học.

Về mặt nghị-lực, ta có thể gặp được nhiều người đàn bà cứng cỏi cang-trực, cũng như nhiều người đàn ông yếu ớt, nhát nhúa. Nhưng đại khái đàn bà ít nghị-lực hơn đàn ông và có một đời sống tình-cảm phong-phú hơn.

Như vậy, đàn ông và đàn bà có những đức-tánh khác nhau về tánh-chất nhiều hơn là về cường- độ. Trong trường-hợp đó, thiết tưởng ta nên xem đàn ông và đàn bà là hai nhơn-vật bổ-túc cho nhau để tương-trợ nhau hơn là hai nhơn-vật y hệt nhau và cạnh-tranh nhau. Người cổ Hy-lạp đã có quan-niệm rất đúng đắn khi đặt ra chuyện huyền-thoại cho rằng thuở xưa kia, mỗi người là một tổng-thể hoàn-toàn đầy đủ, nhưng sau đó, vì người phạm tội với thiên-đình nên Thượng-Đế phạt họ và phân họ ra làm hai phần nam và nữ. Theo quan-niệm này, tình yêu giữa trai gái không có chi khác hơn là ý muốn trở lại bản-chất nguyên-thủy của người, cốt để ráp lại làm một, hai bộ phận bị tách ra khỏi nhau.

Chủ-trương xem đàn ông và đàn bà là hai nhơn-vật có tánh-chất khác nhau và bổ-túc cho nhau đưa ta đến một quan-niệm đúng đắn hơn về sự bình-đẳng giữa đàn ông và đàn bà. Sự bình-đẳng này không thể là một sự bình-đẳng máy móc theo đó người đàn ông và người đàn bà đều có những nhiệm-vụ và những quyền-hạn y hệt như nhau trong gia-đình.

Với những khả-năng thể-chất và tinh-thần của mình, người đàn ông thích-hợp với những nhiệm-vụ nặng-nhọc và cần đức-tánh tranh-đấu nhiều hơn. Họ phải đóng vai tuồng gia-trưởng, phải làm việc nuôi dưỡng gia-đình và tranh-đấu để bảo-vệ nó.

Người đàn bà với những đức-tánh đặc-biệt của mình, nên đóng vai tuồng kẻ điềm-xuyết cho cuộc đời thành tươi đẹp hơn là vai tuồng kẻ chiến-sĩ dùng máu và mồ hôi để chế-ngự thế-giới ngoại- quan. Do đó, người đàn bà phải lãnh nhiệm-vụ tổ-chức đời sống bên trong gia-đình. Việc tạo ra một khung cảnh êm ấm giúp cho người đàn ông có nhiều điều-kiện để nghỉ ngơi sau một ngày tranh-đấu nhọc mệt, việc gây cho con trẻ tình thân mến và sự nhân-nhượng lẫn nhau cũng như việc tập cho chúng có những đức-tánh tốt là những công tác rất trọng-yếu cho gia-đình và xã-hội mà người đàn bà phải gánh vác.

Một nhà nữ giáo-dục Pháp đã bảo rằng : « *đào-luyện được một người đàn ông, người ta chỉ đào-luyện được một cá-nhơn, chớ đào-luyện được một người đàn bà, người ta đào-luyện được cả một gia-đình* ». Câu nói trên đây đã chỉ rõ sự quan-trọng của ảnh-hưởng người đàn bà đối với gia-đình. Một người vợ tốt có thể giúp ích cho chồng rất nhiều về phương-diện đức-hạnh. Một mặt khác, người ta đã nhận thấy rằng hầu hết những vị anh-hùng vĩ-nhơn trên thế-giới đều có những bà hiền-mẫu đáng kính.

Như vậy, vai tuồng người đàn bà không phải là một vai tuồng phụ-thuộc không đáng kể. Trái lại, nó vô-cùng quan hệ đến vận-mạng quốc-gia, xã-hội và người đàn bà phải nhận chân điều ấy.

Bên trong gia-đình, ta thường thấy có sự tranh-đấu lẫn nhau giữa vợ chồng để bảo-vệ cá tánh mình hay để lấn áp người bạn trăm năm. Đó là một sự kiện tự-nhiên, một định-luật căn-bản của sự sống. Nói về thực-tế, có nhiều người chồng nắm được ưu-thế, nhưng số gia-đình trong đó người đàn bà cướp được quyền làm chủ cũng không phải là ít.

Tuy nhiên, đứng về mặt phong-tục và luật-lệ mà xét, xã-hội cổ đã bình vực người đàn ông mà bạc-đãi người đàn bà quá nhiều. Cứ theo luân-lý và tục-lệ cũ, người đàn bà phải hoàn-toàn phụ-thuộc chồng mình. Đời sống và hạnh-phúc của họ thật ra không có gì bảo-đảm cả, và người đàn ông thương họ phần nào thì họ nhờ phần ấy mà thôi. Nếu trong xã-hội có nhiều người đàn ông bị vợ hiếp đáp, thì đó là những người quá hèn-nhát và thường bị thiên-hạ chê bai.

Trong một xã-hội mới, muốn bảo-đảm sự sinh-tồn sung-mãn của mọi người, địa-vị của người đàn bà phải được nâng cao lên. Luật-pháp phải bảo-đảm cho họ khỏi phải bị chồng ruồng rẫy hay hiếp đáp. Sự bảo-vệ đàn bà thật ra có thể có tánh-cách bó buộc người đàn ông, nhưng đó không phải là một sự bất-công. Người đàn bà vốn yếu đuối, lại khó làm lại cuộc đời và thường họ phải nuôi nấng cả đàn con khi bị chồng ruồng rẫy. Vì đó, họ cần phải được che chở nhiều hơn.

Dẫu sao, sự giao-thiệp giữa người đàn ông và người đàn bà trong gia-đình cũng chỉ có thể tươi đẹp khi cả đôi bên đều biết nhân-nhượng lẫn nhau. Sự giáo-dục gia-đình và sự giáo-dục ở học đường cần phải lưu-ý đến chỗ dạy dỗ thanh-niên và thiếu-nữ cho họ biết nhiệm-vụ họ cùng cách-thức vợ chồng cư-xử đối-đãi với nhau trong gia-đình.

Một mặt khác, gia-đình chỉ có thể êm ấm được khi hai vợ chồng hiệp-ý nhau và cùng chí-hướng với nhau. Sự chọn lựa người bạn trăm năm phải được xem là một vấn-đề trọng-hệ, không thể để cho cha mẹ độc-đoán quyết-định. Nó cũng không nên được quyết-định trong lúc bông bột nhứt thời của những kẻ thiếu-niên. Thiết-tưởng ở học đường, phải có những giờ dạy về những điều tất-yếu cho sự thành-lập gia-đình và phong-tục phải được sửa chữa như thế nào để cho những thanh-niên và thiếu-nữ được gặp gỡ nhau và hiểu rõ nhau trước khi chấp-nhận sự hôn nhơn với nhau.

3.- TÔ-CHỨC KINH-TẾ.

Trong sự sinh-tồn của một dân-tộc, yếu-tố chánh-trị là yếu-tố quan-trọng nhứt vì nó chi-phối tất cả những hoạt-động của người. Nhưng ngoài yếu-tố chánh-trị, còn có nhiều yếu-tố khác trong đó yếu-tố kinh-tế là một.

Giữa chánh-trị và kinh-tế có một sự liên-quan chặt chẽ. Một nước có một nền kinh-tế kém sút quá không thể hùng-cường được, dẫu cho có một chế-độ chánh-trị tốt đẹp. Trái lại, nếu chế-độ chánh-trị có nhiều khuyết-điểm, nền kinh-tế cũng khó mà thịnh-vượng được.

Về phương-diện hình-thức, chế-độ kinh-tế và chế-độ chánh-trị thường tương-ứng nhau, nhưng sự tương-ứng này không phải hoàn-toàn như nhiều người chủ-trương. Nếu một chế-độ chánh-trị dựa vào sự tự-do cá-nhơn không thể đi chung với một chế-độ kinh-tế dựa

vào nguyên-tắc độc-tài thì một chế-độ chánh-trị độc-tài lại có thể để cho người được tự-do phần nào trong sự sản-xuất kinh-tế.

a)- LƯỢC-KHẢO VỀ CÁC CHẾ-ĐỘ KINH-TẾ.

Không kể những chế-độ kinh-tế đơn giản ngày xưa, những chế-độ kinh-tế đã lưu-hành gần đây có thể phân ra làm ba loại chánh : kinh-tế tự-do, kinh-tế tập-sản và kinh-tế hướng-dẫn.

1)- CHẾ ĐỘ KINH-TẾ TỰ-DO.

Chế-độ kinh-tế tự-do là chế-độ theo đó mỗi người đều được tự-do hoạt-động để sản-xuất, chở chuyên và mua bán mọi hóa-vật. Sự tự-do này hàm ý rằng người có quyền tư-hữu, nghĩa là có quyền có của riêng và được sử-dụng của riêng ấy theo ý mình.

Sự tự-do kinh-tế thật ra không khi nào có thể hoàn-toàn được vì những hoạt-động kinh-tế cũng như quyền sử-dụng tài-sản dầu sao cũng phải do chánh-phủ qui-định. Người ta không thể dựa vào nguyên-tắc kinh-tế tự-do để sản-xuất những món hàng giả-mạo hoặc có hại cho sức khỏe của người khách hàng, cũng không thể dựa vào quyền tư-hữu để đốt phá nhà cửa mình vì điều này có thể gây họa hại cho dân-chúng. Tuy thế, những hạn-chế trong chế-độ tự-do rất ít và mỗi người hãy còn được một lãnh-vực hết sức rộng-rãi để thi-hành sáng-kiến cá-nhơn mình.

Trong chế-độ kinh-tế tự-do, mọi người đều được tự-do sản-xuất hóa-phẩm và được tự-do sử-dụng tài-sản của mình. Do đó, mọi người đều nức lòng làm việc để được hưởng giàu sang. Sáng-kiến cá-nhơn nhờ thế mà được phát-triển và trong nước có nhiều hàng-hóa lưu-thông.

Thêm nữa, mọi người đều được tự-do như nhau nên phải cạnh-tranh nhau mãnh-liệt. Điều này bắt buộc mọi người phải cố-gắng làm sao cho hàng-hóa mình sản-xuất ra được tốt và rẻ hơn hàng-hóa của người khác. Phẩm-chất các hóa-vật nhờ thế mà được nâng cao lên mãi và kỹ-thuật sản-xuất tiên-bộ không ngừng.

Nhờ những ưu-điểm trên này, một xã-hội theo chế-độ kinh-tế tự-do có thể trở nên thịnh-vượng. Người dân được chọn lựa trong nhiều món hàng tùy theo sở-thích mình. Thêm nữa, quyền tư-hữu bảo-đảm cho một đời sống tự-do : họ không phải tùy-thuộc chánh-quyền một cách khắc-nghiệt và không sợ chánh-quyền dùng kinh-tế mà áp bách.

Nhưng chế-độ kinh-tế tự-do có thể đưa đến cho dân-tộc nhiều họa-hại.

Sự tự-do hoạt-động kinh-tế tự-nhiên đưa đến sự hỗn-loạn trong công cuộc sản-xuất. Những tài-nguyên của quốc-gia vì thế mà không được khai-thác một cách có qui-củ. Những cuộc khủng-hoảng kinh-tế thỉnh thoảng làm lay động cả nền tảng quốc-gia theo chế-độ kinh-tế tự-do chỉ là kết-quả của lối sản-xuất hỗn-loạn này.

Ngoài ra, những nhà doanh-thương trong chế-độ kinh-tế tự-do lại chỉ lo sản-xuất những món hàng để tìm nguyên-liệu và để tiêu-thụ. Do đó, nhiều món cần cho sự sống của dân-chúng không được sản-xuất trong nước. Trong thời-kỳ thái-bình, điều này không hại lắm

vì người ta có thể mua ở ngoại-quốc những món cần-thiết. Nhưng khi có chiến-tranh và bị phong-tỏa, quốc-dân không thể tránh được nạn thiếu thốn những nhu-dụng này.

Sau hết, quyền tư-hữu cùng với sự tự-do doanh-thương đưa đến nạn tư-bản. Những người giỏi xoay sở có thể trở nên giàu có lớn. Ngày xưa trình-độ kỹ-thuật hãy còn thấp kém và sự lưu-thông cùng tiêu-thụ những hàng-hóa sản-xuất thường bị hạn-chế. Bởi đó, tài-sản những phú-gia dầu sao cũng không phát-triển thái-quá. Trong xã-hội cơ-giới-hóa hiện giờ nhờ kỹ-thuật tiến-bộ, người ta có thể lưu-thông hàng-hóa một cách dễ dàng và sự tiêu-thụ hết sức rộng rãi. Điều này làm cho các xí-nghiệp có thể mở mang đến tuyệt-độ và các nhà sản-xuất có thể nắm trong tay một tài-sản khổng-lô.

Trong các nước theo chế-độ kinh-tế tự-do, những chủ-nhơn các xí-nghiệp lại có thể liên-minh nhau lại thành những tổ-hợp chặt chẽ. Khi đã lập thành tổ-hợp và có nhiều khả-năng rồi, các xí-nghiệp tư-bản này tìm cách ngăn cản sự thành-lập những xí-nghiệp khác và điều này có thể đưa đến sự độc- quyền và lũng-đoạn thị-trường.

Những nhà tư-bản, cũng như bất cứ người nào trong xã-hội, tự-nhiên phải nghĩ đến quyền-lợi cá-nhơn mình trước hết. Họ có thể thi-hành một chánh-sách khắc-nghiệt đối với công-nhơn, trả cho thợ thuyền một số lương chết đói. Chính sự bóc lột tàn-nhẫn của họ đã làm phát sanh phong-trào phản- kháng của những nhà đạo-đức và cách-mạng và đưa đến chủ-trương giai-cấp tranh-đấu.

Vì sự phát-triển của tư-tướng xã-hội và nhưt là thợ thuyền lần lần giác-ngộ, lập thành những công-đoàn để bảo-vệ quyền-lợi mình, các quốc-gia dân-chủ lần lần cải-hóa những luật-lệ lao-động và kinh-tế của mình, làm cho những nhà tư-bản không còn có thể uy-hiệp công-nhơn một cách khắc-nghiệt như trước. Những cuộc xung-đột lao-tư do đó mà dịu bớt đi, nhưng nó cũng chưa chấm dứt hẳn. Vì lẽ này, những nước theo chế-độ kinh-tế tự-do cũng hãy còn có thể suy yếu bớt đi.

Một mặt khác, những nhà tư-bản có thể dùng thế-lực kim-tiền mà chi-phối đời sống chánh-trị trong nước. Họ đưa người vào nghị-trường hay vào cơ-quan hành-pháp để làm ra những qui-chế hay để thi-hành những biện-pháp có lợi cho mình.

2)- CHẾ-ĐỘ KINH-TẾ TẬP-SẢN.

Những họa-hại của chế-độ kinh-tế tự-do, nhưt là sự bóc lột vô-sản đã đưa những nhà cách-mạng của thế-kỷ thứ 19 và 20 đến chủ-trương kinh-tế tập-sản. Những nhà cách-mạng này cho rằng chế-độ kinh-tế tự-do đưa đến chế-độ tư-bản là một chế-độ phản dân-chủ. Sự chênh lệch tài-sản làm cho kẻ nghèo luôn luôn bị thất-thế, bị bóc lột, và không hưởng được những quyền tự-do chánh-trị của mình.

Muốn thực-hiện một chế-độ xã-hội công-bằng và tự-do, người ta phải thêm vào sự bình-đẳng chánh-trị của chế-độ tự-do một sự bình-đẳng kinh-tế nữa. Điều này bắt buộc ta phải phủ-nhận quyền tư-hữu, thâu hết mọi tài-sản làm của chung.

Như thế, theo chế-độ kinh-tế tập-sản, tất cả các cơ-quan hoạt-động kinh-tế đều thu hết vào tay chánh-phủ. Thường-dân chỉ có quyền làm chủ những tài-sản tiêu-thụ chứ không thể làm chủ những tài-sản có thể dùng vào việc sản-xuất. Đó là chế-độ thi-hành ở Liên-bang Xô- viết và các nước theo chế-độ cộng-sản.

Chế-độ kinh-tế tập-sản tự-nhiên tránh được nhiều họa-hại của chế-độ kinh-tế tự-do. Tất cả tài-sản sản-xuất trong nước đều nằm trong tay chánh-phủ.cho nên chánh-phủ có thể tổ-chức sự sản-xuất theo một chương-trình tổng quát. Do đó, những quốc-gia theo chế-độ kinh-tế tập-sản là những quốc-gia làm việc theo kế-hoạch.

Trong trường-hợp đó, sự sản-xuất hóa-phẩm cần-thiết có một tánh-cách hợp-lý chứ không hỗn-loạn như trong chế-độ kinh-tế tự-do. Sự khủng-hoảng kinh-tế không thể có được, và dầu có bị phong- tỏa, quốc-gia cũng không thiếu những món nhu-dụng tối-yếu. Nhờ chế-độ kinh-tế tập-sản, những người cộng-sản – vốn là những nước hậu-tiến về phương-diện kinh-tế – đã có một nền kinh-tế vững chắc và tăng-cường lực-lượng mình một cách nhanh chóng.

Tuy thế, chế-độ kinh-tế tập-sản không phải là một chế-độ hoàn-toàn như những lý-thuyết gia cộng-sản bảo. Nó chứa rất nhiều nhược-điểm và đưa đến những họa-hại không những cho dân-chúng mà còn cho quốc-gia nữa.

Trong chế-độ kinh-tế tập-sản, người tiêu-thụ phải tùy-thuộc chánh-phủ một cách chặt chẽ. Họ chỉ có thể mua những món hàng mà chánh-phủ muốn sản-xuất mà thôi. Vì thiếu sự cạnh-tranh, vì những kế-hoạch của chánh-phủ thường chỉ nhắm vào mục-đích sản-xuất những món cần dùng mà không nghĩ đến những tiện-nghỉ, những sở-thích của người tiêu-thụ, hàng-hóa sản-xuất nếu có đủ dùng cũng kém hẳn về phẩm. Những người tiêu-thụ trong chế-độ kinh-tế tập-sản không được chọn lựa trong nhiều thứ hàng và buộc lòng tiêu-thụ những món mà nhà cầm-quyền cho ra thị-trường. Trong trường-hợp chánh-phủ nghĩ đến việc sản-xuất dụng-cụ chiến-tranh nhiều hơn việc sản-xuất những món nhu dụng, dân-chúng tất-nhiên phải chịu thiếu thốn.

Một khi những tài-sản sản-xuất thuộc về chánh-phủ, tất cả dân-chúng đều là công-chức, nếu không phải là tù-nhơn của chánh-phủ. Trong trường-hợp đó, mọi người đều phải tùy-thuộc chánh-phủ một cách chặt chẽ.

Những công-dân sống trong một nước theo chế-độ kinh-tế tự-do nhờ quyền tư-hữu mà có thể tránh được sự uy-hiếp của chánh-phủ : họ có thể tự tổ-chức sự sản-xuất kinh-tế mà sống và không phải sợ chánh-phủ bắt nạt họ nếu họ không làm điều gì phạm phép.

Những người công-dân không có tài-sản cũng được tương-đối tự-do. Khi bất-bình một chủ-nhơn, họ có thể bỏ sở và đi tìm việc làm chỗ khác. Điều này làm cho họ không phải e sợ chánh-quyền thái-quá. Do đó, họ mạnh dạn tổ-chức công-đoàn và triệt-đế binh vực quyền-lợi mình khi nó bị uy-hiếp. Những sự bất công của xã-hội nhờ thế mà có thể san bằng được một cách tương-đối dễ dàng.

Người dân trong chế-độ kinh-tế tập-sản không được hưởng những mối lợi đó. Họ không bao giờ có thể chơi lại những người chỉ-huy xí-nghiệp trong đó họ làm việc, vì sợ bị đuổi. Khi bị đuổi, họ không có tài-sản để tự tổ-chức đời sống một cách độc-lập, cũng không thể đi tìm việc làm ở một xí-nghiệp khác bởi lẽ xí-nghiệp nào cũng thuộc về chánh-phủ.

Trong chế-độ tập-sản, chống chơi lại người chỉ-huy mình là tự khép mình vào cảnh chết đói. Lẽ tự-nhiên là những người chỉ-huy này lợi-dụng ưu-thế của mình mà bóc lột hiếp-đáp những công-nhơn. Mà khi bị hiếp-đáp, công-nhơn phải cắn răng nhận chịu, chứ không thể đối-phó lại được. Sự cải-thiện đời sống công-nhơn do đó mà thành ra một vấn-đề nan-giải.

Như thế, trong chế-độ kinh-tế tập-sản, dân-chúng, dầu xét về mặt tiêu-thụ hay về mặt sản-xuất, cũng đều bị thiệt thòi. Đối với quốc-gia, chế-độ kinh-tế tập-sản cũng có nhiều họa-hại.

Sự sản-xuất trong chế-độ tập-sản tuy có được qui-định theo kế-hoạch, nhưng lại thường không đưa quốc-gia đến sự thịnh-vượng được.

Trong chế-độ kinh-tế tự-do, những nhà sản-xuất nhờ quyền-lợi cá-nhơn thúc đẩy nên cố hết sức hoạt-động. Họ có thể chịu cực khổ, chịu mệt nhọc, vì tin-tưởng rằng khi thành-công, mình được giàu có sung sướng, còn rủi có thất-bại, mình chỉ bị nghèo khổ là cùng. Hơn nữa, họ phải cạnh-tranh nhau mãnh-liệt. Những điều này làm cho sản-phẩm được nhiều và tốt.

Trong chế-độ tập-sản, mọi người đều là công-chức, làm việc ăn lương. Sự thịnh-vượng của xí-nghiệp ít khi mang đến cho công-nhơn những quyền-lợi thiết-thực. Thêm nữa, sự cạnh-tranh không có, vì sản-phẩm dầu tốt hay xấu cũng đều có thể tiêu-thụ được. Do đó, họ thiếu sức cố-gắng cần-thiết. Hàng-hoá thành ra ít và không đẹp. Kinh-nghiệm đã cho chúng ta thấy rằng những xí-nghiệp quốc-hữu-hoá ở các nước tự-do thường bị lỗ lã.

Muốn cho công-nhơn làm việc nhiều, chánh-phủ phải ban-hành những qui-chế lao-động rất khác-nghiệt. Vì lẽ người ta không có tiêu-chuẩn gì để phân-biệt một người lười biếng với một người ít năng-lực, một lỗi cố-ý với một lỗi vô-tình, công-nhơn vô-cùng khổ-sở. Ở Liên-bang Sô-viết, một sự trễ nãi hay làm lạc cón con cũng có thể bị trừng-phạt một cách nặng nề. Sự gò ép bắt buộc này có làm cho công-nhơn cố-gắng hơn. Nhưng dầu sao, sự làm việc cưỡng-bách cũng không đưa đến những kết-quả tốt đẹp bằng sự tình-nguyện cố-gắng.

Những nhà cầm-quyền Sô-viết đã thấy rõ chỗ ấy nên về sau, họ bày ra những phần thưởng để khích-lệ công-nhơn. Chánh-sách này cũng có hiệu-lực một phần nào, nhưng vì những phần thưởng thường lọt vào tay đảng-viên cộng-sản hơn là về những công-nhơn thật-sự có năng-lực nên phần lớn công-nhơn cũng không hăng hái mấy.

Một mặt, vì thiếu sự cạnh-tranh, một mặt vì một sáng-kiến không đưa đến những kết-quả hoàn-toàn tốt đẹp có thể làm cho tác-giả nó bị nghi-kỵ hay trừng-phạt, người ta chỉ dám áp-dụng phương-pháp mới những khi chắc chắn thành-công. Do đó, sự tiến-bộ về kỹ-thuật rất chậm chạp.

Trước trận giặc 1939-1945, Liên-bang Sô-viết có thể đuổi theo những nước Âu Mỹ một cách nhanh chóng về mặt kỹ-thuật. Nhưng vì chỉ noi theo những phương-pháp đã từng đưa đến sự thành-công ở các nước ấy chớ không phát minh ra phương-pháp nào mới, Liên-bang Sô-viết không thể vượt qua các nước ấy được. Chỉ sau 1945, nhờ sự hướng-dẫn của các kỹ sư Đức, người Nga mới có những phương-pháp kỹ-thuật khác hơn Mỹ và khả-dĩ đương đầu lại Mỹ trong một vài ngành.

Xét một cách khái-quát, chế-độ kinh-tế tập-sản đã giúp cho Liên-bang Sô-viết từ địa-vị một nước nông-nghiệp tầm-thường tiến đến địa-vị một nước kỹ-nghệ hùng-cường bậc nhì trên thế-giới. Nhưng dầu sao, Liên-bang Sô-viết hãy còn kém Mỹ rất xa và rất khó đuổi kịp Mỹ, trừ ra, trong ngành kỹ-nghệ chiến-tranh là ngành được chánh-phủ Sô-viết đặc-biệt lưu-ý. Bởi đó, người thường-dân Nga phải sống một cuộc đời cơ-cục, thiếu thốn, và việc nâng cao trình-độ sanh-hoạt của họ, nếu có, cũng thực-hiện một cách vô-cùng chậm chạp. Một mặt khác, muốn đạt kết-quả hiện-tại, chánh-phủ Sô-viết đã phải giam hãm giết hại hàng mấy chục triệu người và nô-lệ-hoá toàn-thể dân-chúng nước mình.

3)- CHẾ-ĐỘ KINH-TẾ HƯỚNG-DẪN.

Những họa-hại của chế-độ kinh-tế tập-sản và chế-độ kinh-tế tự-do lần lần đưa người ta đến một quan-niệm kinh-tế mới : kinh-tế hướng-dẫn. Nói cho thật đúng thì những nước theo chế-độ kinh-tế tự-do ngày xưa đã lần lần đi đến sự hướng-dẫn kinh-tế không ít thì nhiều. Tuy nhiên, vì sự hướng-dẫn này chưa được rõ rệt lắm và chưa đi đến mức độ cần-thiết nên người ta vẫn còn kể những chế-độ kinh-tế Âu Mỹ như là chế-độ kinh-tế tự-do.

Chế-độ kinh-tế hướng-dẫn thật-sự là một chế-độ cố-gắng dung-hòa những ưu-điểm của chế-độ kinh-tế tự-do và tập-sản.

Nhận thấy quyền tư-hữu là một bảo-đảm cho sự tự-do cá-nhơn và đồng-thời là một yếu-tố thúc giục người cố-gắng hoạt-động, những người chủ-trương kinh-tế hướng-dẫn chấp-nhận nguyên-tắc tư-hữu.

Tuy thế, vì quyền tư-hữu phát-triển đến tuyệt-độ có thể đưa đến nạn tư-bản, những người chủ-trương kinh-tế hướng-dẫn tìm cách hạn-chế quyền ấy bằng lối đánh thuế lợi-tức, thuế di-sản, bằng sự quốc-hữu-hóa những xí-nghiệp công-ích quan-trọng để cho những nhà tư-bản không thể lợi-dụng địa-vị và thế-lực mà lũng-đoạn thị-trường uy-hiệp quần-chúng.

Những người chủ-trương kinh-tế hướng-dẫn cũng nghĩ đến việc dung-hòa quyền-lợi chủ-nhơn với lao-động để tránh những cuộc xung-đột có hại cho quyền-lợi chung. Một trong những biện-pháp đề nghị là sự chia lời cho thợ thuyền. Người ta xem sức làm việc của thợ thuyền như là một phần tư-bản góp vào xí-nghiệp. Mỗi năm, sau khi tính sổ và để một phần lời vào việc tu-bổ hoặc khuếch-trương xí-nghiệp người ta chia phần lời còn lại giữa chủ-nhơn với thợ thuyền. Như thế, thợ thuyền sẽ xem xí-nghiệp như là của họ, và sẽ cố-gắng để làm cho nó thành-vượng.

Ngoài việc giải-quyết cuộc xung-đột lao-tư để cho sự sản-xuất khỏi bị gián-đoạn và xã-hội khỏi hỗn-loạn, những người chủ-trương chế-độ kinh-tế hướng-dẫn còn nghĩ đến việc điều-khiển sự sản-xuất trong nước theo một đường lối có lợi cho quốc-gia.

Chánh-phủ nghiên-cứu những kế-hoạch sản-xuất những món nhu-dụng đủ cho dân-chúng và những khí-giới dụng-cụ cần-thiết cho quốc-gia. Những ngành sản-xuất được liệt vào hạng công-ích hoặc quốc-hữu-hóa, hoặc do tư nhơn làm chủ sẽ do chánh-phủ trực-tiếp hay gián-tiếp điều-khiển để thi-hành công việc sản-xuất đó. Ngoài ra, chánh-phủ còn hướng-dẫn và khuyến khích tư-nhơn sản-xuất theo một kế-hoạch mình vạch ra. Về những ngành hoạt-động sản-xuất xa xỉ phẩm, những món tiện nghi, những vật-liệu không phải là thiết-yếu cho đời sống dân-chúng, chánh-phủ để cho mọi người được tự-do hoạt-động.

Như thế, chế-độ kinh-tế hướng-dẫn phân-biệt rõ ràng hai lãnh-vực sản-xuất : một lãnh-vực sản-xuất những vật-liệu thiết-yếu cho đời sống chung và một lãnh-vực sản-xuất những tiện-nghi cho đời sống. Lãnh-vực thứ nhứt đặt dưới sự điều-khiển của chánh-phủ, còn lãnh-vực thứ nhì thì được tự-do. Nhờ đó, dân-chúng không thiếu những món nhu-dụng, đồng-thời vẫn được tự-do chọn lựa trong nhiều món hàng theo sở-thích mình.

Một mặt khác, nhờ quyền tư-hữu, sự tự-do của người tiêu-thụ cũng như của công-nhơn được bảo-đảm, và quyền-lợi công-nhơn cũng có thể được bình vục một cách đúng đắn. Nạn

tư-bản bóc lột thợ thuyền và lưng-đoạn thị-trường có thể thanh-toán được. Nhờ những kế-hoạch của chánh-phủ cũng như nhờ sự can-thiệp vào đời sống kinh-tế những khi cần, nạn kinh-tế khủng-hoảng cũng có thể tránh được.

b)- CÁC CHẾ-ĐỘ KINH-TẾ VÀ SỰ SINH-TỒN DÂN-TỘC.

Cũng như những chế-độ chánh-trị đã lưu-hành, những chế-độ kinh-tế kể ra trên này đều có những ưu-điểm và khuyết-điểm.

Chế-độ kinh-tế tự-do thường đi chung với chế-độ đại-nghị. Nó hướng vào mục-đích phụng-sự quyền-lợi cá-nhơn trước hết. Nó bảo-đảm sự tự-do cá-nhơn và giúp cá-nhơn nâng cao đời sống mình.

Chế-độ kinh-tế tự-do cũng có thể đưa ra những mối lợi cho dân-tộc. Nhờ sự cạnh-tranh, trình-độ kỹ-thuật chung có thể được nâng cao. Sự tự-do hoạt-động và quyền được hưởng kết-quả công việc mình làm đã khiến cho nhiều người hăng hái sản-xuất. Những điều này làm cho xã-hội thịnh-vượng và quốc-gia trở nên trù-phú.

Tuy nhiên, sự tự-do quá độ có thể đưa đến nhiều mối hại. Ngoài nạn khủng-hoảng kinh-tế làm cho quốc-gia suy yếu, dân-chúng cơ-cực, lại còn nạn tư-bản bóc lột lao-động, gây ra xung-đột giai-cấp. Dân-tộc do đó mà mất sức rất nhiều. Đó là chưa kể nạn thiếu nhiều nhu-dụng khi bị phong-tỏa.

Nói chung lại thì chế-độ kinh-tế tự-do hướng vào sự sinh-tồn cá-nhơn của người trước nhứt. Nhưng nó cũng có thể đồng-thời làm cho dân-tộc giàu có và mạnh mẽ. Tuy nhiên, chế-độ tự-do tự nó mang lại những mầm mống họa-hại có thể làm cho quốc-gia bị suy yếu và cá-nhơn bị khổ-sở cơ-cực lây.

Chế-độ kinh-tế tập-sản thường đi chung với chế-độ độc-tài và cũng có những mối lợi và hại của chế-độ độc-tài. Nó làm cho quốc-gia tránh được nạn kinh-tế khủng-hoảng và tổ-chức sự khai-thác những tài-nguyên trong nước một cách hợp-lý.

Như thế, nó hướng đến sự sinh-tồn của dân-tộc nhiều hơn. Nhưng chế-độ tập-sản tự-nhiên đi đến chỗ uy-hiệp đời sống cá-nhơn làm cho họ mất cả tự-do. Sự sinh-tồn cá-nhơn vì đó mà không bảo-đảm được. Hơn nữa, sự bó buộc cá-nhơn lại có thể làm tê-liệt lòng hăng hái hoạt-động cùng sáng-kiến của người. Điều này sau cùng có hại cho sự phát-triển của dân-tộc.

Tuy hai chế-độ kinh-tế tự-do và tập-sản cùng có những ưu-điểm và nhược-điểm như nhau, ta có thể bảo rằng chế-độ kinh-tế tự-do dầu sao cũng có hơn chế-độ kinh-tế tập-sản.

Trước hết, nó có thể đồng-thời bảo-đảm sự sinh-tồn của dân-tộc và của cá-nhơn, trong khi chế-độ kinh-tế tập-sản không bao giờ có thể đạt được mục-đích ấy. Xã-hội theo chế-độ tập-sản muốn thịnh-vượng được phải ép buộc cá-nhơn một cách gắt gao. Nếu nó để cho cá-nhơn được tự-do, sự sản-xuất nhứt-định phải kém đi và dân-tộc không thể trù-phú được. Và lại, trường-hợp này rất khó xuất-hiện vì những nhà cầm-quyền của chế-độ tập-sản nắm trong tay rất nhiều thế-lực và được hưởng rất nhiều mối lợi. Khuynh-hướng vị-kỷ tự-nhiên của người sẽ khiến cho họ cố-gắng dùng thế-lực để duy-trì những mối lợi ấy.

Một mặt khác, chế-độ kinh-tế tập-sản với một khuôn khổ khắc-nghiệt không cho phép dân-chúng hoạt-động để sửa chữa những khuyết-điểm của nó và vận-mạng nó hoàn-toàn tùy-thuộc ý riêng nhà cầm-quyền. Trái lại trong chế-độ kinh-tế tự-do, dân-chúng có thể nhờ sáng-kiến cá-nhơn hay nhờ sự tác-động công cộng mà sửa chữa lại những chỗ sai lầm. Như ta đã thấy, một số chế-độ kinh-tế tự-do ngày xưa đã tự cải-thiện lần lần trở thành một chế-độ gần như chế-độ kinh-tế hướng-dẫn.

Chế-độ kinh-tế hướng-dẫn này có dung-hòa hai chế-độ kinh-tế tự-do và tập-sản, hay nói cho đúng hơn nó có bài-trừ những tệ-đoan của chế-độ kinh-tế tự-do. Thật ra, nó không phải hoàn-toàn, và không phải tự-nhiên đưa đến những kết-quả tốt được.

Nhiều quốc-gia chuyên-chế trước kia đã từng thi-hành chế-độ kinh-tế hướng-dẫn. Nhưng không phải quốc-gia nào cũng đều thành-công như nhau. Sự thành-lập những kế-hoạch và sự hướng-dẫn những hoạt-động kinh-tế của nhơn-dân toàn quốc không phải là một việc dễ làm. Nó đòi hỏi nơi người chi-huy nhiều thiện-chí và năng-lực, nhất là trong thời-đại hiện-tại, thời-đại mà nền kinh-tế hướng-dẫn cần phải đi đôi với dân-chủ tự-do. Một sự sai lầm trong quan-niệm tổ-chức có thể đưa rất nhiều họa-hại đến cho dân-chúng.

Nhưng mặc dầu không phải là giải-pháp hoàn-toàn, chế-độ kinh-tế hướng-dẫn cũng là chế-độ có nhiều điều-kiện hơn hết để đồng-thời bảo-vệ sự sinh-tồn của dân-tộc và của cá-nhơn.

4.- NHỮNG VẤN-ĐỀ XÃ-HỘI.

Thuở con người còn dã-man, mới hội-hợp nhau lại sống thành gia-đình, thị-tộc hay bộ-lạc, đời sống chung còn giản-dị lắm. Sự đào-thải thiên-nhiên khắc-nghiệt đã loại hết những phần-tử ươn yếu ngay trong khi chúng còn trong trứng nước, và những kẻ sống sót lại đều có một sức khỏe dồi dào, đủ để ứng-phó với hoàn-cảnh.

Thêm nữa, trong một số bộ-lạc, người cha, hay một số nhơn-viên được chỉ-định, có quyền quyết-định giết bỏ những đứa bé sơ-sanh xét ra không đủ sức khỏe. Điều này phụ thêm vào sự đào-thải thiên-nhiên làm cho sức khỏe đoàn-thể rất dồi dào.

Về mặt mưu-sanh, tất cả mọi người đều ở trong một tình-trạng như nhau và thường hợp-tác nhau một cách chặt chẽ. Người cô-sơ, vì hoàn-cảnh bắt buộc, phải sống theo chế-độ cộng-đồng. Mỗi con thịt sẵn được đều chia cho tất cả mọi người. Những bộ-lạc bắt đầu sống về nông-nghiệp có tổ-chức canh-tác riêng biệt và có những bồ lúa cho từng nhà. Nhưng vì đất đai còn rộng, mỗi gia-đình đều có thể canh-tác được như ý muốn nên không ai phải chịu kém người khác quá nhiều.

Như thế, mặc dầu sự chênh lệch có thể xảy ra về địa-vị và oai-thế, người cô-sơ vẫn không cách-biệt nhau nhiều quá. Đời sống họ thực ra không phải là thần tiên như những nhà thủy-tổ thuyết dân-chủ nói, nhưng đoàn-thể họ không mắc phải những chứng bệnh mà ta gọi là bệnh xã-hội sau này. Sự khổ-sở của họ phần lớn do nơi hoàn-cảnh khắc-nghiệt của thiên-nhiên, hoặc thêm nữa là chế-độ chánh-trị dựa vào sự độc-tài quá độ của người tù-trưởng.

Những chứng bệnh xã-hội thực sự chỉ phát-sanh ở những xã-hội văn-minh, gồm một số đông dân-chúng trong đó người tranh-đấu cho sự sinh-tồn của cá-nhơn nhiều hơn cho sự sinh-tồn đoàn-thể. Vì đời sống đã trở thành phức-tạp, mọi người không phải mưu sinh một cách

với nhau. Sự phân-công giúp cho xã-hội mạnh mẽ, nhưng lại làm cho cá-nhơn càng phân cách nhau về địa-vị, năng-lực và điều-kiện sanh-hoạt.

Thêm nữa, sự phát-triển nền kinh-tế tạo cho người nhiều tiện-nghi và vì thế tăng-gia những nhu-cầu của những người sang cả. Sự thâu-thập tài-sản trở thành hữu-ích cho người chớ không như trong xã-hội cổ-sơ, dầu người có nhiều tiền cũng không biết dùng để làm gì. Do đó, người cạnh-tranh thâu-thập tài-sản. Điều này đưa đến một sự chênh lệch quá lớn về kinh-tế : kẻ bên một số ít người làm chủ những đất đai hay sự-nghiệp khổng-lồ, ta có thể thấy một số đông rất nghèo khổ cơ-cực.

Theo xu-hướng vị-kỷ tự-nhiên của mình, những người giàu có, nhiều thế-lực dùng sức mạnh xã-hội sẵn có của mình để bóc lột những người bần-cùng. Nạn cho vay nặng lãi giúp cho họ hút máu mủ người dân. Một số người khác lại còn bắt buộc dân-chúng nghèo khổ làm tội mọi cho mình, hoặc với sự nhìn nhận của luật-pháp, hoặc với một tình-thế xã-hội bắt buộc người nghèo phải cam-tâm chịu số-phận của mình. Đối với những người thất-nghiệp, không có đất đai hay vốn liếng khả-dĩ sanh lợi, từ khước chế-độ nô-lệ là chết đói.

Những người nghèo khổ, cũng như những người làm tội mọi cho hạng giàu có, tự-nhiên không thể hưởng được những mối lợi của xã-hội văn-minh. Họ sống trong sự dốt nát, sự cơ-cực và phần lớn, dầu có thông-minh, cũng phải chịu mù chữ.

Hơn nữa, bệnh-tật lan tràn khắp nơi. Vì những điều-kiện thiên-nhiên không còn gặt gao quá độ như trong đời sống rừng núi, một số người uơn yếu còn tồn-tại được. Nhưng thiếu vật-thực bổ-dưỡng, thiếu thuốc men để chuyên chữa, nhiều khi lại vì sự muru-sanh mà sống trong một cuộc đời trái thiên-nhiên, họ kéo dài một cuộc đời bệnh-hoạn. Xã-hội cổ mang rất nhiều chứng bệnh nguy-hiêm : bệnh lao, bệnh sốt-rét, bệnh cùi, bệnh đậu, bệnh dịch-hạch, nhiều khi lan tràn ra nhanh chóng và giết hại một số lớn dân-chúng. Ngoài ra, lại còn nhiều chứng bệnh rất hại cho nòi giống như các chứng bệnh phong- tình.

Những hạng người cơ-cực quá thường tìm cách thoát khổ. Nhưng vì không có phương-tiện, họ vùi thân trong hố truy-lạc : rượu chè, thuốc phiện, bài bạc v.v...

Người đàn bà vì yếu đuối, vì năng-lực tranh-đấu, vì có sắc đẹp, thường bị dồn vào một địa-vị ti- tiện. Một số lại bị đưa đến nghề mãi-dâm.

Những trẻ con cũng như những người già yếu thường không có gì bảo-đảm cho sanh-mạng. Họ hoàn-toàn tùy-thuộc thân-nhơn, và nếu không có thân-nhơn, họ chỉ có thể đi ăn mày xin mà sống.

Sau hết, lại còn những thiên-tai địa-biến trực-tiếp làm hại một số đông người, hoặc phá-hoại mùa màng cùng dụng-cụ sản-xuất và khiến cho người phải đói khổ.

Những đế-quốc ngày xưa thường được thành-lập bằng võ-lực. Những nhà chinh-phục lúc ban đầu tự-nhiên có xu-hướng hiếp-chế dân-chúng. Nhưng khi quốc-gia đứng vững được lâu dài và sống trong hòa-bình, ý-niệm đạo-đức lần lần nảy nở. Những học-giả cùng những chánh-khách giàu lòng nhơn-ái đã nêu những vấn-đề xã-hội ra và tìm cách giải-quyết nó. Những giáo-chủ cũng như những lý-thuyết-gia chánh-trị ngày xưa đều cố sức hàn gấn những vết thương xã-hội. Họ kêu gọi người yêu nhau, chấm dứt sự bóc lột nhau và giúp đỡ nhau.

Những lời kêu gọi của những nhà đạo-đức ngày xưa không phải là không có hiệu-quả. Nhiều nhà vua đã nghe theo họ và cố-gắng cải-thiện đời sống dân-chúng. Đó là những vị anh-quân đã lưu tên tuổi tốt trong lịch-sử của các dân-tộc. Ngoài ra, còn nhiều nhà từ-thiện tự mình đứng ra giúp đỡ đồng-bào, lập những tổ-chức phước-thiện.

Những công tác xã-hội trên này đã làm cho dân-chúng đỡ khổ một phần nào. Tuy thế, nó vẫn chưa được hoàn-hảo vì hã còn tánh-cách cá-nhơn. Ảnh-hưởng nó không được rộng-rãi và nhứt là không tiếp-tục vì nó chãm dứt khi người thi-hành nó chết đi. Nói một cách khác, việc chuyên chữa những chứng bịnh xã-hội không được lập thành một chế-độ vững chắc, và hạnh-phúc dân-chúng phần lớn hã còn tùy theo tâm-tánh những nhà cầm-quyền cùng những người may mắn được ưu-đãi. Do đó, sự hiếp-chế bản-dân hã còn là một thông-lệ và nhiều khi sự trù-phú bề ngoài của quốc-gia lại che đậy một xã-hội hết sức cơ-cục.

Nói cho đúng ra thì trong xã-hội cổ, người ta cũng khó mà tổ-chức sự cứu-tế xã-hội thành một chế-độ, một mặt vì trình-độ kỹ-thuật ngày xưa không cho phép, một mặt vì chế-độ chánh-trị hã còn thiếu về chủ-trương độc-tài. Với trình-độ kỹ-thuật hiện thời, người ta có thể tổ-chức sự cứu-tế xã-hội một cách hoàn-mỹ hơn. Nhưng một số những quốc-gia vẫn không giải-quyết vấn-đề xã-hội một cách đàng hoàng.

Một dân-tộc muốn sinh-tồn cần phải chữa đến tận gốc những chứng bịnh xã-hội. Với chế-độ kinh-tế hướng-dẫn hạn-chế bớt tư-bản bằng cách đánh thuế lợi-tức và thuế di-sản theo phương-pháp lũy-tiến, với một qui-chế lao-công để cho thợ thuyền được chia lời với chủ-nhơn, vấn-đề chênh lệch giai-cấp và bóc lột công-nhơn đã có những điều-kiện tất yếu để có thể giải-quyết được ôn-thỏa.

Ngoài ra, chế-độ thuế-khóa còn phải ưu-đãi hạng bản-dân hơn hạng có tiền của ; những xa-xí- phẩm bị đánh thuế nặng trong lúc những nhu-dụng cần-thiết cho đời sống hằng ngày phải đánh nhẹ đi. Các cơ-quan chánh-quyền cũng phải đặc-biệt lưu-ý đến việc giải-quyết nạn thất-nghiệp bằng cách mở mang đến tuyệt-độ sự khai-thác những tài-nguyên trong nước.

Một mặt khác, chánh-phủ cũng phải tổ-chức những cơ-quan giúp đỡ những người nghèo và khuyến-kích những hội-xã tương-trợ, đồng-thời trừng-phạt những kẻ cho vay cắt cổ. Sự y-tế phải được phổ-cập khắp nơi, mỗi làng, ít nhứt cũng phải có một bịnh-xá, một viện hộ-sanh. Những chứng bịnh truyền-nhiễm và có hại chung như bịnh sốt rét, bịnh lao v.v... phải được bài trừ theo một kế-hoạch đại-qui-mô.

Vấn-đề phụ-nữ cũng cần phải giải-quyết một cách hợp-ly. Trong các xã-hội cổ, người đàn bà thường bị bạc-đãi thái-thậm. Nhưng trong các xã-hội văn-minh, phong-trào nữ-quyền lại đưa người đàn bà đi xa quá. Người ta đã chủ-trương một sự bình-đẳng hoàn-toàn giữa đàn ông và đàn bà, về cách đãi-ngộ cũng như về quyền-lợi. Sự bình-đẳng này nói về mặt lý-thuyết thì rất hay, nhưng áp-dụng ra thực-tế lại có nhiều cái hại.

Trước hết, người đàn bà khi được xem là bình-đẳng với đàn ông phải xông xáo ra đời để mưu-sanh. Họ bị xem là những đối-thủ kinh-tế và tự-nhiên không còn được người đàn ông nể nang hay nhường bước như trước. Trong sự cạnh-tranh với đàn ông, họ khó nắm phần thắng-lợi vì kém sức khỏe và năng-lực : số đàn bà thành-công trong sự hoạt-động ngoài đời thật là hiếm hoi, ngay ở các nước văn-minh.

Một mặt khác, khi người đàn bà ra hoạt-động nhiều ngoài xã-hội, những mối dây liên-lạc gia-đình phải bị lỏng lẻo bớt. Một số người đàn bà có chức-nghiệp thường kiêu-hãnh đối

với chồng và con cái họ bị bỏ rơi, ít được săn-sóc kỹ-lưỡng. Những điều này sau cùng chẳng những có hại cho xã-hội, mà còn hại cho người đàn bà, vốn yếu-đuối và cần dùng sự bảo-vệ, sự kính nể của người đàn ông.

Lẽ tự-nhiên là trong xã-hội không chấp-nhận cho người đàn bà làm việc ngoài xã-hội, người đàn bà bị dồn ép vào một địa-vị ty-tiện. Họ phải tùy-thuộc người đàn ông quá nhiều và hạnh-phúc họ do nơi độ-lượng của người đàn ông. Một số phụ-nữ không có tài-sản, cũng không có người nương tựa, phải mãi-dâm để mưu-sanh. Trong trường-hợp đó, một dân-tộc muốn giải-quyết vấn-đề phụ-nữ một cách hợp-lý, không thể không nhận cho người đàn bà ra làm việc ngoài xã-hội.

Tuy nhiên, chấp-nhận cho người đàn bà ra làm việc ngoài xã-hội không có nghĩa là xem người đàn bà y như người đàn ông. Sự bình-đẳng về tinh-thần giữa đàn ông và đàn bà không thể áp-dụng ra thực-tế bằng cách đặt họ ngang hàng nhau về mọi phương-diện. Ta đã thấy rằng cơ-thể đàn bà khác cơ-thể đàn ông, không phải chỉ ở những cơ-quan sanh-dục, mà còn ở cả cơ-cấu căn-bản đưa đến những tâm-lý sai-biệt. Nếu họ kém đàn ông về sức mạnh thể-chất, về óc phán-đoán và về nghị-lực, họ lại hơn đàn ông về sự chịu đựng dẻo dai, về sự dịu-dàng và về tình-cảm. Vì đó, ta nên xem đàn ông và đàn bà là hai nhơn-vật bổ-túc cho nhau để tương trợ nhau, hơn là hai nhơn-vật y hệt nhau và cạnh-tranh nhau.

Như vậy, người ta có thể dành cho đàn bà một số chức-vụ đặc-biệt, thích-hợp với họ, thí-dụ như những chức-vụ về y-tế, cứu-tế xã-hội, giáo-dục và nuôi dưỡng nhi-đồng, những chức-vụ cần đến sự chăm-chi, đến sự tỉ mỉ nhiều hơn là đến sức lực. Trong những ngành kể trên đây, người đàn bà sẽ được quyền ưu-tiên. Trong những ngành hoạt-động cần đến cân-lực nhiều hơn, sự có mặt của một người đàn bà có thể làm mất chỗ một người đàn ông, chủ gia-đình và tình-trạng xã-hội vẫn không giải-quyết được. Do đó, vấn-đề dùng đàn bà trong các ngành ấy cần phải hạn-chế bớt.

Một mặt khác, nếu sự làm việc của những phụ-nữ độc-thân hay mới thành gia-thất có thể làm cho ngân-quỹ gia-đình được dồi dào thêm, thì sự làm việc của người phụ-nữ đồng con sẽ có hại cho sự giáo-dục của trẻ em. Vậy, chánh-phủ cần phải khuyên-khích người đàn bà, trở về với gia-đình. Công tác xã-hội trọng-yếu nhất của đàn bà là tạo cho chồng một khung cảnh êm đềm cho họ nghỉ ngơi sau một ngày vật lộn với đời, và đào-luyện thêm những đứa con cho nên người xứng đáng. Đó không phải là một nhiệm-vụ nhẹ nhàng và không đáng trọng.

Nhưng dân-tộc phải làm thế nào cho việc trở về với gia-đình của người đàn bà không thiệt-hại cho họ. Trước hết luật-lệ phải bảo-đảm cho họ được chồng cấp-dưỡng tử-tế để tránh nạn đàn ông mê say mè-o chuốt mà bỏ vợ con đói rách. Ngoài ra, những người cha gia-đình đồng con phải hưởng một qui-chế đặc-biệt về lương bổng để cho việc người đàn bà không làm việc không hại nhiều đến ngân- quỹ gia-đình.

Dẫu sao thì những qui-chế về người đàn bà, dẫu họ có làm việc hay không, cũng phải hướng đến chỗ bảo-vệ họ. Đối với trẻ con, cũng phải có luật-lệ đặc-biệt. Chánh-phủ phải mở nhiều viện dục- anh để giữ gìn và săn-sóc con cái những gia-đình lao-động không thể nuôi dạy chúng. Những trẻ mồ côi không nơi nương tựa cũng phải được nuôi-nấng dạy dỗ tử-tế. Sau hết, việc phân-phát các vật-thực bổ-dưỡng ở các viện dục-anh và các trường học trẻ con phải được tổ-chức một cách châu-đáo để trẻ con những nhà nghèo khó không phải quá thiệt thòi về mặt phát-dục.

Những hạng người không nơi nương-tựa, những quả-phụ, những người già cả cần được săn-sóc bảo-dưỡng tử tế. Chánh-phủ phải tổ-chức một quỹ an-ninh xã-hội về vấn-đề này.

Sau hết, những trò chơi truy-lạc, những thú vui có hại cho sức khỏe dân-tộc phải được bài trừ. Nạn cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện, gái điếm v.v... cần nên cấm tuyệt. thay vào đó chánh-phủ sẽ tổ-chức những trò chơi thanh-nhã, những thú vui có ích-lợi cho đường thể-dục, trí-dục hay đức-dục như âm-nhạc, ca-kịch, thể-thao.

Tất cả những biện-pháp hướng về việc cải-thiện xã-hội, nâng đỡ những kẻ bần-cùng và hàn gắn những vết thương xã-hội phải được qui-định thành một chế-độ vững chắc. Lẽ dĩ nhiên là chế-độ này không thể bất-di bất-dịch mà phải thay đổi theo sự tiến-triển của xã-hội để chống chọi lại các nạn mới, các chứng bệnh cùng phát-sanh theo sự tiến-hóa chung.

Chính bằng lối giải-quyết những vấn-đề xã-hội của mình mà một dân-tộc biểu lộ khả-năng biến-cải của mình và chứng tỏ rằng mình đủ hay không đủ điều-kiện để sinh-tồn sung-mãn. Ngày nào người nghèo khổ nhứt trong nước cũng có đủ cơm ăn, áo mặc, nhà ở và có thể hy-vọng ở một ngày mai tươi sáng hơn, ngày ấy, dân-tộc mới có thể tự-hào rằng những vấn-đề xã-hội của mình được giải-quyết ôn-thỏa và mới có thể tin rằng mình có nhiều điều-kiện để bảo-đảm sự sinh-tồn của mình.

5.- VẤN-ĐỀ VĂN-HÓA VÀ HỌC-THUẬT.

Sự nâng cao đời sống của dân-chúng và giải-quyết những vấn-đề xã-hội một cách ôn-thỏa làm cho dân-chúng có một đời sống thơ thới và không uất ức đối với chế-độ trong nước. Tuy nhiên, nó không đủ để làm cho dân-chúng hoàn-toàn tán-đồng chế-độ ấy. Ta nên nhớ rằng bản-năng sinh-tồn của người khiến cho họ có ý muốn nâng cao đời sống mình lên. Do đó, người rất ít thỏa-mãn với số-phận của mình. « Được voi thì đòi tiên », đó là tâm-trạng chung của nhơn-loại.

Sau một thời-kỳ loạn-lạc khổ-sở thái-quá, một chế-độ đem sự trật-tự và an-ninh đến sẽ được dân-chúng nhiệt-liệt tán-thành. Nhưng khi xã-hội đã ổn-định, khi kỷ-niệm của những cảnh đau thương tang tóc đã phai mờ trong trí óc mọi người, một đời sống cao hơn và công-bằng hơn có thể không làm cho họ hài lòng và họ có thể nghe theo lời tuyên-truyền đường-mật của những kẻ thù muốn phá-hoại dân-tộc.

Vì thế, ngoài việc tổ-chức cho đời sống xã-hội vật-chất của dân-chúng được đầy đủ, cho chế-độ xã-hội được công-bằng, dân-tộc còn phải nghĩ đến sự giác-ngộ để cho họ hiểu về quyền-lợi thật-sự sâu xa của họ về nhiệm-vụ họ đối với quốc-gia. Đó là vai-tuồng của giáo-dục và văn-hóa.

Ngày xưa, tinh-thần tôn-giáo chi-phối hết mọi ý-tưởng của người và văn-hóa thấm-nhuần tánh-cách tôn-giáo. Tất cả các hệ-thống tư-tưởng đều đặt nền tảng trên thần-quyền, và nghệ-thuật văn- chương cũng nhắm vào mục-đích phụng-sự thần minh.

Hơn nữa, chỉ có vị thần được nhà cầm-quyền tôn thờ và những giáo-lý được nhà cầm-quyền trọng-vọng mới được chấp-nhận. Những người theo đạo khác nhứt-định không được dung tha. Như thế, nền văn-hóa những xã-hội cổ có một tánh-cách độc-tài khắc-nghiệt. Nó thiếu sự suy-luận và những đề tài sáng tác văn-nghệ của người vào một vòng chật hẹp.

Nếu lúc ban sơ, khuynh-hướng thống-nhứt do chế-độ độc-tài gây ra có làm cho xã-hội đồng-nhứt và nền tư-tưởng của người được mạnh mẽ, về sau, những bó buộc của nó làm cho nền tư-tưởng này ngưng đọng lại.

Xã-hội Á-châu ngày xưa đã đứng lại một chỗ sau khi tiến đến một mực khá cao vì sự gò ép tư-tưởng. Những xã-hội Âu-châu chỉ vượt khỏi khuôn khổ của nền tư-tưởng cổ sau những tranh-chấp kịch liệt. Những giáo-hội Âu-châu thời cận-kim đã không ngăn ngại đàn-áp chống báng những tư-tưởng khoa-học mới chớm nở. Nhiều nhà khoa-học đã phải buộc lòng công-khai phủ-nhận những chủ-trương mà trong thâm-tâm họ nhận là đúng. Đó là trường-hợp ông Galilée phải phủ-nhận thuyết cho rằng quả đất xoay tròn chung quanh mặt trời, để khỏi bị tôn-giáo pháp-đỉnh truy-tố.

Về mặt nghệ-thuật, khi xã-hội đã có một đời sống vật-chất cao rồi, người quay về đời sống thực-tế nhiều hơn và những đề-tài sáng tác có phong-phú hơn.. Tuy thế, tôn-giáo cũng hãy còn chi-phối các nghệ-sĩ một cách mạnh mẽ.

Khi chế-độ dân-chủ được thiết-lập, nền văn-hóa các nước được phát-triển một cách nhanh chóng và mạnh mẽ, nhờ nó nhìn nhận sự tự-do cho mọi cá-nhơn. Người ta thấy xuất-hiện nhiều xu-hướng, nhiều học-phái khác nhau. Kho tàng văn-hóa của người đột nhiên phong phú một cách dị- thường.

Nhưng nếu sự tự-do có lợi cho xã-hội, nó cũng đưa đến một số họa-hại. Cái nhược-điểm lớn nhứt của nền văn-hóa tự-do là tự mình chừa lấy những mầm móng chống chọi lại mình. Nền tư-tưởng tự-do cho phép người tự-do phủ-nhận, kích-bác lý-tưởng tự-do. Vì đó, ở những quốc-gia theo chế-độ tự-do, thường có những đảng-phái theo chủ-trương độc-tài hoạt-động.

Một mặt khác, vì tôn-giáo đã mất địa-vị độc tôn, xã-hội không còn yếu-tố nào phối-trí sự hoạt-động của tư-tưởng người và nó phát-triển một cách hỗn-độn. Những ý-tưởng yếm-thế, hoài-nghi, những chủ-trương cá-nhơn phóng-túng, vị-kỷ, những tác-phẩm phụng-sự những thú-dục của người rất mực nảy nở. Người ta thấy phát-hiện những phong-trào văn nghệ bình-hoạn có hại cho sức khỏe tinh-thần của cả giống nòi.

Những chế-độ tự-do thật ra cũng có nêu những điều cấm kỵ và những tổ-chức có mục-đích bảo-vệ thuần-phong mỹ-tục cũng có gây phong-trào phản-đối những tác-phẩm có hại nhiều. Tuy thế, sự hạn-chế này thường rất yếu ớt và không đạt được kết-quả mong muốn.

Người vốn là một động-vật có tư-tưởng và thường cố-gắng dung-hợp tư-tưởng mình với hành-động mình cho nên ý-thức-hệ có một vai-tầm quan-trọng đối với xã-hội. Sự tồn-vong của các dân-tộc, nhứt là trong thời-đại mà sự tiến-bộ của kỹ-thuật đã thấu hẹp quả địa-cầu và làm cho các quốc-gia liên-đới nhau một cách chặt chẽ, một phần lớn tùy-thuộc vào ý-thức-hệ của dân-tộc ấy. Ý-thức-hệ dựa vào thần-quyền vì sự gò bó tư-tưởng, cũng như ý-thức-hệ dựa vào sự tự-do vì sự phóng-túng thái-quá, đều không thích-hợp nữa.

Trong thời-đại khoa-học hiện giờ, sự tranh-đấu sinh-tồn đã trở thành ráo riết, và ý-thức-hệ xã-hội cần phải trực-tiếp dựa vào sự sinh-tồn. Như thế, dân-tộc cần phải gây cho mọi công-dân một ý-thức rõ rệt về vấn-đề sinh-tồn. Mỗi người đều phải hiểu rằng dân-tộc có sinh-tồn thì cá-nhơn mới có thể sinh-tồn được. Do đó, người phải sẵn sàng hy-sanh những quyền-lợi thiên cận của mình để phụng-sự quyền-lợi tối-cao của tổ-quốc.

Nếu mỗi người đều chỉ biết có mình, chỉ lo phụng-sự quyền-lợi cá-nhơn của mình, quốc-gia phải suy yếu, dân-tộc phải bị dân-tộc khác uy-hiếp và cá-nhơn không sao có thể sinh-tồn đầy đủ được. Trái lại, nếu mọi người đều có một ý-thức quốc-gia sáng suốt, họ có thể hy-sanh cho quyền-lợi chung. Họ cũng có thể kèm hãm bớt xu-hướng chống chọi lại xã-hội và tự thỏa-mãn khi xã-hội được tổ-chức một cách công-bằng. Điều này làm cho quốc-gia hùng-cường và đủ điều-kiện bảo-đảm cho cá-nhơn một đời sống sung-mãn.

Để gây cho mọi công-dân cái ý-thức quốc-gia chơn-chánh tới-cần này, chánh-phủ phải tổ-chức một nền giáo-dục thích-hợp. Trong chương-trình giáo-huấn, cần phải có phần chánh-trị và xã-hội.

Ngoài ra, để giúp cho mọi công-dân có đủ điều-kiện hoạt-động ngoài đời, sự giáo-dục phải có tánh-cách thực-tiến và hướng đến việc tập cho trẻ con có một đời sống xã-hội rộng rãi. Những trò chơi thể-thao làm phát-triển, tinh-thần đồng-đội phải được khuếch-trương, sự tổ-chức việc học và sống ở học đường cũng phải nhắm vào mục-đích làm cho học sinh quen kính nể ý-tưởng người khác và thích tham-dự những hoạt-động xã-hội và tương-trợ kẻ khác.

Nói một cách khái-quát, bậc tiểu-học phải có tánh-cách cưỡng-bách. Nó hướng về sự đào-luyện thể-chất và dạy cho học sinh những trí-thức cần-thiết cho đời sống trong một xã-hội văn-minh. Ở bậc trung-học, ta phải mở mang óc phán-đoán nhiều hơn. Và ở bậc đại-học, sự học-vấn phải hướng về sự tìm tòi khảo-cứu.

Ở hai bậc trung-học và đại-học, học sinh phải được tham-dự vào việc tổ-chức và điều-khiển đời sống của họ. Sự tổ-chức cần hướng-dẫn đến chỗ mở mang tinh-thần trách-nhiệm cùng sự làm việc tập- thể. Học sinh không phải chỉ học trong lớp những bài học dạy khô-khan của giáo-sư. Họ phải tự tay làm lấy những thí-nghiệm khoa-học, hay tự mình tìm lấy tài-liệu, theo sự chỉ-dẫn của giáo-sư.

Về mặt đức-tánh, học sinh các cấp không phải học thuộc lòng những bài công-dân giáo-dục và luân-lý, mà phải tự tập lấy những đức-tánh cần-thiết trong đời sống riêng cũng như trong đời sống tập- thể. Vai tuồng các giáo-viên, giáo-sư và giám-thị là hướng-dẫn học-sinh về mặt tinh-thần và xem sóc sự tiến-triển của chúng về đức-hạnh. Ngoài ra, họ còn phải cố gây cho mỗi học-sinh một lý-tưởng cao quý làm mục-tiêu cho đời sống tương-lai của chúng.

Sau học-đường, người công-dân còn phải tiếp-tục đào-luyện bằng văn-hóa. Do đó, những hoạt-động văn-nghệ cũng phải hướng về mục-đích dân-tộc sinh-tồn gây ý-thức quốc-gia, dân-chủ và xã-hội chơn-chánh cho mọi người.

Nguyên-tắc tự-do tư-tưởng được chấp-thuận. Nhưng người ta không thể lấy nền tự-do để gây một tinh-thần phóng-túng đòI-bại. Chánh-phủ cần phải nghiêm cấm những sản-phẩm khiêu-dâm, những hệ-thống tư-tưởng chủ-trương độc-tài, hạ giá nhơn-phẩm phản lại quốc-gia, những sản-phẩm làm nhục chí chiến-đấu, gây cho người một tinh-thần ủy-mị, yếm-thể, hoài-nghi. Đồng-thời, tổ-chức xã-hội phải khuyến-kích những tác-phẩm lành mạnh, nâng cao giá-trị con người, gây tinh-thần trong sạch và hăng hái chiến-đấu, hoặc hướng đến mục-đích phụng-sự quốc-gia, dân-tộc. Những văn-nghệ-sĩ cần được bảo-vệ và nâng đỡ.

Ngoài ra, muốn rượt kịp các dân-tộc khác trên đường văn-minh, dân-tộc còn phải cố-gắng phát-triển nền học-thuật của mình. Những đức-tánh và tư-tưởng đặc-biệt của dân-tộc

trong quá-khứ phải được phát-huy. Đồng-thời, dân-tộc còn phải tổ-chức sự du-học để thâm-thái những ý-tưởng và kỹ-thuật mới lạ của các dân-tộc khác.

6.- VẤN-ĐỀ BINH-BỊ.

Muốn bảo-vệ quyền-lợi mình đối với đoàn-thể khác, một đoàn-thể phải sẵn sàng chiến-đấu, và do đó, phải tổ-chức sự chiến-đấu. Hình-thức và phương-pháp chiến-đấu có rất nhiều. Nhưng trong tất cả những hình-thức và phương-pháp chiến-đấu, chỉ có sự tranh-đấu bằng quân sự là hoàn-hảo hơn cả. Vì thế, mọi đoàn-thể chủ-trương chiến-đấu một cách mãnh-liệt như các hội-đảng cách-mạng đều hướng về sự tổ-chức quân-đội.

Lẽ cố nhiên là một quốc-gia muốn đương đầu lại các quốc-gia khác cũng phải lo tổ-chức quân-đội để tự-vệ hay để tấn-công ngoại-bang. Bởi thế, từ trước đến nay, những cơ-quan nắm quyền-bính không bao giờ lãng quên việc tổ-chức quân-đội.

Lịch-sử cho ta thấy rằng sức mạnh một xã-hội dựa vào quân-đội nhiều hơn hết. Những yếu-tố, chánh-trị, kinh-tế, kỹ-thuật, văn-hóa v.v... của các quốc-gia đều phụ vào việc xây dựng quân-đội. Và bù lại, quân-đội lãnh vai tuồng bảo-vệ xã-hội cùng những yếu-tố trên này.

Một xã-hội có quân-đội mạnh mới có thể duy-trì được đời sống vật-chất và tinh-thần mình. Với một quân-đội yếu ớt, một xã-hội có thể bị tiêu-diệt hay là bị lệ thuộc vào xã-hội khác. Như vậy, quân-đội là yếu-tố cần-thiết cho mọi xã-hội.

Từ trước đến giờ, xã-hội nào cũng nhận thấy sự cần-thiết của quân-đội và cũng lo tổ-chức quân-đội. Nhưng sự tổ-chức quân-đội xưa nay đã mang nhiều hình-thức khác nhau. Thật-sự thì quân-đội các xã-hội đã tùy những điều-kiện chánh-trị, kinh-tế, kỹ-thuật, văn-hóa của các xã-hội mà biến đổi vô-cùng.

Tuy thế, ta cũng có thể phân-biệt trong những quân-đội cổ kim một vài hình-thức chánh-yếu. Một điểm quan-trọng ta cần phải lưu-ý là những hình-thức này phù-hợp với sự tiến-hóa chánh-trị của người, và ta có thể bảo rằng chánh-trị chi-phối sự tổ-chức quân-đội nhiều hơn hết.

Trong xã-hội cổ-sơ, gia-đình, thị-tộc, bộ-lạc, đều là những đơn-vị võ-trang. Mỗi người trai tráng trong các tổ-chức ấy đều là một chiến-sĩ, và những người không đủ sức sử-dụng vũ khí cũng phải phụng-sự ở hậu phương khi có cuộc chiến-đấu. Như thế, thật-sự tất cả mọi nhơn-viên của đoàn-thể đều đứng trong quân-đội và khi có chiến-tranh, mọi người đều tham-dự cuộc chiến-đấu.

Vị tướng-lãnh chỉ-huy quân-đội trong thời-kỳ này là vị gia-trưởng, tộc-trưởng hay tù-trưởng. Đó là một người được chọn lựa vì sức mạnh, vì trí khôn hay vì nguyên-tắc kế-thừa. Nhưng dầu sao, người này cũng được mọi kẻ khác vui lòng tôn-trọng.

Những gia-đình, thị-tộc, bộ-lạc thường tranh-chiến nhau để mưu-đồ sự sống còn của mình. Kết-quả của sự tranh-chiến đó là một nền trật-tự đặt trên sự tương-quan lực-lượng, và biểu-hiện bằng những cuộc liên-kết, bằng sự lệ thuộc, sự thống-trị. Về sau, khôn khổ thị-tộc đổ vỡ và bộ-lạc không đủ to rộng để sống độc-lập : xã-hội tiến đến hình-thức tiểu-bang.

Các tiểu-bang thường có một lãnh-thổ rộng-rãi và một dân-chúng khá đông. Những nguy-cơ uy-hiệp đời sống chung ít rõ rệt hơn trong các xã-hội cổ-sơ và sự phân-công bắt đầu xuất-hiện. Hơn nữa, người chỉ-huy thường muốn nắm độc-quyền dùng võ-lực cho nên xã-hội giải-giới và người ta thấy phát-hiện một quân-đội cách-biệt với xã-hội.

Ta có thể phân-biệt hai trường-hợp khác nhau.

Nếu tiểu-bang đặt dưới quyền điều-khiển tuyệt-đối của một quốc-vương, quân-đội hoàn-toàn cách-biệt dân-chúng. Quân-nhơn là người trong nước hay là người ngoại-quốc do quốc-vương xuất tiền ra mướn phụng-sự mình. Tự-nhiên, trong trường-hợp này, vị quốc-vương trọn quyền điều-khiển quân-đội. Dân-chúng chỉ có việc nộp thuế cho nhà vua chớ không còn dính dáng gì đến vấn-đề quân-sự cả.

Nhưng có khi người cầm đầu tiểu-bang không được trọn quyền điều-khiển xã-hội và phải nể nang những kẻ chỉ-huy những bộ-lạc, thị-tộc đã hợp lại thành tiểu-bang. Trong trường-hợp này, tiểu-bang được tổ-chức theo chế-độ đô-thị hay theo chế-độ phong-kiến.

Trong chế-độ đô-thị, người chỉ-huy xã-hội do những tù-trưởng, tộc-trưởng bầu lên. Ông ta nắm giữ quyền điều-khiển quân-đội. Quân-đội này có thể có tánh-cách thông-nhứt hoàn-toàn, nhưng cũng có thể lấy các bộ-lạc làm nền tảng. Trong trường-hợp sau này, các bộ-lạc hãy còn được võ-trang.

Theo chế-độ đô-thị, quân-sĩ là những công-dân được nhà cầm-quyền chỉ-định, hoặc động-viên khi có chiến-tranh. Cũng có khi tất cả mọi công-dân đều bị động-viên và phải tại ngũ cho đến tuổi lão. Đó là qui-chế thi-hành ở Sparte ngày xưa. Nhưng dầu sao, quân-sĩ trong những đô-thị thuở trước, cũng là những công-dân và có quyền tham-dự chánh-sự. Hơn nữa, quyền hành-pháp và quyền quân-sự lại qui-tập trong tay vị thống-lãnh được bầu lên làm người chỉ-huy.

Trong chế-độ phong-kiến, người chỉ-huy là một nhà vua chia quyền với các quý-tộc. Nhà vua có thể do các nhà quý-tộc bầu lên như ở nước Ba Lan trước đây hay nước Trung Hoa trong thời-kỳ truyền- hiên. Ông cũng có thể nhờ chế-độ kế-thừa mà lên ngôi vị tối-cao trong nước. Nhưng trong trường-hợp nào, các quý-tộc cũng có ấp-địa và có quân-đội như nhà vua.

Khi nhà vua hùng-cường, các quý-tộc hoàn-toàn tuân lệnh vua, nhưng khi nhà vua suy yếu, các quý-tộc có thể không kể đến quyền vua.

Trong chế-độ này, quân-sĩ gồm những kẻ tình-nguyện phụng-sự trong quân-đội của nhà quý-tộc hay quân-đội nhà vua, nhứt là những kẻ được hưởng lộc của nhà vua hay của một quý-tộc, như các gia- thần, các hiệp-sĩ.

Khi có chiến-tranh, dân-chúng có thể bị gọi nhập-ngũ. Tuy nhiên, họ ít khi bị động-viên toàn- diện và việc tranh-đấu chỉ qui vào các quân-đội mà thôi.

Điều đáng cho chúng ta lưu-ý là chế-độ đô-thị và chế-độ phong-kiến đều có xu-hướng tiến đến chế-độ dân-chủ tập-trung. Thêm nữa, ngày xưa, sự chiến-tranh lẫn nhau giữa các tiểu-bang có thể lần lần đưa đến sự thành-lập các đế-quốc.

Đế-quốc có thể tổ-chức theo chế-độ phong-kiến hay quân-chủ tập-trung. Ngoài ra, trong đế-quốc, có thể có một giống dân làm chủ và những giống dân thuộc-địa. Cũng có khi

đế-quốc gồm một chánh-quốc theo chế-độ công-hòa cai-trị các thuộc-địa. Đó là trường-hợp đế-quốc La-Mã lúc mới xây dựng nền bá-chủ của mình.

Trong đế-quốc, quân-đội thuộc quyền nhà vua hay người cầm đầu chánh-quốc và có thể gồm những người chuyên-môn đánh giặc mướn. Đó là những quân-sĩ chuyên-nghiệp phụng-sự kẻ trả lương cho mình. Ngoài ra, còn có những công-dân bị gọi nhập-ngũ khi có chiến-tranh. Cơ-quan cầm-quyền tự chọn lấy những quân-sĩ nhập-ngũ này, hoặc định cho mỗi thị-xã số người thị-xã phải cung-cấp cho mình, rồi thị-xã chọn lấy người để nộp lên.

Trong chế-độ phong-kiến, các nhà quý-tộc cũng có quân-đội riêng. Khi có chiến-tranh, các nhà quý-tộc cùng với quân-đội mình đều thuộc quyền sử-dụng của nhà vua.

Dầu sao, giữa dân-chúng và quân-sĩ cũng có sự cách-biệt nhau : ngay những người dân bị gọi nhập-ngũ cũng lần lần đi xa dân-chúng. Quân-đội thành một cơ-quan riêng của nhà vua và thường bị vua dùng để đè nén dân-chúng. Khi có chiến-tranh, chỉ có quân-đội các nước là tác-chiến chống nhau, dân-chúng ít khi tham-dự cuộc chiến-đấu.

Sau cuộc Đại Cách-mạng Pháp, các dân-tộc lần lần có quan-niệm mới về quân-đội. Quân-đội không còn là cơ-quan riêng của nhà vua dùng để bảo-vệ quyền-lợi cá-nhơn hay dòng họ mình, mà là một cơ-quan của dân-tộc dùng để bảo-vệ quyền-lợi chung.

Lúc ban đầu, quân-đội tổ-chức theo lối tình-nguyện. Nhưng sau đó, người ta thêm chế-độ bắt thăm. Trong chế-độ này, nhiều hạng người có thể được miễn-dịch, và những người bắt nhằm những lá thăm chỉ-định mình tùng-ngũ có thể mướn người khác đi thay.

Nhưng vì phải gia-tăng quân-số để đối-phó với tình-thế, nhiều dân-tộc đã phải thi-hành chế-độ cưỡng-bách tùng-quân và thiết-lập các ngạch quân-sĩ trừ bị phụ thêm vào quân-đội chuyên-nghiệp. Thời bình chỉ có quân-đội chuyên-nghiệp và những người đứng tuổi tùng-quân được gọi nhập-ngũ để tập-luyện và có mặt trong cơ-ngũ. Nhưng khi có chiến-tranh, tất cả các công-dân đủ sức tùng-quân đều bị động-viên.

Chế-độ cưỡng-bách tùng-quân lần lần tràn khắp nơi các nước. Ngay đến những nước theo lối tổ-chức độc-tài cũng thi-hành chế-độ quân-đội quốc-gia để có một lực-lượng hùng-hậu. Bù lại, một số nước theo chế-độ dân-chủ như Anh, Mỹ không thi-hành chế-độ cưỡng-bách tùng-quân.

Từ thế-kỷ thứ 20, những cuộc chiến-tranh thường có tánh-cách toàn-diện. Ngoài những người bị động-viên phải trực-tiếp phụng-sự trong quân-đội, toàn dân còn bị huy-động trong những cơ-quan phụ-thuộc như cơ-quan y-tế, những cơ-quan lo việc tiếp-tế và phòng-thủ hậu-phương.

Xét sơ qua sự tiến-triển của tổ-chức quân-đội trong nhơn-loại, ta có thể thấy rằng xã-hội cổ-sơ, quân là dân và dân là quân. Quyền-lợi của dân và quân hoàn-toàn tương-hợp nhau vì người dân đã đứng ra làm quân-sĩ để bảo-vệ quyền-lợi của chính mình.

Các xã-hội tiểu-bang, phong-kiến và đế-quốc có một tánh-cách hoàn-toàn trái ngược lại : quân-đội cách-biệt hẳn với dân và thành ra tay sai của nhà vua hay bọn quý-tộc. Trừ ra những lúc họ chiến-đấu với ngoại-tộc để bình vực nền độc-lập của tổ-quốc, quân-đội ít được dân-chúng ưa thích, mặc dầu có thể làm cho họ sợ hãi.

Trong những xã-hội cận-đại, quân-sĩ có thể là nhơn-viên chuyên-nghiệp hay là dân-chúng bị động-viên. Thường họ là cơ-quan để bảo-vệ quyền-lợi quốc-gia và được dân-chúng mến nhiều hơn.

Một dân-tộc muốn sinh-tồn trong thế-giới hiện-tại cần phải có một quân-đội hùng mạnh. Vì lẽ cuộc chiến-tranh từ thế-kỷ này trở đi lần lần có tánh-cách toàn-diện, các dân-tộc, như là dân-tộc nhược tiểu, phải làm thế nào để biến tất cả mọi công-dân của mình thành những chiến-sĩ tranh-đấu cho quyền-lợi chung.

Muốn cho sự cưỡng-bách từng-quân có hiệu-lực tối-đa, sự đào-luyện thể-chất của trẻ con phải được chăm-chú đến một cách đặc-biệt để người nào cũng có thể trở thành chiến-sĩ. Những cơ-quan lo việc tuyển-mộ quân-sĩ và động-viên các công-dân phải dùng những phương-pháp khoa-học để tìm biết năng-lực từng người hầu bổ-nhiệm họ trong những đơn-vị có thể ích-dụng năng-lực ấy đến triệt-đề.

Sự đào-luyện tinh-thần cho quân-sĩ phải được đặc-biệt chú-ý, để một mặt tăng-cường một ý-chí chiến-đấu, một mặt để tạo ra giữa dân với quân một bầu không khí thân-ái cần-thiết cho sự cộng-tác chống địch-quân.

Sau hết, tất cả những cơ-quan hoạt-động trong nước đều phải được hướng đến chỗ tăng-cường lực-lượng vật-chất và tinh-thần của dân-tộc. Những nền kỹ-nghệ cần-yếu cho sự quốc-phòng nếu không quốc-hữu-hóa, cũng phải đặt dưới sự điều-khiển chặt chẽ của chánh-phủ.

7.- VẤN-ĐỀ CHỈ-HUY DÂN-TỘC.

a)- NHỮNG NGƯỜI ƯU-TÚ.

Xã-hội nào cũng có nhiều hạng người tài đức khác nhau. Một số ít trội hơn đại chúng về tài, về đức hay về cả tài lẫn đức lập thành hạng ưu-tú của dân-tộc.

Chánh-thức hay bán chánh- thức, gián-tiếp hay trực-tiếp, hạng ưu-tú đóng vai tuồng quan-trọng trong xã-hội. Họ có thể nắm chánh-quyền và trực-tiếp cai-trị dân-chúng. Họ có thể chỉ là người thường dân, nhưng được đồng-bào kính nể trọng-vọng và có một ảnh-hưởng tinh-thần rất mạnh đối với đại- chúng. Họ cũng có thể chỉ là những người chỉ sống một cách tối tăm, không ai biết đến, nhưng lại hoài-bảo một lý-tưởng cao rộng và chuẩn-bị những cuộc biến-động lớn-lao bằng những phương-pháp hòa-bình hay bằng bạo-lực.

Những người ưu-tú nắm được chánh-quyền mà nhiều năng-lực thì quốc-gia được thịnh-vượng. Hạng ưu-tú được dân-chúng tôn-trọng mà tài giỏi thì xã-hội an-ôn. Những kẻ ưu-tú chủ-trương cải-tổ xã-hội mà có một nhân-quan chánh-trị sáng suốt rộng-rãi thì xã-hội được tiến-hóa.

Trái lại, những người cầm đầu mà kém quá thì quốc-gia suy-đồi. Những kẻ được thiên-hạ trọng-vọng mà dở thì xã-hội đổ nát, những người chủ-trương cải tổ xã-hội mà mù tối thì dân-chúng phải thoái-hóa.

Như vậy, những người ưu-tú có một ảnh-hưởng rất lớn đối với xã-hội. Họ tiêu-biểu cho ý-thức của dân-tộc. Chính họ điều-khiển quan-năng biến-cải của dân-tộc, giúp dân-tộc sử-dụng sức mạnh của mình. Cũng như một người ốm yếu nhưng khôn ngoan có thể thắng được một người to lớn mà ngu đần, một dân-tộc ít lực-lượng nhưng được những người tài giỏi chỉ-huy có thể thắng được một dân-tộc nhiều lực-lượng nhưng lại do những người thiếu năng-lực điều-khiển.

Vấn-đề ưu-tú, xem thế, là vấn-đề quan-trọng bậc nhất, có thể bảo là một vấn-đề sống chết của dân-tộc. Phê-bình Nghiêm Quan, người Tàu ngày xưa đã bảo đó là *một sợi tơ mà treo được chín vạn* (nhứt ty phù cửu đỉnh), ý bảo rằng riêng đức-hạnh một cá-nhơn mà lại giữ cho cả một triều-đại, một xã-hội được ổn-định. Gần đây, Staline cũng bảo « *Sự thắng hay bại của chủ-nghĩa cộng-sản phần lớn do nơi cán-bộ* ». Vậy, chính những người duy-vật cũng phải công-nhận sự quan-trọng của những người ưu-tú, mặc dầu lý-thuyết họ phủ-nhận kẻ anh-hùng.

Trong khi luận về sự tổ-chức chánh-trị của dân-tộc, ta đã nhận thấy rằng chánh-thể một nước hay dở một phần do nơi người thi-hành nó. Hơn nữa, trong lịch-sử các nước, những bậc anh-hùng vĩ-nhơn đã đóng một vai tuồng trọng-hệ; hầu hết những huân-công, tuấn-nghiệp của một dân-tộc đều dính dáng đến cá-nhơn một vị anh-hùng. Tự-nhiên là người anh-hùng muốn thành-công phải có những điều-kiện vật-chất cần-thiết. Không có quân-đội thiện-chiến, không được dân ủng-hộ, Trần Quốc-Tuấn hẳn đã không thắng được quân Nguyên. Nhưng với quân-đội cùng dân-chúng ấy mà quyền-bính nằm trong tay Trần Ích-Tắc hay Trần Nhật Hiệu, chắc chắn nước Việt-nam lúc ấy đã lọt vào vòng thao-túng của Thoát Hoan rồi.

Vai tuồng trọng-yếu của người ưu-tú, tất cả các xã-hội đều nhận thấy. Do đó, mỗi chế-độ chánh-trị đều cố-gắng hướng sự giáo-dục đến chỗ đào-luyện những người ưu-tú theo quan-niệm mình. Những chế-độ mới thiết-lập lại còn tìm cách hủy-diệt hạng người ưu-tú của xã-hội cũ, nếu không có thể cải-hóa họ được. Những nhà cầm-quyền phát-xít, quốc-xã, cộng-sản đều nghĩ cách đào-luyện công-dân từ lúc hầy còn bé bỏng để tạo những người ưu-tú theo quan-niệm mình.

Vì sự quan-trọng của người ưu-tú, vì xã-hội nào cũng cố-gắng đào-luyện những người ưu-tú theo khuôn khổ mình, trong xã-hội bình-thường cũng như trong xã-hội bất-thường, vấn-đề ưu-tú trở thành vấn-đề chỉ-huy. Trong trường-hợp, những người lưu-tâm đến vấn-đề sinh-tồn của dân-tộc không thể không chú-ý đến vấn-đề ưu-tú.

Nói một cách khái-quát thì người ưu-tú là người có tài có đức. Nhưng từ trước đến nay, người ta đã có nhiều quan-niệm rất khác nhau về vấn-đề người ưu-tú. Trong lịch-sử nhơn-loại, ta thấy có nhiều hình bóng người ưu-tú, khác nhau không những từ xã-hội này sang xã-hội nọ, mà còn từ thời-đại này sang thời-đại kia nữa. Có khi, trong một xã-hội, lại có nhiều hạng người ưu-tú khác nhau đồng-thời xuất-hiện.

Việc khảo-sát hết các hạng ưu-tú của xã-hội và mọi thời-đại là công việc đòi hỏi rất nhiều tài-liệu và thì giờ nghiên-cứu. Nó hết sức thích-thú, nhưng không cần-thiết lắm ở đây. Để có một quan-niệm đúng đắn về người ưu-tú, chúng ta chỉ cần xét qua một vài hình bóng người ưu-tú có tánh-cách tiêu-biểu hơn cả.

Trong các xã-hội cổ-sơ, người được cho là ưu-tú thường là người mạnh bạo, có sức vóc lực-lượng, lại có tài-năng trong sự tranh-đấu bằng võ-lực. Ngoài ra, họ còn phải có năng-

lực điều-khiển mọi người trong đoàn-thể mình khi có cuộc tranh-chiến với các đoàn-thể khác. Nói một cách khác, người ưu-tú là người chiến-sĩ hoàn-toàn.

Quan-niệm ưu-tú này kéo dài cho đến một thời-đại khá lâu về sau. Người Hy-lạp hết sức tôn-trọng những lực-sĩ và nâng cao thể-dục lên địa-vị tôn-giáo. Người của dân đô-thị Sparte thiên về chủ-trương này một cách hết sức rõ rệt. Sự giáo-dục của họ hướng đến mục-đích đào-luyện mọi người thành những chiến-sĩ hoàn-toàn. Không những tập cho trẻ con được mạnh khỏe, biết võ-ngệ, cho dạy chúng học về binh-pháp, và tập cho chúng biết tự mình đối-phó với mọi hoàn-cảnh nguy-biến.

Đời trung-cổ, hạng người được trọng-vọng nhất ở đất Âu-châu phong-kiến là những nhà hiệp- sĩ. Đó là con cháu những nhà quý-tộc, nhưng không thích cuộc đời nhàn-hạ, định-cư, mà thích cuộc đời phiêu-lưu mạo-hiêm. Họ đi khắp đó đây, đem tài-lực ra cứu giúp dân-chúng. Họ phải luôn luôn tuân theo những điều-luật danh-dự của đoàn-thể họ và xem việc « tế khỗn phò nguy » là một sanh-thú.

Khi chế-độ phong-kiến Âu-châu lần lần biến-chuyển để tiến đến chế-độ quân-chủ tập-trung, những nhà hiệp-sĩ châu-du thiên-hạ không còn nữa. Hạng ưu-tú trong mỗi nước là những nhà quý-tộc có tước-vị, được hưởng nhiều đặc-quyền. Chế-độ quý-tộc Âu-châu dựa vào nguyên-tắc thế-tập, nhưng những nhà quý-tộc không phải chỉ vì chỗ mình là con nhà quý-tộc mà được tôn-trọng. Muốn khỏi bị người khinh-bỉ, họ phải can-đảm, sẵn sàng hy-sanh tánh-mạng cho nhà vua. Họ cũng phải trọng danh- dự và khi cần thì dám lấy máu để bảo-vệ danh-dự mình.

Ở Trung-Hoa và các nước chịu ảnh-hưởng Nho-giáo, hạng ưu-tú trong thời-kỳ tập-quyền là người quân-tử. Đó là người có học đạo thánh-hiền, rèn luyện lòng mình cho ngay thẳng, trong sạch, lúc nào cũng chỉ biết có nhiệm-vụ, không tham sang giàu, không đố chí vì sự nghèo hèn, không khiếp- phục oai-võ, cư-xử lúc nào cũng theo qui-phạm, khi xã-hội hữu-đạo thì đứng ra giúp đời, khi thiên-hạ vô-đạo thì lấy việc dạy đời để duy-trì chánh-đạo làm lý-tưởng.

Ở hai châu Âu Mỹ, trong thời-kỳ cơ-giới vừa xuất-hiện và phát-triển, hạng ưu-tú là những thương-gia và kỹ-ngệ-gia tiên-phong. Đó là hạng người có óc mạo-hiêm, có tài tháo-vát, tô-chức hay, chế-biến giỏi.

Trong những xã-hội đã ổn-định và tiến đến một trình-độ văn-minh khá cao, vai-tượng ưu-tú lại thuộc về những người trí-thức, những nhà bác-học. Họ là những người học giỏi, đồ-bằng-cấp cao.

Những hạng người nêu ra trên đây chỉ là một vài hình bóng ưu-tú rõ rệt chớ không phải là tất cả. Trong lịch-sử dài dặc của nhơn-loại, những quan-niệm về những người ưu-tú, còn nhiều hơn và phức-tạp hơn. Tuy thế, riêng những hình bóng người ưu-tú rõ rệt trên đây cũng đã cho ta thấy và nguyên-tắc chánh-yếu về vấn-đề này.

Trước hết, ta có thể nhận thấy rằng những ưu-tú của các xã-hội khác nhau là vì sự cần-dùng của những xã-hội ấy không giống nhau.

Trong xã-hội cổ-sơ, các đoàn-thể chiến-đấu nhau một cách mãnh-liệt và tàn-khốc. Mà trong những cuộc chiến-đấu ấy, sự thắng-lợi thường về với kẻ có sức mạnh thể-chất, đồng-

thời có mưu-mô và can-đảm. Do đó, hạng người vạm vỡ, gan ruột, có tài quân-sự, có sức mạnh, được xem là hạng ưu-tú của xã-hội.

Trong thời-kỳ phong-kiến xã-hội đã mở rộng ra, và trình-độ chung đã được nâng cao rồi. Sự tranh-đấu với xã-hội khác đã mất tánh-cách thường-trực. Nhưng bên trong, sự an-ninh chưa thực-hiện được hoàn-toàn, vì các chúa phong-kiến mỗi người hùng-cứ một phương, bóc lột hà-hiếp dân-chúng. Ngoài ra, bọn trộm cướp cũng đông đảo, phá hại xóm làng. Trong tình-cảnh đó, những người hiệp-sĩ có sức khỏe, lại phơi thân ra che chở cho dân-chúng tất được xem là hạng người hữu-ích nhất và cố- nhiên thành ra hạng ưu-tú trong xã-hội.

Đến lúc quyền-hành qui-tập về tay một nhà vua, tình-thế lại biến đổi đi. Ở Âu-châu các quốc-gia thành-lập và cạnh-tranh nhau, nhưng bên trong quốc-gia, xã-hội đã ổn-định lại. Những phân-tử phá rối cuộc tri-an phần lớn đều bị loại-trừ. Do đó, ưu-tú là hạng người can-đảm, nhưng biết tuân kỷ-luật của nhà vua, và là tay sai đắc-lực của nhà vua trong việc mở rộng thế-lực quốc-gia.

Ở Á-châu, khi chế-độ quân-chủ tập-trung được thiết-lập, xã-hội đã ổn-định, nhưng nguyên-tắc quý-tộc thế tập đã bị đánh đổ, đồng-thời, lý-tưởng bình thiên-hạ lan rộng khắp nơi. Nhà vua Trung Hoa được công-nhận là vị chúa tể toàn-quyền. Do đó, người ưu-tú là người quân-tử, nhưng người quân-tử này không còn là « *con vua* » như ngày xưa, mà là người có học đạo Nho và đủ sức giúp nhà vua giữ trật-tự trong xã-hội bằng đạo-đức.

Thời-đại hiện-kim là thời-đại khoa-học. Việc kỹ-nghệ hóa quốc-gia nâng cao đời sống chung về mặt vật-chất được mọi dân-tộc chăm chú đến, và người ưu-tú phải là người, hoặc bằng sự tìm tòi khảo- cứu, hoặc bằng những kế-hoạch tổ-chức, hoặc bằng sự dinh-nghiệp, đã đóng vai tuồng chủ-động trong cuộc cải-hoán xã-hội.

Nói tóm lại, người ưu-tú thật ra chỉ là người có đức-tánh cần-thiết cho dân-chúng một xã-hội trong một thời-kỳ nhất-định. Khi tình-thế biến đổi, sự cần dùng của xã-hội hóa ra khác, những đức-tánh được xem là cần-thiết trước kia có thể không còn thích-hợp nữa, và những người có những đức-tánh ấy chẳng những không được trọng-vọng mà còn có khi lại bị chê cười.

Trong những xã-hội văn-minh, những con người to lớn vạm vỡ không được xem hơn kẻ khác. Trái lại, nhiều khi người ta còn cho họ là thô kệch cũng nên. Với chế-độ quân-chủ tập-trung, xã-hội đã ổn-định, trộm cướp và ác bá không còn hoành-hành nữa, những nhà mang kiếm ô-m giặc mộng hiệp-sĩ đi châu-du thiên-hạ không được dân-chúng tôn-trọng mà có thể còn bị biếm nhẽ.

Nhà văn-hào Tây-Ban-Nha Cervantès đã mô-tả trong quyển Don Quichotte tất cả những cái lố- bịch của một anh chàng hiệp-sĩ sanh lỗi thời. Giá-sử sống một vài trăm năm trước, Don Quichotte hẳn đã được kính nể như bất cứ một nhà hiệp-sĩ nào. Nhưng vì đi châu-du thiên-hạ trong lúc xã-hội đã thái-bình, ông ta chỉ có thể đánh nhau với cái cối xay gió và đàn cừu, và thành ra một trò cười cho thiên-hạ.

Trong xã-hội Việt-Nam đầu thế-kỷ 20, những nhà Nho ốm yếu, móng tay dài một tấc, vẻ ẻo lả, trời gà không chặt, không còn là những bậc đạo cao đức trọng làm khuôn vàng thước ngọc cho dân-chúng. Họ chỉ còn là những kẻ bất-đất-chí, sống lỗi-thời, nếu không phải là những nhơn-vật cố nắm lại thời xưa và bị cho là hủ-lậu. Bài thơ « *Ông đồ* » của Vũ Đình

Liên gợi cho ta sự thương-hại hơn là lòng mến phục những kẻ tiêu-biểu cuối cùng cho một hạng người ngày xưa được tôn làm hạng ưu-tú của nước ta.

Mặc dầu quan-niệm của người về hạng ưu-tú ngày xưa đến nay có rất nhiều, ta có thể phân những người được xem là ưu-tú ra làm hai hạng : những người hoạt-động và những người thụ-động.

Những người ưu-tú thuộc hạng hoạt-động xoay sự tác-động ra phía ngoài thân mình. Họ là những kẻ can-đảm, xốc vác, cương-quyết, có một nghị-lực vô-biên. Họ lúc nào cũng sẵn sàng chiến-đấu và rất thích sự phiêu-lưu mạo-hiêm. Càng gặp khó khăn họ lại càng nhứt-định tiến lên.

Tuy thế, hạng người này lại có những tật xấu của kẻ ham hoạt-động : họ rất tham quyền-tước, ưa danh-vọng. Vốn xem thường tánh-mạng của chính mình, họ ít khi trọng tánh-mạng kẻ khác. Họ nhiều khi rất tàn-nhẫn và rất gắt gao với kẻ dưới tay.

Những người thuộc hạng thụ-động là những kẻ thanh-liêm trong sạch, luôn luôn kèm chế lấy mình. Họ xem danh lợi như bọt nước và lấy việc đánh đổ những dục-vọng của riêng mình làm mục- tiêu chánh-yếu của đời mình. Họ ăn ở có độ-lượng với kẻ khác và dễ dãi, mềm mỏng với mọi người. Nhưng bù lại, họ có thể là những kẻ nhứt nhát, không cương-quyết. Họ không có chí bay nhảy và khép tư-tưởng chí-khí họ trong một vòng trời nhỏ hẹp.

Đọc lịch-sử các vĩ-nhơn anh-hùng trong thế-giới từ xưa đến nay, ta có thể nhận thấy rằng họ thường chỉ có một trong hai loại đức-tánh hoạt-động và thụ-động trên đây.

Những bậc anh-hùng xuất-thân trong thời loạn là những người có đức-tánh và tật xấu của kẻ ưa hoạt-động. Nhơn-vật tiêu biểu xứng đáng nhứt cho họ là ông Trần Thủ-Độ nước ta.

Ai có đọc Việt-sử cũng nhận thấy rằng Trần Thủ-Độ là một người rất mực gian-hùng, tàn-ác. Không những âm-mưu cướp ngôi về cho cháu mình, ông còn tàn-sát cả tôn-thất nhà Lý và không ngần ngại có những hành-vi làm đảo lộn cang-thường để củng cố địa-vị của dòng họ mình. Nhưng con người tàn- nhẫn vô-lương ấy đã tỏ ra mình có một tinh-thần sắt đá trước những kẻ ngoại-xâm. Chính sự cương-quyết của ông đã giúp nhà Trần thắng được quân Nguyên lần thứ nhứt để bảo-toàn nền độc-lập của nước nhà.

Tất cả những vị anh-hùng trong lịch-sử tự-nhiên không phải đều tàn-nhẫn như Trần Thủ-Độ. Tuy thế, lòng ham danh-vọng quyền-thế của họ đã đưa họ đến việc giết hại nhiều người khác.

Vua Lý Thái-Tổ đã giết nhiều vị công-thần như Trần Nguyên-Hãn, Phạm Văn Xảo, vua Quang- Trung đã giết Võ Văn Nhâm, Nguyễn hữu Chính, vua Gia-Long giết Đỗ thanh-Nhơn, Nguyễn Văn Thành với những bằng cớ vu vơ. Vua Tống Thái-Tổ đã đang tâm chém đầu người bạn hàn-vi của mình là Trịnh-Ân.

Trong tiểu-sử những bậc anh-hùng trên đây, người ta đã nhấn mạnh trên công-nghiệp họ mà bỏ qua những việc làm bất-nhơn đi. Ta có thể xem công họ nhiều hơn lỗi họ. Tuy nhiên, ta không thể mù quáng, cho rằng họ là những bậc hoàn-toàn.

Trong thời-kỳ xã-hội thái-bình, những hạng người hoạt-động này rất khó khếp mình vào khuôn khổ. Họ trở thành những kẻ phá rối trật-tự. Họ là những anh-hùng lục-lâm của xã-hội Trung Hoa, hạng « anh chị » của xã-hội nước ta thời Pháp thuộc, hạng « gangster » của xã-hội Mỹ.

Đến lúc xã-hội rối loạn, họ lại có dịp phụng-sự xã-hội và có thể trở thành những vị anh-hùng. Lịch-sử Trung-Hoa đã cho ta thấy điều này một cách rõ ràng. Bọn Tần Thúc-Bảo, Trình Giảo Kim sở-dĩ thành ra những bậc anh-hùng là vì sanh trong một thời-kỳ chuyển-biến loạn-lạc và may mắn phụng-sự được một nhà vua sáng-lập một triều-đại mới. Nếu sanh nhằm thời bình, họ bất quá cũng chỉ là hạng thảo-dã lục-lâm, nhiều lắm trở thành những tướng cướp ít bị dân-chúng thù ghét như bọn Lương-son- Bạc mà thôi. Trong cuộc kháng-chiến của Pháp, ta đã có thấy nhiều người bất-lương tham-dự và những người này nhiều khi đã lập được công-nghiệp rực rỡ. Đến khi thái-bình trở lại, những vị anh-hùng này lắm khi đâm ra làm bậy và chánh-phủ phải buộc lòng trừng-trị họ.

Trái lại, trong thời-kỳ thái-bình này, những người có đức-tánh thụ-động có dịp trở tài. Họ tuân theo pháp-luật và bắt buộc mọi người khác tuân theo pháp-luật như mình. Nhưng họ thường hay nhút nhát không dám cương-quyết tranh-đấu, hoặc không có tài chế-biến để ứng-phó với nghịch-cảnh.

Lúc xã-hội qua những nỗi khó khăn, hạng thụ-động này không còn có thể phụng-sự một cách đặc-lực nữa. Chu văn An, La-Son phu-tử là những bậc đức-hạnh cao chói một thời. Nhưng thử hỏi họ đã làm được những gì để phụng-sự quốc-gia khi quốc-gia rối loạn.

Trước những nguy biến to lớn, những người có đức-tánh thụ-động tất-nhiên không thể cứu được dân-tộc. Các nhà Nho của triều Tự-đức thật là những người rất tốt : Phan Thanh-Giản, Hoàng Diêu đều là những viên quan mẫn-cán, thanh-liêm. Nhưng trước sự xâm lấn của người da trắng, họ đã chịu khoanh tay bất-lực.

Như vậy, những anh-hùng vĩ-nhơn thật-sự không phải là những người hoàn-toàn. Họ có những đức tốt và những tật xấu, và thường chỉ có một loại đức-tánh hoạt-động hay thụ-động.

Những người ưu-tú hoàn-toàn không phải là người gồm cả hai loại đức-tánh trên đây. Người xưa đã cô-gắng tạo ra hạng ưu-tú đó. Nho-giáo đã chủ-trương « *Sĩ khả bá vi* » và đã có đào-luyện những hạng nho-sĩ có tinh-thần hoạt-động. Nhưng thật-sự, những người hoàn-toàn như thế rất hiếm.

Trong lịch-sử nước ta, họa ra chỉ có Tô Hiến Thành, Trần Quốc-Tuấn là có thể được xem là gồm những đức-tánh hoạt-động và thụ-động : vừa hăng hái làm việc xã-hội, vừa tự kềm chế lấy mình để tránh sự lạm-quyền và hiếp-đáp dân-chúng.

Nhưng mặc dầu sự bao gồm cả những đức-tánh hoạt-động và thụ-động là một việc khó thực-hiện, một dân-tộc muốn sinh-tồn cũng phải lấy nó làm cứu-cánh trong sự giáo-dục của mình. Sự giáo-dục này phải hướng đến chỗ phát-triển những đức-tánh hoạt-động, hăng hái cần-thiết, đồng-thời có mở mang ý-thức xã-hội của người để cho họ có một thái-độ thích-hợp đối với người khác.

b)- VẤN-ĐỀ TUYỂN-TRẠCH NGƯỜI CHỈ-HUY.

Như ta đã thấy, vấn-đề ưu-tú cũng là vấn-đề chỉ-huy. Nó hết sức quan-trọng đối với sự tồn-vong của dân-tộc. Chính người chỉ-huy là kẻ vận dụng lực-lượng dân-tộc trong sự tranh-đấu.

Nếu họ tài giỏi, lực-lượng dân-tộc có thể thống-nhứt và được dùng một cách khéo léo với một hiệu-quả tối-đa để đối-phó lại các địch-thủ. Trái lại, nếu họ không khéo léo, lực-lượng dân-tộc bị chia rẽ hay không thể vận-dụng hết, hoặc bị sử-dụng một cách sai lầm thì dân-tộc rất khó nắm phần thắng-lợi.

Trong thời-kỳ thái-bình, sự khó khăn không có mấy, một người chỉ-huy trung-bình có thể làm việc trôi chảy được và không kém người chỉ-huy nhiều năng-lực bao nhiêu. Nhưng khi quốc-gia gặp nguy-biến, những sự khó khăn phát-hiện nhiều, và giá-trị cao thấp của những kẻ chỉ-huy mới bày ra rõ rệt. Chính trong thời-kỳ loạn-lạc mới có những bậc đại-anh-hùng giúp dân cứu nước ra đời.

Ta có thể xem những người chỉ-huy như là một chỉ-số đặt bên số biểu-hiệu lực-lượng dân-tộc. Chỉ số ấy càng cao thì lực-lượng dân-tộc càng to mạnh và sự thắng-lợi của dân-tộc càng chắc chắn.

Đứng về mặt tổ-chức mà nói, vấn-đề quan-trọng hơn hết cho dân-tộc là vấn-đề tuyển-trạch những người chỉ-huy về phương-diện chánh-trị.

Nhưng mặc dầu có nhiều hình-thức khác nhau, sự tuyển-trạch những người cầm-quyền trong một dân-tộc có thể qui về mấy lối chánh. Những người ưu-tú có thể tự mình cướp lấy chánh-quyền bằng võ-lực hay bằng mưu mẹo. Đó là trường-hợp những nhà chinh-phục, những nhà cách-mạng. Nhưng đó là trường-hợp bất thường. Trong trường-hợp bình-thường, những người cầm-quyền theo khuôn khổ xã-hội mà đạt địa-vị mình.

Trong những xã-hội phong-kiến và quân-chủ chuyên-chế, sự tuyển chọn người chỉ-huy theo nguyên-tắc huyết-thống. Người ta cứ chiếu lệ cha truyền con nối mà chỉ-định những người nắm giữ những chức-vụ chánh-yếu trong quốc-gia.

Chế-độ quý-tộc trên này thật ra cũng có chỗ hay. Những nhà quý-tộc nhờ địa-vị ưu-thắng của mình và những truyền-thống của gia-đình mà phát-triển được tài-năng và có thể giúp ích cho dân-tộc rất nhiều. Phần lớn những chánh-khách nước Anh, ngay đến thế-kỷ thứ 20, đều do hạng quý-tộc mà xuất-thân.

Tuy nhiên, chế-độ quý-tộc cũng có thể đưa đến nhiều họa-hại. Cuộc đời an-nhàn trường-giả của nhà quý-tộc thường làm cho họ hủ-hóa đi. Hậu-duệ những vị anh-hùng có thể tham vui mà mất đi những đức-tánh tranh-đấu, mất óc chế-biến, lòng hăng hái, tinh-thần phụng-sự của tổ-tiên họ. Họ lại thường sống xa dân-chúng thái-quá và không thể thấy rõ nỗi khổ của hạng nghèo khó.

Một mặt khác, đặc-quyền những nhà quý-tộc lại làm cho những người bình-dân có tài-năng không thể tham-dự chánh sự. Sự bất-bình-đẳng nhơn-tạo hiện ra quá rõ rệt. Sự sinh-tồn của mọi người không bảo-đảm được. Xã-hội vì thế mà mất sự đoàn-kết và sanh ra rối loạn liên-miên.

Muốn tránh những nạn trên này, người Anh đã phải tổ-chức sự giáo-dục các nhà quý-tộc một cách nghiêm-khắc. Các trường học của họ cố mở mang thể-dục thể-thao và làm phát-triển các đức-tánh chiến-đấu của các nhà quý-tộc trẻ tuổi. Hơn nữa chế-độ học-đường hướng rất nhiều đến sự đào-luyện tánh-khí. Các nhà quý-tộc Anh do đó mà có nhiều năng-lực để phụng-sự quốc-gia.

Tuy thế, số quý-tộc tham vui sa ngã cũng nhiều. Và chế-độ chánh-trị Anh lần lần phải mở rộng ra cho người bình-dân tham-gia việc điều-khiển chánh-sự. Thêm nữa, chánh-sách quý-tộc-hóa những người bình-dân có nhiều công-nghiệp của Hoàng-gia Anh đã mang đến cho quý-tộc Anh một nguồn sanh-khí mới.

Nói một cách khái-quát thì quý-tộc Anh hãy còn xứng đáng với ngôi-vị mình. Tuy thế, trường-hợp này là một trường-hợp hiếm hoi và việc chọn lựa hạng chỉ-huy theo nguyên-tắc huyết-thống không còn có thể áp-dụng được trong thế-giới ngày nay. Ngay các nhà quý-tộc Anh hiện thời có nắm được quyền-thế thì cũng nhờ sự cố-gắng của họ để cạnh-tranh với các chánh-khách khác chứ không phải nhờ họ là quý-tộc.

Xã-hội quân-chủ Trung-Hoa ngày xưa đã dùng lối thi-cử mà tuyển chọn nhơn-tài ra giúp nước. Những người bình-dân có năng-lực có thể nhờ đường khoa-cử mà đứng ra gánh vác việc ích-lợi chung.

Chế-độ chọn người chỉ-huy bằng khoa-cử kể ra cũng có chỗ hay. Nó có tánh-cách công-bằng hơn chế-độ quý-tộc vì nó dựa vào tài-năng cá-nhơn và vào trí-thức của con người. Nó có thể khuyến thanh-niên học hỏi và đưa ra những người có tài lên những chức-vụ quan-trọng trong nước. Vì những ưu-điểm của nó, chế-độ khoa-cử lần lần lan rộng ra và các dân-tộc văn-minh hiện giờ đều dựa vào khoa-cử một phần nào để tuyển-chọn những nhơn-viên chánh-phủ.

Tuy thế, chế-độ khoa-cử cũng có nhược-điểm. Những người theo chế-độ khoa-cử mà xuất-thân thường là những người có đức-tánh thụ-động. Họ có học hỏi thật đầy, nhưng sự học hỏi của họ không mấy khi được thực-tiến. Hơn nữa, khi đã bị nhào nắn từ bé vào một khuôn khổ, họ có xu-hướng theo khuôn khổ đó và không có một cái nhìn khái-quát giúp cho người nhận-thức được sự thật phức-tạp của cuộc đời, như là trong thời-kỳ rối loạn hay chuyển tiếp. Nhiều người đã lên tiếng chỉ-trích chê đê những nhà trí-thức khép mình trong văn-phòng mà lãng quên thực-tế, cho họ là những kẻ vô-dụng cho sự sinh-tồn chung.

Thật-sự thì trong thời-đại thái-bình, phương-pháp khoa-cử đã đưa nhiều người tốt ra nắm chánh-quyền trong nước. Nhưng trong thời-loạn những phần-tử này lại hay làm hỏng việc, di-hại cho quốc-gia. Nếu sự giáo-dục và khoa-cử lại hướng về từ-chương, về sự mở mang ký-ức, hay không lưu-tâm đến đức-hạnh, như trong trường-hợp nước ta trước đây, những mối hại trên này lại còn rõ rệt hơn nữa. Như vậy, khoa-cử chỉ có thể giúp ta chọn lựa những nhơn-viên chuyên-môn một cách đúng đắn, chứ không thể giúp ta chọn lựa những nhơn-viên chỉ-huy tài-cán cho cuộc tranh-đấu sinh-tồn không ngừng của dân-tộc.

Những nhà độc-tài của thế-kỷ 20 không tin cậy nơi những nhà trí-thức do khoa-cử mà xuất-thân. Hitler cũng như Staline đều tỏ vẻ khinh-thị những nhà trí-thức. Do đó, họ chọn những người chỉ-huy trong số những kẻ thân-tín, hoặc những đồng-chí trong đảng họ. Hitler chỉ tin cậy đảng-viên quốc-xã, Mussolini chỉ trọng những đảng-viên phát-xít, các lãnh-tụ đỏ cũng chỉ dùng đảng-viên cộng-sản ở các cấp chỉ-huy.

Những đảng-viên các chánh-đảng này thường là những người ham hoạt-động, có thành tích tranh-đấu, lại được huấn-luyện theo một chủ-nghĩa chánh-trị và hướng đến một chế-độ xã-hội mà họ cho là lý-tưởng. Họ nhơn danh lý-tưởng họ mà bắt buộc dân-chúng theo mình.

Trong trường-hợp chánh-đảng nắm chánh-quyền thật-tâm phụng-sự dân-tộc và chủ-nghĩa họ đúng đắn, thiết-thực, phương-pháp tuyển chọn chỉ-huy này đưa đến nhiều kết-quả tốt vì tất cả mọi người đều phải tuân theo kỷ-luật chung của đảng và hành-động họ đều nhắm vào mục-đích chung.

Nhưng nếu các nhà lãnh-tụ của chánh-đảng cầm-quyền quá kiêu-căng hay có tham-vọng riêng, nếu chủ-nghĩa ông ta phụng thờ quá viễn vông, hướng đến những không-trường không thực-hiện được, toàn-lực của dân-tộc có thể bị dùng vào một cách tranh-đấu quá sức của dân-tộc và có thể làm cho dân-tộc suy-vi.

Một mặt khác, nếu những nhơn-viên các đảng-phái có những đức-tánh của người ham hoạt-động, họ cũng có những tật xấu của kẻ ham hoạt-động. Khi được trọn quyền điều-khiển xã-hội, họ không khỏi đi đến chỗ uy-hiếp bóc lột dân-chúng. Và lại, chế-độ tuyển lựa người chỉ-huy qua các đảng-phái lại ngăn cản người có tài trong dân-chúng lên những địa-vị chỉ-huy. Nó cũng như chế-độ quý-tộc và có tánh-cách quá bất-công làm quần-chúng bất-bình.

Trong xã-hội dân-chủ, hạng chỉ-huy được tuyển lựa bằng lối phổ-thông đầu-phiếu. Để cho dân-chúng tự chọn lấy người tài-đức ra thay thế cho mình gánh vác việc công-ích thì công-bằng hơn cách tuyển lựa chỉ-huy kể trên đây. Do đó, phương-pháp tuyển-trạch người chỉ-huy bằng lối phổ thông đầu-phiếu rất được nhiều người tán-thành.

Nhưng không kể những sự cạnh-tranh đảng-phái, những cuộc vận-động và âm-mưu cá-nhơn trong mùa tuyển-cử làm sai lạc cả ý-nghĩa của cuộc tuyển-cử, sự chọn lựa người chỉ-huy theo lối tuyển-cử lại còn là một nhược-điểm nữa. Người cử-tri khó mà biết chọn-tướng của những ứng-cử-viên và lựa người xứng đáng nhứt để thay mặt mình. Họ chỉ có thể dựa vào sự tuyên-truyền của các ứng-cử- viên và đưa những người nói giỏi hay khéo du-nịnh quần-chúng ra nắm chánh-quyền thường hơn là người thật-tâm ái-quốc.

Tuy thế, ta phải công-nhận rằng trong tất cả những phương-pháp tuyển-trạch người chỉ-huy, chỉ có phương-pháp tuyển-cử là thích-hợp với nguyện-vọng của dân-chúng nhứt. Dân-chúng có thể lầm lạc chọn một số người chỉ-huy không xứng đáng đứng lên chỉ-huy mình. Nhưng khi sự thiếu tài hay thiếu đức của những người chỉ-huy đã hiển-hiện, họ sẽ bỏ những người ấy để chọn lựa những người khác. Vậy, sự tuyển-trạch người chỉ-huy theo phương-pháp tuyển-cử ít nhứt cũng giúp người dân thay đổi hạng chỉ-huy thiếu tài đức một cách dễ dàng. Điều này rất cần-thiết cho sự sinh-tồn của dân-tộc.

Muốn cho sự tuyển-trạch người chỉ-huy theo lối công-cử đưa đến những kết-quả tốt, dân-chúng cần phải được đào-luyện kỹ càng về phương-diện chánh-trị. Họ phải hiểu rõ quyền-lợi và nhiệm-vụ họ, và có một ý-thức rõ rệt về sự sinh-tồn của dân-tộc, về những vấn-đề có can-hệ đến sự tồn-vong của đất nước. Có như thế, họ mới có thể phán-đoán những ứng cử viên một cách đúng đắn.

Những người được dân-chúng tín-nhiệm và đưa lên địa-vị chỉ-huy có thể là người có đức tốt và có nhiều thiện-chí, mà không có năng-lực nhiều. Dân-tộc có thể nhờ đường khoa-cử mà tuyển những nhơn-viên chuyên môn để phụ giúp những nhà cầm-quyền. Ngoài ra,

những hội đảng chánh-trị có thể cung-cấp cho chánh-quyền những vị cố-vấn chuyên khảo về những vấn-đề chánh-trị và vạch những kế-hoạch đại-cương cho chánh-phủ.

Bên cạnh những người đứng ra chỉ-huy mình trong cuộc tranh-đấu, dân-tộc còn cần dùng một số người ưu-tú khác đóng vai tuồng hướng-dẫn quần-chúng về phương-diện tinh-thần. Thật ra thì ngày xưa cũng như ngày nay, chính những nhà cầm-quyền một nước đã có ảnh-hưởng rất lớn đến tinh-thần chung của dân-chúng. Thói quen bắt chước và lòng khâm-phục người trên của đại-chúng khiến cho họ hay noi gương người trên mà làm điều hay. Lễ tự-nhiên khi người cầm-quyền không có đức tốt, dân-chúng cũng chán nản mà sanh ra trụy-lạc, và xã-hội phải bị suy-đổi. Bởi đó, Nho-giáo đã rất hữu-lý mà dạy rằng người quân-tử phải cố rèn luyện mình cho tốt để nêu gương cho thiên-hạ, nhiên-hậu mới trị được thiên-hạ.

Ngoài ra gương tốt của nhà cầm-quyền, nền đạo-đức chung của nhơn-dân còn phải được duy-trì nhờ những cơ-quan đặc-biệt. Một số xã-hội đã nhờ tôn-giáo và các giáo sĩ đảm-nhiệm công việc này. Những nhà sư, những đạo sĩ, những tu-sĩ Bà-la-môn, những vị linh-mục công-giáo và mục-sư cải-lương-giáo đã đóng một vai tuồng trọng-hệ ở nhiều nước ngày xưa. Ngày nay, vai tuồng họ cũng rất quan-trọng, ngay ở một số nước tân-tiến như Anh hay Mỹ.

Một số quốc-gia khác đã giao nhiệm-vụ hướng đến quần-chúng về phương-diện đạo-đức cho những người có học. Những nhà nho xưa kia đã có ảnh-hưởng tinh-thần rất lớn đối với dân-chúng. Ta có thể xem họ là những sứ-đồ dạy cho mọi người biết cách ăn ở cho phải đạo với vua với nước.

Sự sinh-tồn của một dân-tộc bắt buộc nó phải tạo ra một số người hướng-đạo tinh-thần. Nếu tinh-thần tôn-giáo của dân-chúng còn mạnh, nó có thể nhờ những nhà giáo-sĩ lãnh vai tuồng ấy. Tuy nhiên, điều này bắt buộc dân-tộc phải lưu-ý đến tư-tướng của những nhà tôn-giáo đối với dân-tộc, quốc-gia cũng như đối với các vấn-đề xã-hội.

Những dân-tộc vì một lý-do gì mà không còn có thể dựa vào những giáo-sĩ để hướng-dẫn dân-chúng về phương-diện tinh-thần cần phải đào-luyện những cán-bộ đặc-biệt để dùng vào việc này. Người ta có thể nhờ những nhà giáo-dục đảm nhận nhiệm-vụ ấy.

Trong trường-hợp này, những giáo viên và giáo-sư phải được chọn lọc một cách kỹ lưỡng. Ngoài sự học hỏi về phương-diện văn-hóa và phương-diện chuyên môn, họ còn phải được đào-luyện về mặt chánh-trị để có một ý-thức rõ rệt về sự sinh-tồn của dân-tộc. Họ phải được ưu-đãi, nhưng bù lại, phải có một đời sống gương mẫu. Họ sẽ là cố-vấn cho dân-chúng về mọi phương-diện và đóng một vai tuồng tương-tự vai tuồng nhà Nho trong xã-hội Việt-Nam ngày xưa.

Người ta đã nhận thấy rằng từ trước đến nay, trong phần lớn các quốc-gia, hạng người có nhiều đức-tánh hơn hết để phụng-sự dân-tộc là hạng trung-lưu, Họ không nghèo khổ đến nỗi không đeo đuổi được sự học hỏi để mở mang trí-thức mình và phải suốt ngày đầu tắt mặt tối vì việc mưu-sanh. Họ cũng không phải giàu sang đến nỗi có một đời sống vật-chất quá đầy đủ, rồi không biết gì đến sự khổ nhọc của dân-chúng mà hóa ra vị-kỷ hoàn-toàn.

Với một sức học trung-bình, một đời sống cần-lao còn có cho họ những thì giờ nhàn rỗi mà nghĩ đến việc quốc-gia xã-hội, hạng trung-lưu không đến nỗi vị-kỷ quá như hạng thượng-lưu và quá chật-vật vì sự mưu-sanh như hạng lao-động. Họ cần một xã-hội phồn-thạnh mới sống đầy đủ, và thường nhận chân rằng quyền-lợi họ phù-hợp với quyền-lợi sâu xa của dân-tộc.

Do đó, họ thường có lòng ưu-ái đối với đất nước. Thêm nữa, họ chưa mất liên-lạc với dân-chúng và đời sống của họ thường gây cho họ tánh thiết-thực. Điều này khiến cho họ trở thành những cán-bộ quý-giá của dân-tộc.

Một dân-tộc có nhiều người trung-lưu sẽ có nhiều điều-kiện để sinh-tồn. Một mặt, những người trung-lưu này có nhiều đức-tánh hơn hết để trở thành những cán-bộ đặc lực cho dân-tộc. Một mặt khác, sự đông đảo của hạng trung-lưu là một biểu-hiệu chỉ tỏ rằng những vấn-đề xã-hội đã được giải-quyết ôn-thỏa, thành ra trong nước, hạng tư-bản và lao động không có nhiều. Ý-thức giai-cấp do đó mà phai lạt đi, và xã-hội có thể vững chắc được. Như vậy, dân-tộc cần phải cố-gắng để « tiểu-tư-sản-hóa » quần-chúng và tạo cho mình một hạng trung-lưu đông đảo và giải giản.

III.- CHỦ-NGHĨA DÂN-TỘC VÀ NHỮNG LÝ-THUYẾT CHÍNH-TRỊ ĐÃ LƯU-HÀNH TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY.

Sự khảo-sát về con người đã cho ta thấy rằng người hoạt-động để sinh-tồn, sinh-tồn về vật-chất, sinh-tồn về tinh-thần. Ngay những người hy-sanh tánh-mạng mình vì lý-tưởng hay tự chấm dứt cuộc đời vì một lý-do gì, người cũng bị sức chi-phối của ý-chí sinh-tồn.

Trong trường-hợp đó, tất cả những học-thuyết chánh-trị – cốt để hướng-dẫn con người trong sự hoạt-động – đều phải có dính dáng đến vấn-đề sinh-tồn không ít thì nhiều. Xét cho thật kỹ những lý-thuyết chánh-trị đã lưu-hành từ trước đến nay, ta sẽ thấy nó đều nhắm vào mục-đích phụng-sự vấn-đề sinh-tồn của người.

Những tôn-giáo, tức là những lý-thuyết thần-quyền, phát-sanh trong lúc con người chưa có trí-thức rộng rãi, vững chắc để hiểu biết các lực-lượng thiên-nhiên, nhưng lại phải tranh-đấu với các lực-lượng ấy một cách mãnh-liệt để mưu sự sống cho mình.

Vì không hiểu các lực-lượng thiên-nhiên vì sao mà có, người tưởng-tượng ra những vị thần-linh có oai-quyền và năng-lực rất to, lại có những tình-cảm và dục-vọng như mình. Vì không thể dùng sức mà đối-phó lại các lực-lượng thiên-nhiên ấy, người phải phục-lụy nó và nghĩ đến cách cầu đảo để mua lòng nó.

Như vậy, các lý thuyết thần-quyền đã tiêu biểu cho xu-hướng muốn sinh-tồn của người trong lúc người còn thấy mình yếu đuối, hèn mọn, lúc con người còn sợ hãi những thế-lực ở ngoài mình và tưởng rằng mình phải dựa vào những thế-lực ấy mới có thể giải-quyết sự sống còn của mình. Những tư-tưởng chánh-trị, đạo-đức, những khuynh-hướng văn-nghệ của người đều biểu-lộ sự cần dùng phải dựa vào thiên-mạng để sinh-hoạt và tồn-tại.

Suốt mấy ngàn năm, con người đã sống trong tâm-trạng đó, và tôn-giáo ảnh-hưởng rất mạnh đến người. Nó làm cho người vui lòng chấp-nhận trật-tự xã-hội và phụng-sự những nhơn-viên chỉ-huy đoàn-thể tự xưng là thay mạng trời mà cai-trị muôn dân. Nó làm cho người hy-vọng nơi một đời sống đầy lạc thú ở thế-giới bên kia, và cam lòng nhận chịu những sự bất-công của xã-hội hiện-tại.

Sau đó, đời sống vật-chất của người được nâng cao, sự tranh-đấu với các lực-lượng thiên-nhiên nhờ sự hợp-quần củ người và nhờ sự tăng-tiến của kỹ-thuật mà trở thành dễ dàng hơn trước. Một mặt khác, nhờ trí óc mở mang hơn, người hiểu-biết các lực-lượng thiên-nhiên một cách rõ ràng hơn. Người bắt đầu bớt tin nơi oai-quyền tuyệt-đối của thần-minh, và đồng-thời cảm thấy rằng sự khô-sở của mình không phải do nơi ý muốn thần-minh mà do nơi chế-độ xã-hội.

Sự thắng-lợi trong cuộc tranh-đấu với thiên-nhiên để sinh-tồn làm cho người tự-tin hơn và người có ý-định tự giải-quyết lấy vấn-đề sinh-tồn của mình. Người nhận thấy rằng mình khô-sở vì chế-độ xã-hội bó buộc người thái-quá và hết sức bất-công. Do đó, người nêu ra chủ-trương dân-chủ với hai nguyên-tắc tự-do và bình-đẳng.

Vậy, chủ-nghĩa dân-chủ cũng không có mục-đích gì khác hơn là mưu-đồ sự sinh-tồn của người. Nó phát-sanh ở Âu-châu là nơi dân-chúng tiến đến một trình-độ khá cao về tư-tưởng mà lại quá khô-sở vì thiếu tự-do và bị khép trong một chế-độ bất công thái-quá. Khi đứng lên đòi cho dân-chúng được tự-do và bình-đẳng, những nhà thùy-tổ của chủ-nghĩa dân-chủ thật ra chỉ muốn đòi hỏi cho họ được những điều-kiện sinh-tồn một cách đầy đủ mà thôi.

Nhưng vì hai nguyên-tắc tự-do và bình-đẳng áp-dụng đến triệt để thì chống chọi nhau nên chủ-nghĩa dân-chủ lại đưa xã-hội đến những chứng bệnh khác. Những người giàu có và nhiều năng-lực đã lợi-dụng được chế-độ tự-do kinh-tế mà tạo nên những tài-sản khổng-lồ. Họ sống một cách sang cả, nhưng lại trả cho thợ thuyền một số lương chết đói. Nhờ tài-sản, họ có nhiều thế-lực trong trường chánh-trị, và đàn-áp tất cả những người lao-công nào muốn chống chọi lại họ.

Trong xã-hội tư-bản của thế-kỷ thứ 19, một số đông người vô-sản đã phải sống một cuộc đời cơ-cực. Có lẽ họ còn khô-sở hơn người nông-nô của thời-đại phong-kiến nữa. Người nông-nô của thời-đại phong-kiến, tuy phải phục-dịch địa-chủ, nhưng vị địa-chủ không phải nhắm vào sự sản-xuất hàng-hóa cho thật nhiều để bán nên người nông-nô không phải làm việc quá nhiều. Một mặt khác, người nông-nô ít ra cũng được địa-chủ cho ăn uống đầy đủ vì nếu người nông-nô ốm hay chết, họ phải mất một tay sai và bị thiệt thòi. Trái lại, nhà tư-bản muốn sản-xuất rất nhiều hàng-hóa với một số vốn rất nhỏ nên bắt thợ thuyền làm hết sức mình. Đồng-thời, họ chỉ trả cho thợ thuyền một số lương rất ít, sống đủ hay không đủ cũng mặc, vì người thợ là một « công-dân » tự-do, không phải là nô-lệ của nhà tư-bản. Và cái chết của họ không làm thiệt thòi gì cho nhà tư-bản cả, bởi lẽ nhà tư-bản có thể sa-thải những người thợ ốm yếu để mướn người thợ khác làm thay.

Thấy những lời các nhà xã-hội duy-tâm kêu gọi lòng từ-thiện của những nhà tư-bản không có hiệu-quả gì, nhóm ông Karl Marx mới nêu ra chủ-trương hủy-diệt giai-cấp tư-bản để thành-lập một xã-hội đại-đồng cộng-sản, không giai-cấp. Vậy, xã-hội chủ-nghĩa duy-vật với thuyết giai-cấp tranh-đấu đã phát-sanh để giải-quyết vấn-đề sinh-tồn của hạng vô-sản trong xã-hội Âu Châu và thế-kỷ thứ 19, lúc chế-độ tư-bản hầy còn quá khác-nghịch.

Những chủ-nghĩa dân-chủ và xã-hội đã phát-sanh ở những xã-hội trù-phú và độc-lập. Nó chỉ lo giải-quyết vấn-đề sinh-tồn của cá-nhơn hay một hạng người xấu số trong nước. Chủ-nghĩa Tam Dân của Tôn Văn thì phát-sanh ở nước Trung-Hoa là một quốc-gia có một lịch-sử vẻ vang, một nền văn-học rực rỡ, nhưng từ thế-kỷ thứ 19 trở đi bị các cường-quốc Âu Mỹ uy-hiếp, lãng-nhục một cách quá đáng.

Nhận thấy dân-tộc mình trải một nguy-cơ rất to, Tôn Văn đứng ra kêu gọi đồng-bào tranh-đấu cho dân-tộc mình được tự-do và bình-đẳng với các dân-tộc khác. Trong chủ-nghĩa dân-tộc, Tôn Văn nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng nếu người Trung-Hoa không hợp-tập nhau lại, nhận chịu một kỷ-luật gắt gao để tranh-đấu với các dân-tộc khác đang uy-hiếp mình, họ sẽ bị diệt-vong.

Vậy, chủ-nghĩa Tam Dân xuất-hiện để giải-quyết vấn-đề sinh-tồn của dân-tộc Trung-Hoa. Mặc dầu có nhắc đến lý-tưởng dân-chủ, Tôn Văn đã cải-hoán nó đi. Ông bảo rằng người Trung-Hoa từ xưa đã sống trong một chế-độ tự-do và bình-đẳng quá-độ, thành ra yếu hèn đi, cho nên hiện nay phải hy-sanh sự tự-do và bình-đẳng cá-nhơn của mình để tranh-đấu cho dân-tộc mình được tự-do và bình-đẳng so với các dân-tộc khác. Điều này chứng tỏ thêm rằng Tôn Văn nhắm vào sự sinh-tồn của dân-tộc Trung-Hoa nhiều hơn sự sinh-tồn của người Trung-Hoa với tư-cách là một cá-nhơn.

Chủ-nghĩa chủng-tộc của Hitler cũng có một tánh-cách tương-tự. Dân-tộc Đức là một dân-tộc nhiều năng-lực, nhưng sau trận chiến-tranh 1914-1918, lại bị lâm vào một tình-thế khó khăn. Bên ngoài, dân-tộc ấy bị hòa-ước Versailles bó buộc, lại bị các đế-quốc nhiều thuộc-địa giành mất cả các thị-trường nên không có chỗ tiêu-thụ những sản-phẩm của nền kỹ-nghệ mình. Bên trong, người Đức lại bị dân-tộc Do-thái lũng-đoạn nền kinh-tế và lợi-dụng thế-lực tiền-tài mà chi-phối đời sống chánh-trị.

Chủ-nghĩa chủng-tộc đã được nêu ra để một mặt giải-quyết vấn-đề Do-thái, một mặt thúc giục người Đức tranh-đấu để phá vỡ vòng vây mà các đế-quốc buộc chung quanh mình. Trong các diễn-văn của mình, những lãnh-tụ Quốc-xã Đức không ngớt nhắc đến vấn-đề « sanh địa » cần-thiết cho dân-tộc mình. Như thế chủ-nghĩa chủng-tộc thật-sự cũng nhắm vào mục-đích mưu-đồ sự sinh-tồn cho dân-tộc Đức.

Các chủ-nghĩa chánh-trị đã lưu-hành từ trước đến nay đều vô-tình hay hữu-ý, gián-tiếp hay trực-tiếp, hướng đến chỗ mưu-đồ sự sinh-tồn cho người. Nhưng vì không có một ý-thức rõ rệt về sự sinh-tồn của người, hoặc chỉ nhắm vào việc giải-quyết những vấn-đề cấp-thời của xã-hội, các chủ-nghĩa ấy không bao quát được cả vấn-đề sinh-tồn. Đó là lý-do khiến cho nó có tánh-cách địa-phương và tạm-thời, nghĩa là chỉ thích-hợp cho một xã-hội nhứt-định trong một thời-kỳ nhứt-định.

Trong những chủ-nghĩa nói trên đây, có cái lấy sự sinh-tồn cá-nhơn làm mục-đích. Những chủ-nghĩa này hướng đến chỗ giải phóng con người khỏi các sự thúc-phục của xã-hội. Do đó, nó có thể đi đến chủ-trương phóng-túng làm cho những mối dây xã-hội lỏng lẻo đi và xã-hội trở thành hỗn-loạn.

Một số chủ-nghĩa khác lại hướng đến sự sinh-tồn của đoàn-thể nhiều hơn. Nó lấy đoàn-thể làm cứu-cánh cho mọi hoạt-động, và mặc dầu về nguyên-tắc, nó có ca ngợi con người, về mặt thực-tế, nó phủ nhận giá-trị và phẩm-cách của người. Do đó, nó làm cho đoàn-thể mạnh lên, nhưng lại làm cho dân-chúng khổ-sở.

Ngoài sự phân-biệt về chủ-trương mưu-đồ, hoặc sự sinh-tồn của cá-nhơn, hoặc sự sinh-tồn của đoàn-thể, các chủ-nghĩa chánh-trị lại còn phân-biệt nhau về phạm-vi hợp-quần của người. Những chủ-nghĩa mạng-danh là quốc-gia hướng về chỗ tranh-đấu riêng cho một dân-tộc hay một quốc-gia. Những chủ-nghĩa mạng-danh là quốc-tế thì lấy thế-giới đại-đồng làm lý-tưởng cho mình.

Chủ-nghĩa quốc-tế có thể liên-hợp với chủ-nghĩa cá-nhơn : những người ước muốn cho cá-nhơn được giải-phóng hoàn-toàn cũng muốn cho toàn-thể thế-giới được hòa-bình vì sự hòa-bình thế-giới là điều-kiện cần-thiết để cá-nhơn được tự-do và sung sướng. Nhưng nó cũng có thể đi đôi với chủ-trương kỹ-luật : chủ-nghĩa cộng-sản hướng đến một thế-giới đại-đồng cộng-sản trong đó mọi người đều bị khếp vào một khuôn khổ khắc-nghiệt.

Chủ-nghĩa quốc-gia nhiều khi cũng gián-tiếp hướng đến mục-đích quốc-tế. Thật-sự thì một số người theo chủ-trương quốc-gia có ý muốn chinh-phục hoàn-cầu và thực-hiện cảnh thế-giới đại-đồng theo một chiều có lợi cho dân-tộc mình. Hitler đã chủ-trương thống-nhứt nhơn-loại dưới quyền điều-khiển của dân-tộc Đức. Một số chủ-nghĩa quốc-gia khác lại cố-gắng đi đến một sự hợp-tác giữa các nước trong các hội-hợp quốc-tế, và như thế, cũng hướng đến sự hòa-bình giữa các dân-tộc.

Xét tất cả những chủ-nghĩa chánh-trị đã lưu-hành ta nhận thấy rằng vì không bao-quát cả vấn-đề sinh-tồn của người, nó chỉ lo cố-gắng giải-quyết một phần của vấn-đề này và trả lời cho một số nhu-cầu của người mà thôi. Do đó, mặc dầu về lý-thuyết, nó không phải cố-ý làm khổ người hay làm yếu đoàn-thể, và thực-tế, nó đã thiên hẳn về sự sinh-tồn của cá-nhơn mà làm hại cho sự sinh-tồn của đoàn-thể, hoặc thiên về sự sinh-tồn của đoàn-thể mà làm hại cho sự sinh-tồn của cá-nhơn.

Sự thiên lệch này tự-nhiên là có hại cho sự sinh-tồn của người. Đoàn-thể mà yếu thì sự sinh-tồn của cá-nhơn phải bị uy-hiếp. Trái lại, nếu cá-nhơn khô quá, đoàn-thể cũng phải bị yếu hèn. Chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn lấy việc mưu-đồ sinh-tồn của người làm cứu-cánh cho nên bao-quát cả được vấn-đề hoạt-động của người. Nó chủ-trương dung-hòa sự sinh-tồn của cá-nhơn với sự sinh-tồn của đoàn-thể.

Thật ra thì việc dung-hòa sự sinh-tồn của cá-nhơn với sự sinh-tồn của đoàn thể không phải dễ thực-hiện, cũng không phải chỉ có một phương-thức duy-nhứt. Trong nhiều trường-hợp, sự sinh-tồn của đoàn-thể bị uy-hiếp thái-quá, và người chỉ-huy cần phải khếp cá-nhơn vào một kỹ-luật gắt gao để cứu đoàn-thể. Nhưng một khi sự sinh-tồn của đoàn-thể có điều-kiện để được bảo-đảm, ta mở rộng chế-độ ra để cho cá-nhơn được thơ-thới hơn.

Các chủ-nghĩa chánh-trị đã lưu-hành từ trước đến nay vì tánh-cách thiên lệch của nó nên không hợp với những thay đổi trên này. Chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn, trái lại, tự chứa đựng nguyên-tắc dung-hòa sự sinh-tồn cá-nhơn và đoàn-thể nên rất hợp với những sự biến-chuyển chánh-sách nêu ra trên này. Nếu nó hô-hào người hy-sanh quyền-lợi cá-nhơn, hy-sanh cả tánh-mạng cho dân-tộc, nó cũng chủ-trương rằng sự sinh-tồn của cá-nhơn, và quốc-gia phải lấy việc mưu-đồ sự sinh-tồn sung-mãn cho các công-dân làm mục-đích chánh-yếu của mình.

Đứng về mặt phạm-vi hợp-quần mà nói, chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn là một chủ-nghĩa quốc-gia. Nhưng nó không phải là một chủ-nghĩa quốc-gia quá khích chủ-trương phủ nhận giá-trị và phẩm cách con người, hoặc chủ-trương triệt hạ các quốc-gia khác.

Thật-sự thì chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn vốn chủ-trương rằng các dân-tộc cần phải tranh-đấu lẫn nhau để mưu-đồ sự sinh-tồn của mình nên không có tánh-cách tươi đẹp hoàn-toàn như nhiều chủ-nghĩa mơn trớn giặc mộng thế-giới đại-đồng.

Sự tranh-đấu không ngừng và sát phạt nhau bắt buộc người phải gắng sức không ngừng, và gây nhiều cảnh thảm-mục thương-tâm làm cho loài người chán ghét và kinh tởm.

Bầm-tánh lười biếng tự-nhiên của người thức-giục người đến việc mưu sinh-tồn mà không phải cực nhọc hay nguy-hiêm. Xét các thiên-đường mà các dân-tộc tưởng-tượng ra, ta thấy rằng cái nào cũng là nơi người hưởng mọi lạc-thứ mà khỏi làm động gì đến móng tay. Và những thời-đại hoang-đường mà người gọi là « *hoàng kim* » cũng là thời-đại mưa thuận, gió hòa, người chỉ cần hoạt-động chút ít là đủ sống.

Những chủ-trương thế-giới đại-đồng và cá-nhơn phóng-túng vốn trả lời cho khuynh-hướng lười biếng cố-hữu trên đây nên được rất nhiều người mến thích. Như ta đã thấy, thế-giới đại-đồng luôn luôn chỉ là một ảo-mộng, còn chủ-trương cá-nhơn phóng-túng chỉ có thể đưa xã-hội đến sự hỗn-loạn.

Về phần sự sinh-tồn thiết-thực, nó bắt buộc người phải chiến-đấu một cách mãnh-liệt. Từ trước đến giờ, người đã phải chiến-đấu, và người của thời nay cũng như người của ngàn muôn năm về sau cũng sẽ phải chiến-đấu như thế. Những cá-nhơn hay đoàn-thể không chịu tranh-đấu, nhứt-định không thể sinh-tồn được : không bị tiêu-diệt, họ cũng phải làm nô-lệ cho người.

Muốn sinh-tồn người phải chiến-đấu. Mà sự chiến-đấu lại bắt buộc người phải khép mình vào một hàng-ngũ, người đầu có chiến-đấu, cũng không thể đi đến chỗ thành-công, và tự-nhiên, không thể sinh-tồn được.

So với những chủ-nghĩa hướng đến cảnh thế-giới đại-đồng hay đến phóng-túng cá-nhơn, chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn không có tánh-cách lý-tưởng bằng, nhưng lại thiết-thực hơn. Nó không phải là giấc mơ tươi đẹp đầy hứng thú, mà là kết-quả của một sự nhận xét về nguyện-vọng sinh-tồn của người và những điều-kiện gắt gao nhưng thực tại chi-phối sự hoạt-động sinh-tồn.

Nếu đứng về mặt lý-tưởng thuần-túy mà nói, người ta có thể đặt những chủ-nghĩa chánh-trị mon trón giấc mộng thế-giới đại-đồng hay giấc mộng phóng-túng cá-nhơn lên trên chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn thì về mặt thực-tế, người ta phải công-nhận là chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn có giá-trị hơn, vì nó có đủ điều-kiện hơn để hướng-dẫn con người trong sự mưu-đồ sinh-tồn cho mình.

Trong sự hoạt-động chánh-trị, sự thực-tế phải xem là đức-tánh cần-thiết nhứt, vì hoạt-động chánh-trị có ảnh-hưởng đến cả xã-hội loài người, và một sự lầm lạc con con có thể mang những tai-hại đến cho một số đông người, có khi trong nhiều thế-hệ. Trong trường-hợp đó, một chủ-nghĩa thiết-thực cần-ích cho người và đáng được cho người tin theo hơn là một chủ-nghĩa không-tưởng.

Vì không chịu quan-sát sự thật, không dám nhìn thẳng vào sự thật, những chủ-nghĩa chánh-trị đã lưu-hành đều thất-bại trong sự kiến-thiết một xã-hội tốt đẹp. Các lý-thuyết thần-quyền hướng con người đến chỗ phụng-sự những thần-minh mà lãng quên nhơn-loại. Chủ-nghĩa dân-chủ nêu ra một nguyên-tắc sai lầm là con người sanh ra tự-do và bình-đẳng nhau và phải được tự-do và bình-đẳng hoàn-toàn trong xã-hội. Chủ-nghĩa xã-hội duy-vật cũng dựa vào một chủ-trương không đúng đắn là chủ-trương phân loài người ra làm hai giai-cấp xung-đột nhau. Chủ-nghĩa Phát-xít và chủ-nghĩa chủng-tộc cũng không hơn gì những chủ-nghĩa trên đây vì nó quan-niệm quốc-gia và chủng-tộc một cách quá hẹp hòi và phủ-nhận giá-trị cá-nhơn. Những chủ-nghĩa Tam Dân và Tân Dân cố-gắng dung-hòa các chủ-trương trên, nhưng vì quá nghiêng về chế-độ độc-tài hoặc về chủ-trương quốc-tế, nó cũng không thành-công được.

Với một lập luận bắt nguồn từ ý-chí sinh-tồn của người với những kết-luận thực-tiến rút ra từ những sự nghiên-cứu về sự tranh-đấu sinh-tồn của người, chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn là một chủ-nghĩa quốc-gia khoa-học. Nó có nhiều điều-kiện thành-công trong sự xây dựng một xã-hội ổn-định điều-hòa trong đó người có thể sống còn một cách đầy đủ vui thú được.

Và mặc dầu lý-tưởng nó nêu ra không có tánh-cách tươi đẹp hoàn-toàn như lý-tưởng mà những nhà không-tưởng nêu ra, nó vẫn hơn các chủ-nghĩa chánh-trị đã lưu-hành.

Với tánh-cách khoa-học của nó, chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn không hẹp hòi như những chủ-nghĩa quốc-gia cổ-điển. Nó không chủ-trương xem quốc-gia là một thực-thể trừu-tượng thiêng-liêng mà người phải phụng-thờ một cách mù quáng, vì chủ-trương này thường đưa đến những lạm-dụng quá đáng, bắt đại chúng làm nô-lệ cho một người hay một dòng họ.

Chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn chủ-trương xem quốc-gia là một tổ-chức đặt ra để giúp vào sự sinh-tồn của người. Nếu người phải phụng-sự quốc-gia, đặt quyền-lợi quốc-gia lên trên hết thì đó là vì quyền-lợi quốc-gia là quyền-lợi của tất cả mọi người, vì *sự sinh-tồn của người với tư-cách là người bao giờ cũng phải được xem là cứu-cánh sau cùng của xã-hội.*

Như thế, Dân-tộc Sinh-tồn, chủ-nghĩa quốc-gia khoa-học, tuy có khi cũng phải kêu gọi người hy-sanh cá-nhơn mình, vẫn tôn-trọng nhơn phẩm của người và vẫn nghĩ đến cá-nhơn. Xét các nguyên-lý căn-bản của nó, ta sẽ thấy rằng nó công-nhận những phần tốt đẹp của các chủ-nghĩa hướng về việc phụng-sự cá-nhơn.

Nó chấp-nhận những tự-do căn-bản của người : tự-do thân-thể, tự-do đi lại, tự-do hội-hợp, tự-do tín ngưỡng, tự-do tư-tưởng v.v... vì nó cho rằng những tự-do này hết sức cần-thiết cho sự sinh-tồn của người.

Sở-dĩ nó không lấy sự tự-do làm một chủ-trương căn-bản vì sự tự-do hoàn-toàn không thể đạt được. Hơn nữa, sự tự-do hiểu một cách sai lầm hay áp-dụng đến triệt-đề chỉ có thể đưa xã-hội đến sự hỗn-loạn. Ngay trong xã-hội tôn thờ lý-tưởng tự-do, nhiều người vẫn còn bị pháp-luật bó buộc rất nhiều. Trong trường-hợp đó, lấy sự tự-do làm mục-tiêu tranh-đấu, người ta có thể đưa xã-hội đến chỗ hỗn-loạn, nếu không tự mâu-thuẫn với mình.

Chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn, với chủ-trương chấm dứt sự bóc lột cần-lao và nâng cao đời sống vật-chất của hạng bản-cùng, cũng rất thích-hợp với tinh-thần xã-hội.

Nó sở-dĩ không hô-hào bình-đẳng triệt-đề vì sự bình-đẳng triệt-đề không thể thực-hiện được bởi lẽ người vốn không bình-đẳng nhau rồi. Để cho mọi người ở vào một khung cảnh như nhau, rồi cho họ tự-do hoạt-động, ta không thực-hiện được sự bình-đẳng, vì trong trường-hợp đó, người giỏi sẽ hơn kẻ dở, người khôn sẽ hơn kẻ ngu, người mạnh sẽ hơn kẻ yếu. Trái lại, bắt mọi người đứng ngang hàng nhau mãi cũng không thực-hiện được lý-tưởng bình-đẳng, vì trong trường-hợp này, người ta xem những kẻ bất-tài y như những kẻ có tài.

Sự bình-đẳng hoàn-toàn đã không thực-hiện được thì sự hô-hào bình-đẳng sẽ gây rối loạn cho xã-hội chớ không có ích-lợi gì. Điều cần-thiết là hủy bỏ những chế-độ bất-công, và bảo-vệ những hạng người hèn kém để họ khỏi bị bắt nạt hay bị bóc lột.

Tuy không lấy tự-do và bình-đẳng làm nguyên-tắc chủ yếu cho lý-luận mình, chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn vẫn công-nhận những tự-do căn-bản của người, và cố-gắng san bằng

những nổi bất-công trong xã-hội. Như thế, nó thâm-thái được những cái hay của các chủ-nghĩa dân-chủ và xã-hội, mà lại tránh được những cái hại của các chủ-nghĩa ấy.

Một mặt khác, chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn, vốn chủ-trương các dân-tộc phải tranh-đấu nhau không ngừng nên rất thích-hợp với sự tiến-hóa. Nhờ chỗ dân-tộc nào cũng cố-gắng lên mãi để hơn dân-tộc khác mà cả nhơn-loại đều có thể tiến-bộ rất nhanh. Lịch-sử cận đại đã cho ta thấy rõ rằng chính trong những thời-kỳ chinh-chiến mà nền kỹ-thuật của người bước tới những bước khổng-lồ.

Điều duy-nhứt mà người ta có thể trách chủ-nghĩa Dân-tộc Sinh-tồn là nó tàn-nhẫn quá. Lời trách móc này có thể đúng. Nhưng thật ra sự tàn-nhẫn đó không phải tự nơi chủ-nghĩa ấy mà ra. Nó do cái định-luật thiên-nhiên chi-phối đời sống của muôn loài từ vạn cổ đến giờ.

Tạo-hóa đã khép đời sống các sanh-vật vào một khuôn khổ mà nó không thể vượt ra được. Sống là tranh-đấu, không tranh-đấu là chết. Người không muốn chấp-nhận luật này cũng không làm sao khác được. Và chung-qui chỉ còn có một vấn-đề được nêu ra cho người : *muốn sống hay là không muốn sống.*

Nếu người không muốn sống thì vấn-đề rất giản-dị. Nhưng sự thật, người luôn luôn muốn sống mà không phải chỉ muốn sống lấy còn, lấy có. Người muốn sống một cách đầy đủ về cả hai mặt vật-chất và tinh-thần.

Một khi ý muốn sống đầy đủ này còn thì sự cản dùm tranh-đấu vẫn còn. Không chấm dứt được ý muốn của người, ta chỉ có thể làm dịu sự tranh-đấu bằng cách giữ cho người ngu-độn để dễ tự-mãn tự-túc, hoặc khép họ vào một khuôn khổ khác-nghiệt, dùng sự bạo-tàn để chế-nự họ và nô-lệ-hóa họ khiến cho họ không còn một phản-ứng gì tự-nhiên nữa.

Thánh-kinh của người Âu Mỹ cho thủy-tổ của loài người là A-đam (Adam) và E-va (Eve) chỉ sung sướng khi họ ngây thơ không hiểu-biết gì cả. Khi trái ý Thượng-Đế mà ăn quả cây cấm giúp họ hiểu-biết, họ cảm thấy xấu hổ và bắt đầu từ đó phải chịu bao nỗi cực-khổ của kiếp sống trần-gian. Ý-kiến trên này rất đúng. Nhưng liệu ta có nên chủ-trương làm cho người ngu-độn để cho họ dễ thấy sung sướng và chấm dứt sự tranh-đấu nhau hay không ? Nhóm cộng-sản đã mặc-nhiên chấp-thuận điều này khi chủ-trương nhồi sọ nhơn-dân và gò bó tư-tưởng mọi người trong một khuôn khổ chật hẹp.

Nhưng điều này thật ra cũng không đủ để làm cho cái thế-giới đại-đồng cộng-sản được an-ôn vững chắc. Ngoài việc giam hãm trí óc người vào trong một cái vòng bé nhỏ, cộng-sản còn phải duy-trì một chế-độ cảnh-sát gắt gao để biến-tánh người, diệt các tình-cảm, và làm cho người hóa ra cái máy không một phản ứng tự-nhiên nào.

Nền hòa-bình mà cái thế-giới đại-đồng trên này tạo ra, dầu có thực-hiện được, cũng không phải là tốt đẹp cho người, vì người không phải chỉ muốn sống như súc-vật, mà muốn sống một cách cao- nhã hơn. Phương chi, nó không thể nào thực-hiện được một cách đàng-hoàng. Dầu cho đại-đa-số nhơn-loại có trở thành hoàn-toàn tuân lệnh chính-phủ trung-ương, sự tranh-đấu vẫn còn, còn giữa thiểu số nhơn-viên lãnh-đạo thế-giới cộng-sản. Sự tranh-đấu này, tuy không mang hình-thức một cuộc chiến-tranh thật-sự, cũng làm đổ máu nhiều và gieo rắc sự khổ-sở cho người.

Nói tóm lại, chủ-trương làm cho người ngu-độn và nô-lệ hóa họ để xây nền hòa-bình cho nhơn-loại không thể thực-hiện được, mà dầu có thực-hiện cũng không phải lợi cho nhơn-loại. Loài người vốn muốn sống, sống một cách đầy đủ, sống một cách cao-nhã. Mà muốn được sống như thế, họ chỉ còn có một cách là chấp-nhận sự tranh-đấu một cách anh-dũng. Đúng như thi sĩ Pháp đã nói : « *Rên siết, khẩn cầu hay khốc lóc cũng đều là hèn cả* ». Người muốn sống một cách ngang-nhiên chỉ có thể lặng lẽ nhận lấy vai tuồng mình trong mặt trận dân-tộc mà thôi.

Điều người có thể làm được là cố-gắng nhơn-đạo-hóa sự tranh-đấu một phần nào để cho loài người bớt khổ. Còn giấc mộng hòa-bình trong một nhơn-loại đại-đồng, nó chỉ có thể thực-hiện được khi nào cả loài người đều đứng trước một hiểm-họa chung rất lớn lao, như sự xâm lấn của một loài sanh-vật khác từ một hành-tinh khác kéo đến mà thôi. Có đồ cái ghét, cái vị-kỷ nơi loài khác, người mới có thể chấm dứt sự chia rẽ bên trong nhơn-loại mà đoàn-kết nhau lại.

Khi nào hiểm-họa này chưa có, người vẫn còn xung-đột nhau. Vấn-đề chấm dứt xung-đột, nếu có được nêu ra thì cũng chỉ đưa đến những cuộc bàn cãi suông, những quyết-nghị không-tương, chớ không thể đi đến những kết-quả gì tốt đẹp hơn.

Lý-tưởng cao nhất mà người có thể đạt được là cố tránh sự sát-phạt nhau thái-quá và hướng nhiều hơn đến sự tranh-đấu ôn-hòa. Sự thiết-lập những tổ-chức quốc-tế, những cơ-quan điều-giải những cuộc tranh-chấp giữa các quốc-gia sẽ có thể đưa đến nhiều kết-quả tốt.

Dầu sao, việc chấm dứt hẳn chiến-tranh cũng là một việc không có nhiều hy-vọng thành-công. Trong trường-hợp đó, người không thể mãi mê theo cái ảo-mộng đại-đồng, mà phải dám nhìn vào sự thật phủ-phàng. Có dám nhìn vào sự thật phủ-phàng, người mới tránh được những thất-vọng ê chề, tạo được cho mình một cuộc đời đáng sống, và luyện cho mình những đức-tánh tranh-đấu cần-thiết, những đức-tánh tranh-đấu nâng cao giá-trị và nhơn-phẩm của người.

THUYẾT SINH-HOẠT HAY THUYẾT HIỆN-SINH

Sau trận thế-chiến thứ nhì, một số ký-giả ở Sài Gòn đã đem lý-thuyết của một triết-gia Pháp tên là Jean Paul Sartre ra phổ-biến và phê-bình. Lý-thuyết ấy tiếng Pháp gọi là « Existentialisme », và một số ký-giả đã dịch lại là « Chủ-nghĩa Sinh-tồn ». Nhưng thật-sự, lý-thuyết của Jean Paul Sartre không dính dáng gì đến chủ-nghĩa Sinh-tồn trình bày trong sách này. Để đánh tan mọi sự hiểu lầm và giúp cho các bạn đọc-giả thấy rõ chỗ khác nhau ở hai bên, chúng tôi xin đăng sau đây một bài khảo cứu về thuyết Existentialisme mà chúng tôi dịch là « thuyết sinh-hoạt », và được một số người khác dịch là « thuyết hiện-sinh ».

H.N

Những nhà triết học, tư-tưởng-gia từ ngàn xưa đến giờ đã luôn luôn băn khoăn suy nghĩ về những vấn-đề thế-giới là gì, có Thượng-Đế cai quản thế-giới hay không, người là gì, người từ đâu đến và đi về đâu.

Câu hỏi sau cùng : « người đi về đâu ? » đã được người ta đặc-biệt chú ý và tìm cách trả lời. Thuyết sinh-hoạt chính là một trong những câu trả lời của các triết- gia Âu-Châu

I.- THUYẾT NGUYÊN-THỂ VÀ THUYẾT SINH-HOẠT.

Nhưng không phải thuyết sinh-hoạt là thuyết đầu tiên mà người ta đã nghĩ ra để trả lời cho câu hỏi « người đi về đâu ? ».

Trong suốt bao nhiêu thế-kỷ, điều mà các triết-gia nhận thấy trước nhất là sự quan-sát nhơn-vật bao quanh mình là sự trật-tự chi-phối thiên-nhiên và vạn-vật. Nhìn ra võ-trụ, người ta có cảm tưởng như là đi xem một buổi diễn kịch tổ-chức rất khéo-léo, trong đó mỗi kịch-sĩ đều thuộc vai tuồng mình và giữ đúng chỗ mình. Điều này làm cho người ta có ý so sánh cuộc đời như là chỗ kịch-trường.

Trên kịch-trường, một vở tuồng điều có nhiều vai tuồng và những kịch-sĩ. Các vai tuồng không bao giờ đổi, nhưng các kịch-sĩ thủ những vai tuồng ấy thì có thể thay đổi luôn luôn. Thí-dụ như ta đem diễn vở kịch « Người hà tiện » của Molière, thì vai tuồng anh Harpagon luôn luôn vẫn có một, nhưng anh kép thủ vai Harpagon ấy thì có thể thay đổi, kỳ thì anh Mít, kỳ thì anh Xoài.

Theo những triết-gia thời xưa thì sân khấu võ-trụ cũng y như sân khấu kịch-trường : mỗi người, mỗi vật đều đóng một vai tuồng nhất-định. Các vai tuồng này, như vai tuồng Đàn Ông, Đàn Bà, Thi-sĩ, Cây, Đá, đều là những tiêu-chuẩn bất di bất dịch, vĩnh viễn, chủ yếu. Người ta gọi các vai tuồng ấy là Nguyên-thể (Essence). Những cá-nhơn hay đồ vật, như ông Mít, ông Xoài, cành cây, viên đá, cái bàn v.v... chỉ là những kép hát tạm-thời thủ những vai tuồng ấy. Những kép hát này sanh ra, sống rồi chết. Họ hiện sống, họ là những nhơn-vật sinh-hoạt (Existence).

Như thế, những triết-gia thời xưa cho rằng những nhơn-vật sinh-hoạt (Existence) chỉ là những vật phó-sản của các nguyên-thể (Essence). Nguyên-thể luôn luôn có trước nhơn-vật sinh-hoạt. Nhờ quan-niệm này người ta cắt nghĩa được bộ máy của vũ-trụ và con người. Vũ-trụ chỉ là toàn- thể những nhơn-vật do các nguyên-thể gây ra. Người chỉ là một nhơn-vật sinh-hoạt như bao nhiêu nhơn-vật sinh-hoạt khác, nhưng nhờ có mắt, mũi, tay chơn, trí óc, người cảm-giác được và chấp-nhận dễ dàng những nhơn-vật ở quanh mình và trật-tự của vũ-trụ.

Ngoài ra, người lại hiểu rằng muốn thành kịch-sĩ xứng đáng, mình phải thuộc vở tuồng mình cho hay. Tất cả những qui- tắc luân-lý của những người theo thuyết nguyên-thể đều do nguyên-tắc trên này mà ra. Nếu ta là người thì nhiệm-vụ ta là phải sống cách nào cho thật giống với cái tiêu-chuẩn hoàn-toàn của người, cũng như cái xe hơi chỉ là cái xe hơi hoàn-toàn khi nào nó giống với cái xe kiểu mẫu do nhà phát minh chế tạo ra. Khi người không còn sinh-hoạt nữa thì kẻ khác sẽ tùy theo chỗ đời sống của người giống hay không giống cái nguyên-thể mà người đại-diện để định giá-trị của người. Người càng giống cái nguyên-thể Người thì càng xứng đáng làm người.

Thuyết nguyên-thể đại khái là thế. Nó đã được một số đông triết-gia thời trước chấp-nhận. Nhưng một số triết-gia khác không chấp-nhận thuyết này. họ nhắc cho mọi người nhớ rằng không ai có thể gặp những nguyên-thể, những tiêu-chuẩn ở trên này ở đâu cả. Dầu cho ta có gọi những nguyên-thể ấy là Lý-tượng, Thượng-Đế, Thiên-nhiên hay Tối-Sơ Nguyên-nhơn cũng vậy, tất cả những cái mà những triết-gia nguyên-thể gọi là tiêu-chuẩn vẫn là những ý-tượng trừu-tượng, vô hình. Cho rằng thế-giới nguyên-thể không dựa vào sự thật, những triết-gia trên này đi tìm một mảnh đất chắc hơn để đặt nền tảng lý-luận của họ. Do đó, họ quay về yếu-lãnh thứ nhì của vấn-đề là nhơn-vật sinh-hoạt.

Những nhơn-vật sinh-hoạt này quả có thật. Và nếu không ai gặp được Thượng-Đế, Thiên-nhiên hay những luật vũ-trụ bao giờ, người ta cũng luôn luôn gặp con người, cành cây, viên đá.

Lật ngược thuyết nguyên-thể lại, những người theo thuyết sinh-hoạt đặt ra nguyên-tắc : vật chắc chắn duy-nhứt, chính là nhơn-vật sinh-hoạt. Nhơn-vật sinh-hoạt trước có nguyên-thể mình, nghĩa là có những đức-tánh tạo nguyên-thể ấy.

Chỉ sau khi thấy nhơn-vật sinh-hoạt và quan sát tánh-chất của nó rồi người ta mới nghĩ đến cái nguyên-thể làm tiêu-chuẩn cho nó. Thuyết sinh-hoạt này lật đổ hết các quan-niệm nguyên-thể về vũ-trụ và con người.

II.- CÁC THUYẾT SINH-HOẠT KHÁC NHAU.

Ta đã thấy đại khái thuyết sinh-hoạt là gì. Nhưng muốn biết nó một cách rõ ràng hơn nữa, chúng ta cần phải biết qua quan-niệm của các nhà tư-tưởng theo thuyết sinh-hoạt về nhơn-vật sinh-hoạt.

Để trả lời câu hỏi « nhơn-vật sinh-hoạt là gì ? » những người theo thuyết sinh-hoạt chia nhau làm hai nhóm : nhóm sinh-hoạt công-giáo theo học phái của nhà học giả Đan Mạch, Kierkegaard, hay của nhà học giả Pháp, Gabriel Marcel, và nhóm sinh-hoạt vô-thần theo học phái Đức của Heidegger hay theo học phái Pháp của Jean Paul Sartre.

Đối với tất cả những người theo thuyết sinh-hoạt trên này, sinh-hoạt tức là thi-hành một cử chỉ, làm cho một việc có thể xảy ra thành một việc có thể xảy ra thật. Người là một vật sinh-hoạt, vì người luôn luôn biến đổi cái có thể xảy ra thành cái có thật. Thí-dụ như một người muốn hút thuốc, và đốt một điếu thuốc hút. Làm như thế, người biến mình từ trạng-thái người không hút thuốc qua trạng-thái người hút thuốc. Kế đó, người có thể biến thành từ trạng-thái người hút thuốc qua người uống cà phê v.v... Vậy, **sinh-hoạt tức là chuyển biến, và sự chuyển biến này chỉ cảm thấy bên trong người, chớ không phải từ bên ngoài đưa đến.** Do đó, danh-từ sinh-hoạt đối với những nhà tư-tưởng theo thuyết sinh-hoạt chỉ áp-dụng vào các sinh vật và nhất là người. Đối với những người này, viên đá không phải là một vật sinh-hoạt, mà là một vật hiện-hữu. Người không phải do một tiêu-chuẩn nào mà gây được tánh-chất của mình, người tự tạo lấy mình từng giây, từng phút, cũng như con sò, con ốc không ngừng nhả chất vôi để làm cái vỏ bao mình.

Thêm nữa, **sinh-hoạt, tức là được tự-do chọn lựa.** Mỗi người khi đi từ trạng-thái này sang trạng-thái khác, đã chọn lựa một trong nhiều trạng-thái mà người thấy thích và muốn có. Thí-dụ : như người có thể ở nhà đánh bài chơi, hay thả rêu ngoài phố tùy theo ý-thích của mình.

Nhưng đối với người theo thuyết sinh-hoạt thì trên đời này không có những kiểu mẫu, tiêu-chuẩn gì làm gương cho người, không có những định-luật đại-đồng hướng-dẫn người trong sự chọn lựa : người hành-động theo một sức xung-động tự-nhiên trong lòng mình.

Hai nhóm người theo những thuyết sinh-hoạt khác nhau phân tách nhau về quan-niệm đối với sức xung-động này. Theo nhóm sinh-hoạt công giáo thì sức xung-động thúc giục người hành-động là một sự xung-tiến trong lòng Thượng-Đế (học phái Kierkegaard) hay một giai-đoạn trong bước tiến về Thượng-Đế (học phái Gabriel Marcel). Theo nhóm sinh-hoạt vô-thần thì sự xung-động này là một sự tự-do hoàn-toàn của người muốn làm gì thì làm, không làm thì thôi ; sự tự-do này không có cơ-sở nền tảng gì, và không dựa vào đâu cả (học phái Jean Paul Sartre).

Chung-qui, theo thuyết của Jean Paul Sartre thì với những hành-vi cử chỉ của chúng ta, chúng ta đào-tạo nên nhơn-cách của chúng ta, nhưng chúng ta nhắm mắt làm chớ không có tiêu-chuẩn, kiểu mẫu gì cả. Theo sự tình-cờ của hành-động mà ta trở thành một người hà-tiện, một anh phóng-đăng hay một vị anh-hùng. Nhưng sau khi có hình-dáng của một nhơn-vật rồi, chúng ta có thể, hoặc tiếp-tục hoàn-thành tánh-cách nhơn-vật ấy, nếu chúng ta có óc thủ-cựu, nhơn-tuần, hoặc tìm cách thoát ly nhơn-vật ấy bằng những cử-chỉ càng ngày càng tự-do hơn mà người ta thường gọi là phóng khoáng.

Nhưng nếu con người ở trong tình-trạng lù mù, lờ mờ và sống không mục-đích như thế thì con người không có trách-nhiệm gì cả hay sao ? Nhà sinh-hoạt vô-thần không chấp-nhận điều này. Họ cho rằng mỗi trạng-thái mà người chọn lựa, mỗi hành-động của người không những trói buộc con người mà còn trói buộc tất cả những người khác nữa. Sartre đã từng bảo : « Tôi phải chịu trách-nhiệm về chiến-tranh cũng như chính tôi đã từng đứng ra tuyên-chiến vậy ».

Như thế, người phải chịu trách-nhiệm về tất cả những hành-động của mình và của người khác, mặc dầu giữa người này và người nọ không có sự thông-cảm nhau một cách hoàn-toàn, vì mỗi người đều sống cuộc đời riêng của mình, và tự tạo nên cuộc đời ấy.

Đối với vấn-đề nguồn gốc con người, và lý-do tồn-tại của nhơn-loại thì những người theo thuyết sinh-hoạt công giáo cho rằng đó là ý muốn của Thượng-Đế, và ý muốn này, người không sao hiểu được, còn người theo thuyết sinh-hoạt vô-thần thì cho rằng vấn-đề này không phải là một vấn-đề, và tự-nhiên không có sự giải-thích hay trả lời gì cả. Họ cho rằng sự sống của người và ngay đến con người đều là những sự kiện tuy có thật nhưng không giải-thích một cách hợp-lý được.

Nói tóm lại, theo thuyết sinh-hoạt của Jean Paul Sartre thì con người được tự-do hoàn-toàn, muốn làm gì thì làm, không muốn làm thì thôi, nhưng sự chọn lựa thái-độ làm hay không làm, làm cái này hay cái khác chỉ là một sự chọn lựa mù quáng, bất định, ngẫu nhiên ; tuy thế, người phải chịu trách-nhiệm về tất cả những hành-vi cử-chỉ của mình, đối với chính mình và đối với những người khác, mặc dầu về những người khác này, người chỉ có một ý-thức mơ-hồ, và sau cùng, người không biết mình đi về đâu, vì người chỉ là một vật mà sự tồn-tại rất phi-lý, không giải nghĩa được.

III.- CHỖ KHÁC NHAU GIỮA THUYẾT SINH-HOẠT VÀ CHỦ-NGHĨA SINH-TỒN.

Vậy, thuyết sinh-hoạt không dính dáng gì đến chủ-nghĩa sinh-tồn.

Chủ-nghĩa sinh-tồn là một chủ-nghĩa chánh-trị còn thuyết sinh-hoạt chỉ là một quan-niệm triết-lý về con người. Tuy cả hai cùng nghiên-cứu về sự sống của con người, nhưng chủ-nghĩa sinh-tồn đặt nền tảng trên sự nhận xét về ý muốn sống còn của con người và khảo-sát sự hoạt-động của người với mục-đích hướng-dẫn con người trong sự tranh-đấu để phụng-sự ý muốn sống còn ấy, còn thuyết sinh-hoạt đặt nền tảng trên sự băn khoăn của con người về nguồn gốc và cứu-cánh của mình, và khảo-sát hoạt-động của người để giải thích cứu-cánh ấy. Sau khi lý-luận quanh quẩn một hồi, thuyết sinh-hoạt đi đến chỗ kết-luận rằng mình bất-lực, không đạt được mục-đích ấy, và để cho người lạc lỏng, ngẩn ngơ trước sự vô-lý của sự sống. Vì đó, chủ-nghĩa sinh-tồn có tánh-cách thiết-thực, nung lòng chiến-đấu và hướng-dẫn sự sinh-hoạt, như là thuyết sinh-hoạt vô-thần, thì siêu hình, đem sự băn khoăn lo ngại đến thêm cho người và làm rùn chí người trước một sự hư-không khủng-khiếp, vô-ý-nghĩa.

Như thế, chủ-nghĩa dân-tộc sinh-tồn cần-thiết và ích-lợi cho người, còn thuyết sinh-hoạt không những vô ích mà lại còn có hại cho người. Những người công kích thuyết sinh-hoạt đã rất có lý mà cho nó là một học-thuyết lừng lơ không cơ-sở, không cứu-cánh, sản-phẩm của những bộ óc bệnh-hoạn, thiếu tinh-thần tranh-đấu và hay đeo vào sự băn-khoăn lo ngại vẩn-vơ.

HẾT

LỜI CẢM TẠ

Sau hơn nửa thế-kỷ, chúng tôi gặp cơ-duyên cho tái bản sách « **Dân-tộc sinh-tồn – Chủ-nghĩa Quốc-gia Khoa-Học –** » in năm 1964 tại Sài-gòn của cố Giáo-Sur Nguyễn Ngọc-Huy, dưới bút-hiệu *Hùng Nguyên*.

Chủ-nghĩa Dân-tộc sinh-tồn là một hệ-thống tư-tưởng về triết-học và chánh-trị do nhà cách-mạng Trương tử Anh công-bố ngày 10.2.1938 vì ông nhận thấy : « *Những triết-thuyết, những chủ-nghĩa đương thời đều không thích hợp với dân-tộc Việt-nam và đều có sai lầm* ».

Nhân-dân Việt-Nam phải tự-hào về một chủ-thuyết dân-tộc do người Việt-Nam đề-xuất, vì quyền-lợi của nhân-dân và tổ-quốc Việt-Nam. Ở ngưỡng cửa thế-kỷ 21 này, vào lúc chủ-nghĩa ngoại-lai cộng-sản đã phá-sản, chủ-nghĩa thần-quyền lạc-hậu gây tang thương đẫm máu, chủ-nghĩa « Dân-tộc sinh-tồn » phải chiếm-lĩnh vị-trí ý-thức-hệ chỉ-đạo để hồi-phục đất nước trên mọi lãnh-vực, nhất là xây-dựng lại niềm tự-hào dân-tộc và dân-chủ tự-do.

Chân-thành cảm-tạ các thân-hữu, các bạn đồng-hành chung lý-tưởng đã tiếp tay trong việc đánh máy, đọc lại, chữa lỗi và sai sót của ấn-bản tập sách này, cũng như chịu trách-nhiệm việc tái bản và phân phối cuốn sách này :

Anh và chị Lâm hoàng Tùng, Nhữ đình Hùng, Nguyễn Sơn, Đào nhật Tiến, Trương Sĩ Lương, Trần minh Tâm, Hồ văn Di-Hán, Trương minh Hoàng, Hứa vạng Thọ.

Chân-thành cảm-tạ các « mạnh-thường-quân » , đặc-biệt là những đảng-viên Đại-Việt và Liên-minh Dân-chủ Việt-nam, đã chấp-nhận ứng tiền mua trước khi sách được thực-hiện. Điều này nói lên lòng mến mộ của quý vị đối với cố Giáo-Sur Nguyễn Ngọc-Huy, muốn có một tài-liệu lịch-sử để nghiên-cứu, và đồng-thời cũng nói lên sự tin-tưởng của quý vị đối với chúng tôi.

Mong rằng bộ sách « Dân-tộc Sinh-tồn – Chủ-nghĩa Quốc-gia khoa-học – » sẽ không phụ lòng bạn đọc, và nếu có điều chi sơ sót xin quý bạn vui lòng lượng thứ cho.

Ủy-ban tái bản sách Dân-tộc Sinh-tồn



NGUYỄN NGỌC HUY

Bút hiệu: Đăng Phương, Hùng Nguyên, Ba Xạo, và nhiều bút hiệu khác

A. Chi tiết cá-nhơn.

- **Sanh ngày 2 .11. 1924** tại Chợ Lớn (Nam Việt). Quê quán làng Mỹ Lộc, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (Nam Việt- Nam).
- **Qua đời: ngày 28-7-1990 lúc 21 giờ 30** (giờ Paris) tại Paris, Pháp

Quốc.

Văn-băng:

- 1963: Tiến-Sĩ Chánh-trị-học, Trường Đại-học Luật-khoa và Khoa-học Kinh-tế, Viện Đại-học Paris. Luận án: "Đề-tài người ưu-tú trong tư-tưởng chánh-trị Trung-Quốc cổ-thời"
- 1960: Cao học Chánh-trị, Trường Đại-học Luật-khoa và Khoa-học Kinh-tế, Viện Đại-học Paris. Luận văn: "Lễ trong tư-tưởng chánh-trị Trung Quốc cổ-thời".
- 1959: Cử-nhơn Luật-khoa và Khoa-học Kinh-tế, Viện Đại-học Paris.
- Tốt nghiệp Viện Nghiên-cứu Chánh-trị (Ban Bang-giao Quốc-tế), Viện Đại-học Paris.
- Tự học thi đậu bằng Tú-tài.
- Tốt nghiệp Ban Cao-đẳng Tiểu-học ở trường Trung-học Pétrus Trương Vĩnh Ký.

B. Chức-vụ.

Trong ngành giảng-huấn:

-Từ 1976: Phụ-khảo tại Trường Đại-học Luật-khoa Harvard (Viện Đại-học Harvard).

-1965-1975: Giáo-sư Chánh-trị-học và Luật Hiến-pháp ở:

- Học Viện Quốc-gia Hành-chánh, Sài Gòn.
- Trường Đại-học Luật Khoa và Khoa-học Xã-hội, Viện Đại-học Cần Thơ.
- Trường Đại-học Sư-phạm, Viện Đại-học Sài Gòn.
- Trường Đại-học Luật Khoa, Viện Đại-học Huế.
- Các trường Đại-học tư: Đà Lạt, Vạn Hạnh, Minh Đức, Minh Trí...
- Đồng thời, giảng viên ở:

Trường Cao-đẳng Quốc-Phòng , Trường Chi-huy Tham-mưu Cao-cấp, Trường Đại-học Chiến-tranh Chánh-trị.

-1967-1968: Khoa-trưởng Luật Khoa và Khoa-học Xã-hội, Viện Đại-học Cần Thơ. Năm 1968 từ chức Khoa-trưởng để tham-dự phái đoàn Việt-Nam Cộng-hòa trong cuộc Hòa-đàm Paris, Pháp Quốc.

Trong chánh-quyền:

- 1973: Nhơn-viên phái-đoàn V.N.C.H. tham-dự cuộc thương-thuyết La Celle Saint Cloud, Pháp Quốc.
- 1968-1970: Nhơn-viên phái-đoàn V.N.C.H. tham-dự Hòa Đàm Paris Pháp Quốc.
- 1967: Hội-viên Hội Đồng Dân Quân.
- 1964: Đồng-lý Văn Phòng Phủ Phó-thủ-tướng đặc-trách bình-định.

C. Hoạt-động chánh-trị.

- Từ 1986: Hội-viên Ủy-ban danh-dự của Ủy-Ban Quốc-tế Yểm-trợ Việt-Nam Tự Do.
- Từ 1981: Chủ-tịch Ủy-ban Chấp-hành Trung-Ương Liên Minh Dân-Chủ Việt-Nam.
- 1973-1975: Đồng Chủ-tịch Liên Minh Quốc-Gia Dân-Chủ Xã-Hội, một mặt trận gồm sáu chánh đảng đối-lập theo xu-hướng dân-chủ.
- 1969-1975: Tổng-thơ-ký Phong-Trào Quốc-Gia Cấp Tiến.
- 1964-1990: Cùng một số đồng-chí đảng-viên Đại-Việt Quốc Dân Đảng Xứ Bộ Miền Nam thành lập đảng Tân Đại-Việt và là thủ-lãnh đảng này, cả trong thời gian lưu vong ở Hoa Kỳ từ năm 1975 cho đến khi qua đời ở Pháp năm 1990.
- 1945-1964: Đảng-viên Đại-Việt Quốc Dân Đảng; nhơn-viên Ủy-ban Chấp-Hành Trung Ương của đảng từ năm 1948.

Trưởng Lục.

- WHO'S WHO đông bộ Hoa-Kỳ, ấn bản lần thứ 18, 1981-1982.
- Giải thưởng của Viện Đại-học Paris trao cho một trong các luận-án xuất sắc nhất trong niên-học 1963-1964.

Chuyên-môn

- Luật: Luật Hiến-pháp
- Chánh-trị-học: tư-tưởng chánh-trị, định-chế chánh-trị, bang-giao quốc-tế.
- Ngôn ngữ: Việt, Pháp, Anh, Hán văn.

D. Tác-phẩm đã xuất-bản.

I. SÁCH

- Tiếng Việt:

1. BIỆN-CHỨNG DUY XAO LUẬN (Trào phúng).
2. DÂN-TỘC HAY GIAI-CẤP
3. NHẬN-ĐỊNH TÌNH-HÌNH THỂ-GIỚI (4 tháng đầu năm 1990), Mekong-Ty nạn, San Jose, Hoa Kỳ, 1990.
4. QUỐC-TRIỀU HÌNH-LUẬT (Quyển A, trong trọn bộ 8 quyển), Việt Publisher, Canada, 1990
5. CÁC ẮN-SỐ CHÁNH-TRỊ TRONG TIÊU-THUYẾT VÕ-HIỆP KIM DUNG, Thanh Phương Thư Quán, San Jose, Hoa Kỳ, 1986.
6. HỒN VIỆT, thơ, Đuốc Việt, Sài Gòn, Việt Nam, 1950, Thanh Phương Thư Quán tái bản ở Paris, Pháp Quốc, năm 1984 và ấn bản thứ ba ở San Jose, Hoa Kỳ, 1985.
7. HÀN PHI TỬ: bản dịch ra Việt ngữ tác phẩm của Hàn Phi, nhà lý thuyết trứ danh của học phái Pháp Gia Trung-Quốc, (2 quyển), Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1974.
8. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÁNH TRỊ (2 quyển), Cấp Tiến, Sài Gòn, 1970-1971.

9. ĐỀ-TÀI NGƯỜI ƯU-TÚ TRONG TƯ-TUỞNG CHÁNH-TRỊ TRUNG-QUỐC CỒ-THỜI, bản dịch ra Việt-ngữ Luận-án Tiên-sĩ viết bằng tiếng Pháp, Cấp Tiến, Sài Gòn, 1969.

10. DÂN-TỘC SINH-TỒN, chủ thuyết của Đại-Việt Quốc Dân Đảng, được san định, bổ-túc, biến cải, khai-triển, hệ-thống-hóa, phong-phú-hóa và thu nhận các nguyên-tắc tự-do và dân-chủ hợp hiến, (2 quyển), Đại-Việt Quốc Dân Đảng, Sài Gòn, 1964.

Cùng viết với Trần Minh Xuân (2 cuốn 11 và 12 trong danh sách này):

11. Hiệu-đỉnh và chú-thích LỤC SỨC TRANH CÔNG. Đi tìm tác-giả và dụng-ý chánh-trị trong tác phẩm. Mekong-Ty nạn, California, USA, 1991.

12. HỒ CHÍ MINH: TỘI PHẠM NHƠN-QUYỀN VIỆT-NAM. Mekong-Ty nạn, California, USA, 1992.

- Tiếng Pháp:

13. POUR UNE NOUVELLE STRATÉGIE DE DÉFENSE DU MONDE LIBRE CONTRE L'EXPANSION COMMUNISTE, Alliance Pour La Démocratie Au Vietnam, Paris, 1985.

- Tiếng Anh:

14. Cùng viết với Tạ Văn Tài và Trần Văn Liêm:

THE LÊ CODE: LAW IN TRADITIONAL VIETNAM, bản dịch ra tiếng Anh và chú-thích bộ QUỐC-TRIỀU HÌNH-LUẬT, tục danh LUẬT HỒNG ĐỨC của nhà Lê (1428-1788), Ohio University Press, Hoa Kỳ, 1987.

15. A NEW STRATEGY TO DEFEND THE FREE WORLD AGAINST COMMUNIST EXPANSION, Alliance For Democracy In Vietnam, 1985.

16. PERESTROIKA OR THE REVENGE OF MARXISM OVER LENINISM, Việt Publisher, Canada, 1990.

Cùng viết với Stephen B. Young (2 cuốn 17 và 18 trong danh sách này)

17. UNDERSTANDING VIETNAM, do T.D.T. Thomason xuất bản, The Displaced Persons Center Information Service, Bussum, The Netherlands.

18. THE TRADITION OF HUMAN RIGHTS IN CHINA AND VIETNAM, Yale Southeast Asia Studies, The LẠC VIỆT Series, New Haven, CT, USA, 1990.

Báo:

19. Nguyệt-san Tự Do Dân Bản, Hoa Kỳ, 1981...

20. Nhựt báo Cấp Tiến, Sài Gòn 1968...

21. Nguyệt-san Cấp Tiến, Sài Gòn 1968...

II. LOẠI DI CẢO

22. DI CẢO I: VẬN-ĐỘNG QUỐC-TẾ YỀM-TRỢ VIỆT-NAM TỰ DO (Phát hành vào ngày truy điệu cô Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy tại San Jose State University, San Jose, USA, 26-8-1990), Mekong-Ty nạn, Hoa Kỳ, 1990.

23. DI CẢO II: NHỮNG LỜI CUỐI CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN NGỌC HUY (Phát hành đúng ngày giỗ đầu cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy tại San Jose, Bắc California, Hoa Kỳ và nhiều nơi khác trên thế giới, 28-7-1991), Mekong-Ty nạn, California, USA, 1991.

24. DI CẢO III: TIẾN-TRÌNH HÌNH-THÀNH QUỐC-KỶ VÀ QUỐC-CA VIỆT-NAM - VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP TRUNG-LẬP (Phát hành nhân ngày giỗ thứ hai cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, 28-7-1992), Mekong-Ty nạn, California, USA, 1992.

25. DI CẢO IV: CHUNG QUANH VIỆC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA SỤP ĐỔ HỒI THÁNG 4-1975 (Phát hành đúng ngày giỗ thứ ba cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, 28-7-1993), Mekong-Ty nạn, California, USA, 1993.

26. DI CẢO V: BẢN CHẤT CỦA CỘNG-SẢN VIỆT NAM... &...VẤN-ĐỀ XÃ-THÔN TỰ TRI... (Phát hành đúng ngày giỗ thứ tư cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, 28-7-1994), Mekong-Ty nạn, California, USA, 1994.

27. DI CẢO VI: NHỮNG HÀNH-ĐỘNG PHẠM PHÁP TRONG TRUYỆN KIỀU XÉT THEO LUẬT-PHÁP CỔ VIỆT-NAM VÀ TRUNG-HOA (Phát hành đúng ngày giỗ thứ sáu cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, 28-7-1996), Mekong-Ty nạn, California, USA, 1996.

28. DI CẢO VII: TÊN HỌ NGƯỜI VIỆT NAM (Phát hành đúng ngày giỗ thứ tám cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, 28-7-1998), Mekong-Ty nạn, California, USA, 1998.

III. BÀI ĐĂNG BÁO.

Tiếng Việt:

-1975-1990: Bài Nhận-Định Tình-hình thế-giới trong tháng vừa qua và nhiều bài liên-hệ đến văn- hóa và chánh-trị Việt-Nam trên nhiều báo, như là Tự-do Dân Bản và Đường mới, cùng lúc, hay sau đó, được trích-đăng trên nhiều báo khác như Mekong- Ty nạn, Saigon, Thăng Mỗ...

-1968-1975: Bài bình-luận về Tình-hình Thế-giới, diễn-tiến chánh-trị Việt-Nam, Tư-tướng Chánh- trị Trung-Hoa và Việt-Nam, và Luật Hiến-Pháp trên các báo CẤP TIÊN, DÂN QUYỀN...

- 1963-1975: Bài viết trong các tạp chí ĐỒNG-NAI VĂN TẬP, NGHIÊN-CỨU HÀNH-CHÁNH, LỬA THIÊNNG và QUỐC-PHÒNG...

-1947-1953: Bài bình luận và thơ trong các tuần báo ĐUỐC VIỆT VÀ THANH NIÊN.

Tiếng Pháp:

- LA FRANCE ET LE VIETNAMIEN PARTISAN DE LA DÉMOCRATIE LIBÉRALE, trong ĐƯỜNG MỚI, Pháp Quốc, số 4, 1985.

- LE CODE DES LÊ, nhận xét về bản dịch bộ luật nhà Lê ra tiếng Pháp của Ông Deloustal và về niên-biểu ấn-hành của bộ luật này, trong BULLETIN DE L'ÉCOLE FRANCAISE D'EXTRÊME ORIENT, Quyển LXVII, Pháp Quốc, 1980.

Tiếng Anh:

- Cùng viết với Tạ Văn Tài: THE VIETNAMESE LEGAL TEXTS, trong THE LAW OF SOUTH-EAST ASIA, Quyển 1, THE PRE-MODERN TEXTS, do M.B. Hooker xuất bản, Butterworth & Co, 1986.
- LIMITS ON STATE POWER IN TRADITIONAL CHINA AND VIETNAM, trong THE VIETNAM FORUM, Ban Nghiên-Cứu Đông-Nam Á-Châu của Đại-học Yale, Hoa Kỳ, số 6, Hè-Thu 1985.
- THE MING CODE IN VIETNAMESE LEGAL HISTORY: ITS INFLUENCE ON THE VIETNAMESE CODES AND OTHER LEGAL DOCUMENTS, trong MING STUDIES, số 19, Thu 1984.
- ON THE PROCESS OF CODIFICATION OF THE NATIONAL DYNASTY'S PENAL LAWS, trong THE VIETNAM FORUM, Ban Nghiên Cứu Đông-Nam Á-Châu của Đại-học Yale, Hoa Kỳ, số 1, Đông-Xuân 1983.
- THE PENAL CODE OF VIETNAM'S LÊ DYNASTY, trong STATE AND LAW IN EAST ASIA, để kỷ-niệm ngày Ông Karl Bungeer trí sĩ, do Dieter Eikemeier và Herber Franke xuất bản, Otto Harrassowitz, Weisbaden, 1981.

IV. THUYẾT- TRÌNH.

- VAI TRÒ HỒ CHÍ MINH TRONG DIỄN-TIẾN CỦA TÌNH-TRẠNG NHƠN-QUYỀN TẠI VIỆT-NAM, HỘI-THẢO VỀ ĐỀ-TÀI "CON NGƯỜI VÀ DI-SẢN CỦA HỒ CHÍ MINH" do một số đoàn-thể Việt Nam và Pháp tổ-chức tại Điện Luxembourg (Trụ sở Thượng-Nghị-Viện Pháp), trong 2 ngày 25 và 26-5-1990.
- CHÁNH-SÁCH QUỐC-PHÒNG CỦA CỘNG-SẢN VIỆT-NAM, Trường Đại-học Không Quân Hoa-Kỳ, Colorado Springs, Colorado, Hoa Kỳ, ngày 11-4-1988.
- KINH-NGHIỆM CỦA HOA-KỲ TẠI VIỆT-NAM, Trường Đại-học Không-Quân Hoa-Kỳ, Colorado Springs, Colorado, Hoa Kỳ, ngày 12-4-1988.
- CỘNG-SẢN VIỆT-NAM VÀ NỀN AN-NINH Á-CHÂU, Viện Đại-học Monash, Melbourne, Úc Đại Lợi, ngày 17-9-1987.
- LIÊN-MINH LIÊN-SÔ CỘNG-SẢN VIỆT-NAM VÀ NỀN AN-NINH CỦA ĐÔNG-NAM-Á-CHÂU, HỘI-thảo Bàn Tròn do Hội International Security Council (Hội-đồng An-ninh Quốc-tế) tổ- chức ở Bangkok từ ngày 6 đến 8-7-1986.
- TRẬN CHIẾN-ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ SỰ SỤP-ĐỔ CỦA MIỀN NAM VIỆT-NAM: 1973-1975, HỘI-thảo về đề-tài KINH-NGHIỆM VIỆT-NAM: 1945-1975, do Trường Đại-học Glassboro tổ- chức trong hai ngày 7 và 8-4-1986.
- VIỆT-NAM DƯỚI ÁCH CỘNG-SẢN, nhằm Hội-thảo về Đông-Nam Á-Châu trong Trung-tâm Nghiên Cứu Các Vấn Đề Quốc Tế thuộc Viện Đại-học Harvard, ngày 23-11-1981, về sau được Viện Đại-học George Mason đăng lại trong loạt bài nghiên-cứu về VN.
- THỰC-TRẠNG Ở VIỆT-NAM VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG-DƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO CÁC VẤN-ĐỀ DO CÁC NƯỚC ẤY GÂY RA, Trung-tâm Văn-hóa Á-Mỹ, Viện Đại-học Minnesota, ngày 3-10-1981.
- NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU-QUẢ CỦA VIỆC MIỀN NAM VIỆT-NAM SỤP ĐỔ NĂM 1975, Đại-hội toàn quốc của Hiệp_hội Nghiên-cứu Mỹ-Á Về Á-Châu và Thái-Bình-Dương, Viện Đại-học Washington ở Seattle, thuộc tiểu-bang Washington, năm 1980.